Tác giả: NGUYỄN VĂN HUẤN

và NGUYỄN THỊ HAI

VŨ TRỤ

Và

CON NGƯỜI

QUYỂN 2

KROTONA 2007

CHI BỘ PHỤNG SỰ CHÂN LÝ

PHÁT HÀNH 2013

MỤC LỤC

MỤC LỤC . . . . . TRANG 3
Chương 24 :
Nhánh thứ tư và nhánh thứ năm
CỦA GIỐNG DÂN THỨ TƯ.. . . . . Trang 5
Chương 25:
Nhánh thứ NĂM CỦA GIỐNG CHÁNH THỨ TƯ.. Trang 7
Chương 26 :
Nhánh thứ SÁU CỦA GIỐNG DÂN THỨ TƯ.. Trang 8
Chương 27:
Nhánh thứ BẢY CỦA GIỐNG DÂN THỨ TƯ.. Trang 10
Chương 28
GIỐNG DÂN CHÁNH THỨ NĂM Trang 12
Chương 29
THÀNH PHỐ PONT .. . . Trang 17
Chương 30
Nhánh thứ NHỨT
CỦA GIỐNG CHÁNH THỨ NĂM.. . . . . Trang 20
Chương 31
GIỐNG THỨ HAI ARYEN . . . . . Trang 25
Chương 32
Nhánh thứ BA
CỦA GIỐNG CHÁNH THỨ NĂM. ARYEN. . . . . Trang 31
Chương 33
Nhánh thứ TƯ
CỦA GIỐNG CHÁNH THỨ NĂM. ARYEN. . . . . Trang 37
Chương 34
NHÁNH THỨ NĂM. ARYEN . . . . . Trang 49

Chương 35
NHÁNH THỨ SÁU ARYEN . . . . . Trang 51
Chương 36
NÓI VỀ GIỐNG DÂN CHÁNH THỨ SÁU
VÀ THỨ BẢY Ở TƯƠNG LAI . . . . . Trang 54
Chương 37
TIỂU THIÊN ĐỊA . . . . . Trang 72
Chương 38
BẢY CUNG . . . . Trang 76
Chương 39
ĐẶC TÍNH MỖI CUNG. . . . . Trang 76
Chương 40
NHỮNG LOÀI KHÁC TRONG VŨ TRỤ. Trang100
Chương 41
THIÊN THẦN . . . . . Trang 122
Chương42
TRỌNG TRÁCH CỦA THIÊN THẦN . . . . . Trang 148
Chương 43
PHÀM NHƠN HAY TAM THỂ HẠ .. Trang 153
Chương 44
HỒN KHÓM TỔNG QUÁT .. Trang 159
Chương 45
HỒN KHÓM TRONG LOÀI KIM THẠCH .. Trang 168
Chương 46
HỒN KHÓM TRONG THẢO MỘC .. Trang 159

CHƯƠNG 24

NHÁNH THỨ TƯ VÀ NHÁNH THỨ NĂM CỦA GIỐNG DÂN CHÁNH THỨ TƯ

Dân Tu-ra-nhen (Touranien)

Nhánh thứ tư của giống dân chánh thứ tư là dân Touranien sanh ra tại miền đông châu At-lăn-Tích, và phía nam miền núi của dân Tlavatlis. Phần đông tại miền nam trung châu At-lăn-Tích, và phía tây nam xứ Tlavatlis, họ sống chung với dân Toltèques. Họ không là một giống dân bản xứ có thế lực thực sự, dù có nhiều chi, phái rất mạnh mẽ, vì họ thích di cư qua miền đông để chiếm đất.

Giữa khoảng 800.000 và 200.000 năm, trước Chúa Giáng Sinh, họ ở miền nam nhiều hơn và chiếm đô thị của Maroc và Algérie hiện giờ. Học chiếm nốt bờ biển tây và đông của địa trung hải. Nhiều người di cư qua miền đông làm dân Trung Hoa. Một nhóm nhỏ thành dân man-di (A-téc) Atèques xâm chiếm đất của dân Toltèques mới lập sau nầy.

Dân Touranien thành lập hệ thống phong kiến. Mỗi người điền chủ có đặc quyền duy nhứt trên lãnh thổ của họ. Có lúc đình thần thì vua để đem tộc họ lên ngôi. Họ là người hung bạo, không kỷ luật. Có khi phụ nữ cầm binh đánh giặc.

Bởi luôn luôn đánh không lại người Toltèques, là dân di cư thiểu số hơn họ, nên họ nhứt định gia tăng sanh sản, bằng cách chánh phủ hóa gia đình, nghĩa là xem tất cả trẻ con là con chung của quốc gia. Chúng được chăm nuôi dạy đủ mọi phương diện. Nhờ thế, mà dân số càng tăng gia. Chánh phủ còn bãi bỏ lễ hôn phối, thành thử liên hệ thân tình giữa cha mẹ, vợ chồng, con cái đều bị hủy diệt. Nếu có ai rán duy trì tình nghĩa gia đình, thì đều thất vọng. Họ cũng trù tính để tăng gia nền kinh tế.

Dân Touranien là giống dân đầu của 4 nhánh dân phụ da vàng.

Ban đầu họ dùng ngôn ngữ của người Tlavatlis, nhưng về sau biến cải thành một thứ tiếng riêng biệt.

Có lúc họ cổ vỏ một chánh phủ nhân dân lập hiến quá bạo, nên kết quả rất khốc hại, khiến cho toàn thể đất nước chìm trong hỗn loạn. Nước Tàu đã nếm qua mùi tân khổ ấy, và ảnh hưởng còn lưu dấu tích ngày nay, nên cố lập một nền chánh trị quý tộc.

Dân Touranien có tánh đam mê dữ dội và thấp hèn, nên họ là một dân tộc rất khó chịu.

CHƯƠNG 25

NHÁNH THỨ NĂM CỦA GIỐNG DÂN CHÁNH THỨ TƯ

Dân Sê-Mít (Sémites)

Giống dân Sémites (Sê-Mít) cổ thời tạo ra nhánh thứ năm, của giống dân chánh thứ tư. Họ là tổ tiên của giống Do Thái và giống thứ năm Aryen bây giờ. Họ ở miền sơn cước và những bãi biển lân cận. Dân Sémites ở vào vùng bất tiện lợi nhứt trong xứ; họ sanh sản, tiến hóa, và giành độc lập với các vị vương miền nam. Khi họ trở nên đông đảo, họ bành trướng ra ngoài lập thành đoàn. Họ nóng nảy, luôn luôn bất mãn, mãi khai hấn với những người lân cận nhứt là với nhánh thứ sáu của giống dân chánh thứ tư Atlantides là dân Akkadiens càng ngày càng có năng lực. Dân Sémites chiếm một xứ đất dài và rộng, bao gồm tới thành Kim Môn (cité aux portes d'or). Nhưng sau rốt, họ phải phục tùng dân Akkadiens, vì họ bị dân nầy tàn sát tận gốc lối 100.000 năm nay. Trước kia dân Sémites tràn từ tây qua đông, miền tây là Hiệp Chủng Quốc (Huê Kỳ) bây giờ. Miền đông bọc dài vùng dân cư mà ngày nay người ta gọi là Âu châu, Phi châu và Á châu.

Người Sémites da trắng hơn người Atlantides; họ lấy tiếng Toltèques làm căn bản để tạo ra một thứ tiếng riêng biệt.

CHƯƠNG 26

NHÁNH THỨ SÁU CỦA GIỐNG DÂN CHÁNH THỨ TƯ

Dân Ac-Ca-Diên (Akkadien)

Nhánh thứ sáu của giống dân chánh thứ tư là dân Akkadiens. Họ sanh ra sau đại hồng thủy cách 800.000 năm nay thuộc miền đông At-lăn-Tích, dường như tại chỗ con sông Sardaigne bây giờ. Họ sống rải rác trên xứ Atlantide.

Dân Akkadiens chiến đấu trên bờ và dưới biển với dân Sémites. Hai bên đều có nhiều tàu bè. Nhưng 100.000 năm sau, dân Akkadiens rốt cuộc thắng dân Sémites và tiêu diệt họ, rồi lập triều chính trong đô thành Sémites. Họ trị nước rất khôn ngoan cả mấy trăm năm. Dân Akkadiens là những tay thương gia, đi biển chiếm thuộc địa tài tình.

Họ biết tuân luật nước và sống từ đoàn, an ổn dưới nền chánh trị từng khóm. Cũng như xứ Sparte tân thời có hai vị vua cùng cai trị một châu thành. Họ học giỏi về khoa chiêm tinh và tinh văn.

Họ đem ánh sáng miền đông xuyên qua Perse, Arabie. Họ choán xứ Ai Cập và sanh ra dân Etrusques, Phénicien, Carthaginois và Basques.

Trước khi sanh ra giống dân Akkadiens, lối 200.000 năm nay, có một nhóm người tiến hóa được điểm đạo ở miền Scandinave của Âu châu. Nhà sư và bè bạn của người đều thuộc về nhánh cổ thời của giống Akkadiens. Họ cao lớn, đầu hơi dài, tóc hung đỏ.

Người Akkadiens dù là nhánh dân phụ da vàng, thứ sáu, nhưng da mặt họ hơi sáng như người Sémites.

Họ dựa theo tiếng Toltèques làm ra một thứ tiếng riêng biệt.

CHƯƠNG 27

NHÁNH THỨ BẢY CỦA GIỐNG DÂN CHÁNH THỨ TƯ

Dân Mông Cổ (Mongols)

Nhánh thứ bảy của giống dân chánh thứ tư là dân Mông Cổ. Dường như chỉ một mình giống dân nầy không có liên lạc với các châu đời thượng cổ. Dân Mông Cổ sanh trên đồng Tartarie ở Sibérie miền đông. Họ là con cháu chánh tông của giống dân Touranien (Tu-ra-Nhen) mà họ thay thế lần lần, họ là dân du mục tiến chiếm gần khắp châu Á-Tế-Á (Asie). Nhánh nầy sanh sản mau lẹ và hầu hết con người trên thế giới đều là họ hàng với họ.

Dân Mông Cổ là một giống dân rày đây, mai đó, và tiến hóa nhanh. Tổ tiên của họ «là những người man di Touraniens». Họ mộ đạo và linh thông hơn người Touraniens. Nền tảng chánh trị của họ đặt trên vương quyền, vua trị quốc cả về vật chất, lẫn tinh thần cùng với quần thần.

Dù đồng Tartarie rộng lớn mênh mông, dân Mông Cổ cũng băng qua suốt. Họ đi đường bắc Á-

Tế-Á đến Mỹ quốc, ngang qua eo biển Béring. Cuộc di cư chót của người Kitans, cách đây lối 1.300 năm đã để lại nhiều dấu vết mà các nhà chuyên về nhân chủng học tìm gặp trong một vài đoàn dân miền bắc Mỹ quốc.

Họ là tổ tiên của dân Hongrois và Malais. Dân Hongrois nhờ lai với dân Aryen, nên tánh tình tốt hơn. Bởi dân Malais lai với dân Lémuriens còn lạc hậu nên không mấy tiến hóa.

Dân Mông Cổ thuộc về nhánh chót của giống dân chánh Atlantide hiện còn sung túc. Chính họ là dân Nhựt Bổn (thuộc về nhánh thứ bảy) của giống chánh thứ tư đang chuyển mình tiến bước cực độ, trước khi tàn tạ, để đầu thai làm giống dân chánh kế, là giống dân chánh thứ năm. Dân Mông Cổ, nước da vàng cũng như dân Touranien.

Tóm lại: Nhánh thứ bảy là giống Mông-Cổ sanh ra người Trung-Hoa (ở trung tâm xứ Tàu chẳng phải dựa mé biển) người Mã-Lai, người Tây-Tạng, người Hung-Gia-Lợi (Hongrois), người Phin-noa (Finnois), người Ếch-ki-mô (Esquimaux), người Nhựt-Bổn và người Việt-Nam.

CHƯƠNG 28

GIỐNG DÂN CHÁNH THỨ NĂM

Đức Bàn Cổ Vaivasvata chọn một nhóm linh hồn cho đầu thai làm giống dân chánh thứ năm, cách đây đã một triệu năm rồi. Họ là tổ tiên của người da trắng bây giờ.

Nói cho đúng, giống da trắng chỉ sanh lối 100.000 ngàn năm nay. Tổ tiên họ là nhánh thứ năm của giống dân chánh thứ tư, tức là người Sê Mít (Sémites) ở miền sơn cước phía bắc Routa (một cù lao ở đại tây dương, nhưng ngày nay đã chìm xuống biển).

Vào 79.797 năm trước Chúa Giáng Sinh, đức Bàn Cổ mới đem dân của Ngài di cư qua xứ Á-Rập trên 30 chiếc tàu buồm, băng qua Sahara.[1] Dáng Tàu nặng nề, người ta cũng dùng chèo như bây giờ. Có ba kỳ di cư: mỗi kỳ 3.000 người và một số thú vật.

Trong 9.000 người di cư ấy, 1 phần 6 (1/6) là người Sémites, 1 phần 12 (1/12) người Akkadiens và 1 phần 12 (1/12) người Toltèques. Đức Bàn Cổ (Manou) lựa toàn là những người tốt.

---

[1] Sahara trước kia là biển, bây giờ là đồng cát.

Lúc đó, người Toltèques ở Ai Cập tiến hóa rất cao. Khi những người di cư đi ngang qua xứ họ, họ quyến rủ ở lại. Một nhóm người ham mê lời đường mật, cãi lịnh đức Bàn Cổ, nên về sau trở thành tôi mọi của người Toltèques. Bao nhiêu người khác, đi theo đức Bàn Cổ, đến cao nguyên Á-Rập theo con đường mà ngày nay là kinh Suez. Họ đến trũng núi phì nhiêu (có một ít người sơn cước là dân mọi) ở rải rác an cư lập nghiệp. Họ thành kính tôn thờ đức Bàn Cổ khiến cho dân Ai Cập không bằng lòng, tức uất, ruợt đuổi và tiêu diệt họ. Nhưng sau đó bị đức Bàn Cổ Vaivasvata giải tán.

Sau tai nạn ấy, những người di cư sống một thời gian thái bình. Họ trồng tỉa nơi trũng núi, với những hạt giống đem theo.

Họ sung sướng làm ăn và sanh sản mau lẹ. Hai ngàn năm sau, dân số của họ lên tới mấy triệu. Họ sống ở đây xa hẳn người trên thế giới, do một dãy cát bao quanh, trừ một ngả (hiện nay là thành La Mecque) ra ngoài kiếm nước và rau cỏ. Những người xấu trong nhóm đều bị đức Bàn Cổ cho đi di cư về miền nam Palestine hay miền nam Ai Cập. Thường họ đi bằng ngựa. Muốn cho giống dân Aryen chọn lựa ấy được tiến nhanh, đức Bàn Cổ mới đầu thai vô chủng tộc họ. Người Aryen chuyên môn trồng tỉa và nuôi thú vật. Dân một ngày một đông, nên di cư đến Phi châu, lập quốc; nhưng về sau họ bị tiêu diệt.

Vài năm trước đại hồng thủy (75.025 năm trước Chúa Giáng Sinh) đức Bàn Cổ mới tuân lịnh Thiên Đoàn[2] chọn 700 người con cháu của Ngài (xin xem bản đồ số 4) lập thành nhóm người đức hạnh, sống có qui củ. Ngài đưa nhóm ấy lên miền bắc, ngang qua Turquie d'Asie (Perse nay), và những xứ khác gần đó. Ở Turkestan, họ mới xin phép chánh phủ liên hiệp Touranien đi qua Tibet. Sau nhiều năm dời chỗ, đoàn di cư đến mé biển Gobi[3] và miền núi bắc, đức Bàn Cổ để một số ít lại trên nóc đông bắc. Còn những người khác, thì Ngài dắt đến các triền núi phong phú, phì nhiêu. Còn Bạch Đảo (Ile blanche) ở miền nam, ban đầu họ chưa thấy, về sau họ chiếm và lập nghiệp cho tới hồi Đại Lục. Địa thế nơi ấy tốt đến độ xảy ra động đất, thành thị, nhà cửa cũng không bị hư hại. Cho nên trong cuộc động đất hãi hùng nhứt thế giới, nhóm người ở Gobi nhờ địa thế che chở, nên không sao cả, dầu sợ hãi đến rũ liệt. Lúc ấy mặt trời bị nhiều lớp mây đen dày mịt che khuất không biết bao nhiêu ngày. Dưới đất bụi và hơi đất bay lên đen nghịt cả trời. Cây cối không mọc được. Dân sự đói khát đến chết. Khi mới đến, họ được 700 người, sau sanh sản thêm và tất cả lên 1.000. Nay vì chịu không nổi tai trời, ách nước, nên chết lần mòn chỉ còn 300 người nhờ dai sức bền dẻo.

---

[2] Thiên Đoàn là các Đấng đạo quả cao, chưởng quản tinh thần của vũ trụ (gouvernement intérieur).

[3] Mà nay trở thành đồng cát.

Năm năm về sau, họ lập nghiệp lại. Nhờ khí hậu ấm áp, họ chăm lo trồng tỉa.

Đức Bàn Cổ lúc ấy đã già, Ngài được lịnh trên Thiên Đình phải dắt dân sự của Ngài qua Bạch Đảo. Nơi đây, cuộc sống được tiến triển tốt trong thời gian lối 10 ngàn năm. Dân sự phải sống trên mé biển Gobi, càng đông, càng mạnh. Nơi Bạch Đảo, một giống dân mới sanh ra và một thành phố hùng vĩ trải dài theo mé sông.

Một dãy núi chạy dài theo mé biển Gobi, cách thành phố lối 30 cây số ngàn. Nhiều ngọn đồi thấp nổi lên từ dãy núi ấy ra bãi biển. Có bốn trũng núi riêng biệt nhau, gần biển. Đức Bàn Cổ được lịnh dắt những gia quyến chọn lựa đến đó và sanh sản ra bốn nhánh dân khác nhau. Bốn nhánh nầy, về sau, sẽ được dìu dắt đi nhiều chỗ trên thế giới. Mỗi người sống và cưới, gả nhau trong vòng gia quyến của đức Bàn Cổ. Khi xác phàm của đức Bàn Cổ già, Ngài từ trần, nhưng đầu thai ngay trong nhóm người ấy, để tạo ra một giống dân mới đặc biệt. Như thế Ngài tạo ra giống dân chánh thứ năm với năm nhánh phụ khác nhau.

Lối 70.000 năm trước Chúa Giáng Sinh, đức Bàn Cổ mới ra lịnh cho con dân Ngài lập làng xã trên đất liền. Nơi đây, dân sanh sản trong nhiều ngàn năm như vậy. Đức Bàn Cổ bấy giờ được toàn dân tôn lên hoàng đế, Ngài mới lập đế đô tại Shamballa.

Vài năm sau, đức Bàn Cổ ra lịnh cho Jupiter và Corona (tiền kiếp Jules César) cho Mars và Vajra (tiền kiếp bà H. P. Blavatsky) chọn những trẻ con tốt vật chất, lẫn tinh thần đưa đến đế đô Shamballa. Những trẻ nầy được nuôi nấng đàng hoàng là Uranus, Neptune, Sûrya, Brihaspati, Saturne, Vulcain và Vénus; về sau tất cả đều được đắc đạo quả Chơn Tiên.

Về sau, không bao lâu, những người Touranien đến xâm lấn và tàn sát họ. .Những trẻ con được cứu, và nuôi dưỡng theo kỷ luật, thành lập một nền văn minh cao hơn bậc thường của quần chúng thập bội. Phần đông là những nhà hiền triết và những người **«tôi»** trung thành. Họ lập đồn, giữ ranh giới chắc chắn, ngừa sự xâm lăng của người Touraniens man-di mà họ hằng lo ngại. Nhưng cũng không khỏi, khi dân sự khá đông đủ thành một quốc gia, họ lại bị dân Touraniens tàn sát, trừ vài trẻ con với những người tôi tớ được trốn thoát. Họ được nuôi tại Shamballa (cực lạc quốc). Nhờ đó mà giống dân Aryen được tồn tại. Đức Bàn Cổ và những cộng tác viên của Ngài mới đầu thai vào những gia đình sau nầy để sửa đổi cư dân tốt đẹp như ý muốn.

Có một điều lạ là: những người Touraniens không dám đá động đến Bạch Đảo mà họ rất tôn thờ.

Nếu chúng ta nhìn lại những người mà đức Bàn Cổ còn bỏ sót tại Arabie, khi Ngài dẫn 700 người đức hạnh di cư đến ở Asie Centrale (Trung Á-Tế-Á), thì chúng ta sẽ thấy họ là tổ tiên của người Do Thái.

CHƯƠNG 29

THÀNH PHỐ «PONT»

(Ville du Pont)

Sau khi bị tàn sát kỳ nhì, chúng ta vừa thấy ở chương trước, đức Bàn Cổ cho Mars đầu thai trong một gia đình trong sạch Toltèque tại Poséidonis. Khi Mars được 25 tuổi, đức Bàn Cổ gả con gái cho, để tạo ra giống dân mẫu với 2 dòng máu.

Trong khi ấy, 60.000 năm trước Chúa Giáng Sinh, giống dân chánh thứ năm (Race Racine Aryenne) chánh thức lập chủng không còn sợ bị tàn sát nữa.

Những con cháu của đức Bàn Cổ tiếp tục ở tại Bạch Đảo tới 100 người, mới di cư ra đất liền, và lập đô thị, y theo kiểu mẫu có đặc tánh của giống Aryen. Thành phố cất dọc theo mé biển, hình quạt chạy dài lên dốc đồi lối 30 cây số ngàn. Đường sá rất rộng rãi hướng về Bạch Đảo. Bản đồ đô thị nầy đã vẽ 1.000 năm về trước. Những hòn núi nhỏ có nhiều mỏ kim khí, nhiều thứ đá đủ màu. Những vị kiến thiết quốc gia sống trong vòng huynh đệ, và làm việc một cách vui vẻ, vì biết mình phụng sự cho một Đấng vừa là minh quân, vừa là tổ phụ của mình.

Họ dùng máy quây đưa những tảng đá to lớn phi thường lên Bạch Đảo để cất nhà. Họ dùng thần lực vô vi chuyển những tảng đá dài cả 50 thước. Nhà cất giống như ở Ai Cập, nhưng dáng vẻ nhẹ nhàng hơn. Ở Bạch Đảo, người ta rất ngợi khen những đền đài, dưới lớn trên nhỏ, giống như búp sen. Người ta điêu khắc theo hình cánh sen chưa nở, trông rất sắc sảo. Phải tốn nhiều thế kỷ mới làm xong. Nhờ các đền đài ấy mà Bạch Đảo trở thành một kỳ quan trên thế giới. Bạch Đảo có rất nhiều đền thờ đẹp phi thường làm toàn bằng cẩm thạch cẩn vàng, nên nổi tiếng là **thành phố tinh thần duy nhứt ở thế gian.** Chính giữa Bạch Đảo là một đền thờ to lớn, cao vòi vọi. Nơi đây các Đấng thiêng liêng thường hiện xuống.

Từ đền thờ chánh, đường sá rải ra làm 4 nhánh. Đứng chót ngỏ đường, cách đền thờ 16 cây số ngàn, người ta giựt mình kinh ngạc, vì cảnh đẹp tuyệt trần trước mắt cảm như lạc bước vào cõi thiên thai.

Bên trong cũng như bên ngoài, các đền thờ đều trang trí nhiều tượng ảnh, chúng là những kỳ tích của sự mầu nhiệm thiêng liêng. Có hình tượng trưng những hạt nguyên tử hồng trần và hóa học. Những hạt sinh lực (globules de vitalité) đều được chạm nổi.

Người ta dùng vàng ngọc, đủ màu, đủ cỡ, để cẩn trên đá cẩm thạch trắng.

Thành phố cất trên đất liền. Một cái cầu to lớn và đẹp phi thường nối nó với Bạch Đảo: Trên cầu cất một nhà hình tròn xinh xắn, chạm trổ, trang trí nhiều quần tượng khéo léo. Nhân đó người ta mới gọi là Thành Phố Pont.[4]

Trước Chúa Giáng Sinh, 45.000 năm, thành phố nầy phồn thịnh nhứt. Nó là kinh đô của một đế quốc lớn, chạy dài từ Thibet tới mé biển và từ Manchourie tới Thái Lan. Nó là một cù lao cường thịnh nhứt, hơn cả cù lao Úc châu và Nhựt Bổn. Hiện nay phế tích thành Shamballa là kỳ quan trên thế giới. Cái «cầu» ấy vẫn còn đứng vững thời gian, nhưng dưới cầu thì cạn khô, chỉ còn những lượn sóng cát (của đồng cát) dập dồn đẩy đưa theo gió ngày đêm không dứt. Thành phố «Pont» là thành phố gương mẫu do đức Bàn Cổ tạo trên đời không đâu sánh bằng. Nơi đây, các Đấng thiêng liêng thường rải từ điển ban ân huệ cho thế gian.

---

[4] Pont: cái cầu.

CHƯƠNG 30

NHÁNH THỨ NHỨT CỦA GIỐNG DÂN CHÁNH THỨ NĂM

Dân A-ri-den (Aryen)

Người Ấn Độ 60.000 năm trước Chúa Giáng Sinh.

Một thiểu số dân di cư, 60.000 năm (trước Chúa Giáng Sinh) trổ sinh một dân tộc đông đảo bao quanh biển Gobi. Dân tộc nầy xâm chiếm các nước lân cận. Trong số đó có người Touranien đã sát hại tổ tiên họ xưa kia. Ấy là tổ tiên của giống dân da trắng Aryen.

Nhánh đầu tiên là Indo-Aryen để ám chỉ những người xâm chiếm Ấn Độ. Họ được gọi là dân Ấn Độ da trắng. Những dân chánh Aryen còn lại nơi mé biển Gobi lần lượt cũng bỏ quê hương theo mấy người Indo-Aryen đến Ấn Độ lập nghiệp ít lâu trước trận đại hồng thủy nhận chìm xứ Poséidonis xuống đáy biển (9.564 năm trước Chúa Giáng Sinh). Họ di cư đến đó cũng là do sự dắt dẫn của đức Bàn Cổ để tránh nạn.

Từ 60.000 tới 40.000 năm trước Chúa Giáng Sinh, giống dân chánh Aryen tiến triển phi thường tới cực độ vào 45.000 năm trước Chúa Giáng Sinh. Dân Aryen xâm chiếm Trung Hoa và Nhựt Bổn, nhứt là Mông Cổ (là nhánh thứ bảy của giống dân chánh thứ tư) và tiến lên miền bắc và đông. Tới đây vì lạnh quá, nên dừng lại. Họ cũng chiếm luôn Formose và Siam (Thái Lan ngày nay) là dân của nhánh thứ tư và nhánh thứ nhì của giống dân chánh thứ tư là người Touranien và Tlavatlis (La-hoát-li). Xong rồi, người Aryen còn chiếm thuộc địa ở Sumatra, Java và những cù lao kế cận. Thường thường giống dân Aryen tới đâu, đều được thổ dân tiếp rước vui vẻ, vì họ xem những người da trắng nầy như những thần thánh, tự nhiên họ yêu quý, không đánh đuổi như kẻ địch thù.

Tàng tích thuộc địa nầy còn để lại dấu tích đến ngày nay, tại cù lao Célèbes ở miền đông Bornéo.

Dân Aryen còn lan tràn đến bán đảo Malaisie, đảo Philippines, Liou Kiou, Papouasie, Úc châu và những đảo kế cận mà dân Lémuriens còn chiếm đóng.

Các đế quốc to lớn phi thường ấy được đức Bàn Cổ hay các ủy viên của Ngài cai trị dưới danh hiệu Đế Vương.

Sự tiến hóa của giống dân nầy đáng cho ta tìm học. Một dân tộc đã trải qua mấy trăm ngàn năm văn hiến và tiến hóa ở Atlantide (At-lăn-Tích), dưới sự điều khiển của đức Bàn Cổ tại Á-Rập và bắc Á-Tế-Á, thì quả thật không phải là một giống người chưa phát triển, man rợ của đời thượng cổ.

Toàn dân đều biết đọc và biết viết, đức Bàn Cổ rán dạy cho họ sống huynh đệ với nhau, và đối đãi với nhau thật dễ thương và lịch sự. Nhân đó mà họ tự biết mình, và nhìn nhận sự cao thượng của kẻ khác. Đối với người đã làm ơn cho họ, họ hằng ghi nhớ. Họ không lấy ý mình mà cưỡng chế người. Họ tìm hiểu giá trị của người, cho nên ít gây gổ. Nền văn minh của dân Aryen nhân đó mà khác hẳn với nền văn minh của dân Atlantide rất phức tạp và kiêu xa. Mỗi người tìm phương tiện cho đời sống riêng mình, họ đa nghi, nên không khí không hòa bình và thiện cảm. Thời bấy giờ dân Aryen rất trọng lời nói của mình. Ai không trọng lời mình, thì bị xem là người Aryen không xứng đáng. Mỗi người Aryen hay tìm hiểu số đông người khác, điều này hữu ích cho sự tuyển chọn quan chức.

Tuy nhiên, người Aryen không thực hành tình huynh đệ với tất cả mọi người khác giống mà họ khinh. Họ không chịu huynh đệ với người Touraniens là người khác giống, lại gian xảo, nên

luôn luôn họ phải đề phòng. Còn đối với người dị chủng, nhưng tiến hóa cao, thì họ vui lòng kết bạn và hợp tác.

Họ tạo sẵn nơi cư trú, rào riêng biệt, để người ngoại quốc đến viếng xứ họ. Họ ngờ vực người ngoại quốc, nên có khi họ đối đãi rất nghiêm khắc.

Người Aryen tự cho mình là quý phái, nên sống theo qui luật riêng. Trẻ con của họ được xem là quý tộc, sẵn sàng sống theo kiểu cách quý tộc.

Nền văn minh Aryen thấm nhuần ánh sáng và vui tươi. Người ta chơi nhạc, khiêu vũ, còn tôn giáo, thì đầy lời ca tụng ân đức Thượng Đế. Những tín đồ luôn luôn đọc kinh, xưng tụng công đức thiêng liêng và nhìn nhận sự hiện diện của thiên thần ẩn sau mãnh lực thiên nhiên. Mặt trời là chủ tể thờ kính thứ nhứt của họ.

Một vài người Aryen học rốt ráo khoa huyền bí học và đoạt thành chí nguyện; họ mở thần nhãn, thấy được hình tư tưởng. Họ biết phép hiện hình và muốn bỏ xác chừng nào cũng được.

Nhớ lại những tai hại của châu Atlantide khi xưa, nên các giáo chủ rất thận trọng khi chọn đệ tử.

Đức Bàn Cổ phái một ủy viên lo lắng việc tuyển chọn người xứng đáng trong tầng lớp dân chúng.

Thời ấy không có báo chí, nhưng các vị có thần nhãn biết tất cả điều xảy ra khắp nước, cũng như ngày nay ta dùng điện thoại hay vô tuyến điện vậy.

Khi gấp rút, khó cho đức Bàn Cổ truyền lịnh đi xa. Ngài sai một vị đệ tử biết xuất vía đến tận nơi, rồi hiện hình để truyền tin. Đức Bàn Cổ quả thật là một vị vua cả nước, không nơi nào Ngài không thấy và không biết.

Người ta khắc chữ với vật nhọn trên cây, lá, kim loại, rồi đổ lên bàn khắc ấy chất nước, khi khô thì đặc lại. Máy móc đơn sơ hơn đời Atlantide và phần nhiều đồ vật đều làm bằng tay, vì đức Manou (Bàn Cổ) muốn dân tránh xa hoa thái quá như đời Atlantide. Đến 40.000 năm trước Chúa Giáng Sinh, đế quốc bắt đầu sụp đổ. Những cù lao và tỉnh ở xa khởi sự giành độc lập một cách hung hăng dã man. Đức Bàn Cổ thỉnh thoảng đầu thai xuống thế, thông thường Ngài lo việc cõi trên. Dù vậy trung tâm đế quốc vẫn giữ nền văn minh huy hoàng ấy hơn 25.000 năm sau; trong khi đó những giống dân phụ chót rải rác khắp nơi.

CHƯƠNG 31

NHÁNH THỨ HAI ARYEN

Người Á-Rập 40.000 năm trước Chúa Giáng Sinh

Bấy giờ đức Bàn Cổ mới khởi tạo ra bốn nhánh của giống dân chánh thứ năm (là giống dân Aryen) trong bốn trũng núi dọc theo mé biển Gobi, nói ở chương trước. Ngài chọn, trong nhóm người tiến hóa Aryen; vài gia đình bằng lòng hợp tác với các nhà hướng đạo, từ giã thành Pont (ville du Pont) để đến đồng cát lập nghiệp. Phần đông mấy người nầy, là các nhà hướng đạo Thông Thiên Học (Minh Triết Thiêng Liêng). Họ làm công việc nhọc nhằn và có lẽ cũng bạc bẽo nữa, nhưng họ cho là cần ích cho cuộc tiến hóa.

Vào thời đại thứ ba, Mars và Mercure cùng vài vị tiến hóa cao sinh vào gia quyến nầy để làm người kiểu mẫu cho giống dân mới. Khi có linh hồn tiến hóa đầu thai, thì dân kiểu mẫu sau nầy trở nên hết sức tốt đẹp: **Thời ấy gọi là thời vàng.** Quanh mấy người kiểu mẫu, là nhiều linh hồn cùng đến đầu thai để cộng tác, song họ chưa đủ khả năng.

Những người còn ở lại «thành Pont», cho những kẻ di cư, nơi bốn trũng núi ấy, là người vô trí thức. Họ chế nhạo: «Ai lại bỏ cảnh văn minh tốt đẹp như vầy, để đến đồng cát hoang vu mà khai khẩn?» Nhưng những người nơi trũng núi vẫn cứ tiếp tục nhiệm vụ: **là tạo giống dân mới, tốt đẹp hơn**. Họ

sanh sản và càng ngày dân càng đẹp, càng thanh, cho đến 40.000 năm trước Chúa Giáng Sinh, đức Bàn Cổ mới nhứt định đưa họ di cư khắp thế giới. Dưới sự điều kiển của Mars, họ trở lại đường cũ, mà xưa kia tổ tiên họ đã đi đến xứ Arabie, tạo ra giống dân lai với người Á-Rập, mà họ cho là có nhiều đức tính cao quí nhất.

Về sau, đức Bàn Cổ tự mình cầm đầu đoàn di cư. Ngài thân ái điều đình với một dân tộc tử tế và mạnh mẽ của xứ phì nhiêu, mà ngày nay ta gọi là xứ Perse (Ba Tư) và Mésopotamie, để đi xuyên qua đến Arabie. Đoàn dân di cư nầy có khoảng 150.000 tráng niên và 100.000 phụ nữ và con nít trẻ. Trước khi lên đường, đức Bàn Cổ cho sứ giả đến Arabie xin phép di dân đến đó.

Vị thủ lãnh Á-Rập ban đầu không bằng lòng, nhưng rốt cuộc, cho phép đoàn di cư đến cư trú, trong một cái trũng núi lớn hoang vu, tận biên giới.

Không bao lâu, trũng núi được khai phá, người ta đào sông, rạch. Thế rồi nơi chốn hoang vu ấy, một con sông dài đem mạch sống tưới tẩm cho đất được phì nhiêu. Không đầy một năm, trọn miền biên giới đều trồng tỉa sung túc. Trong ba năm khai phá, dân cư tự túc trở nên ấm no hạnh phúc.

Nhưng vị thủ lãnh Á-Rập nổi sinh ganh tị. Ông đưa đức Bàn Cổ vào cuộc tranh đấu cùng ông với kẻ thù láng giềng. Đức Bàn Cổ không giúp; vị thủ lãnh Á-Rập bèn thương thuyết ký hòa ước với kẻ nghịch. Cuối cùng ông tìm thế đuổi người di cư ra khỏi lãnh thổ. Nhưng đức Bàn Cổ chống cự lại và giết chủ

tướng giặc. Đoạn Ngài mở rộng lãnh thổ. Dân tình Á-Rập phải chịu dưới quyền cai trị của đức Bàn Cổ. Chẳng bao lâu, họ thấy mình đầy đủ hạnh phúc dưới tài cai trị khôn khéo, nên qui phục và hợp tác với đoàn di cư, tạo ra giống dân Aryen.

Thời bấy giờ, đế quốc Arabie rất cường thịnh và oai hùng. Đức Bàn Cổ mới chiếm lần lần từng bộ tộc, bằng phương cách hòa bình không đổ máu. Bốn mươi năm sau, trước khi đức Bàn Cổ từ trần, hơn phân nửa miền bắc Á-Rập được đặt dưới sự cai trị của Ngài, chỉ phần miền Nam còn chống cự lại. Trong chiến tranh kéo dài, đức Mahâ-Gourou (tiền kiếp của đức Phật Thích Ca) đầu thai vào giống dân phụ thứ hai của giống dân chánh Aryen để truyền một tôn giáo mới, mà Ngài đã dạy ở Ai-Cập.

Trong khi đó, lối 40.000 năm trước Chúa Giáng Sinh, ở Ai-Cập đã có đế quốc Atlantide. Dân ở đấy văn minh tuyệt vời. Họ cất đền thờ đồ sộ, họ có nghi lễ huy hoàng. Các nhà sư thủ đắc một giáo lý cao thâm.

Dân Ai-Cập là dân rất mộ đạo và có linh tánh. Khi ông Osiris từ trần, tất cả quần chúng đều than khóc tiếc thương, họ đồng cầu nguyện cho ông đầu thai lại trần gian với họ. Đức Mahâ-Gourou đầu thai lấy tên là Tehouti hay Thoth, rồi sau người Hy-Lạp gọi là Hermès.

Đức Mahâ-Gourou dạy giáo lý chánh hướng về «Ánh sáng Tâm hồn». Ánh sáng ấy là điểm linh quang ẩn trong muôn loài vạn vật. Nó là sự sống thiêng liêng. Nó ở tận đáy

lòng của con người. Muốn thấy nó, con người phải trở nhìn vào bên trong, thấy lại mình. Nơi ấy ánh sáng không cách xa. Tất cả nghi lễ đều hướng về đó. Bởi vậy nghi lễ còn cần thiết. Khi con người hiểu biết rồi, thì nghi lễ không còn cần ích nữa. Con người sẽ đến Osiris, đến Ánh sáng tức là Amoun-Ra. Tại đền thờ Pharaon, nhà vua viết câu tiêu ngữ nầy: «Ngươi hãy tìm Ánh sáng.» Và chỉ khi nào nhà vua thấy đặng ánh sáng trong lòng mỗi con người, chừng ấy sự cai trị của Ngài mới được tốt đẹp. Nhà vua còn tặng cho dân chúng câu tiêu ngữ: «Ngươi là ánh sáng vậy. Cầu xin ánh sáng nầy tỏ rạng!» Nhà vua khắc câu ấy trên cột đền thờ và trên cửa của mỗi nhà dân. Còn câu tiêu ngữ rất được người ưa thích nữa là: «Ngươi hãy theo ánh sáng.» Về sau người ta đổi nó ra câu nầy: «Ngươi hãy theo vua.» Hiện nay hội bàn tròn (Table Ronde) lấy nó làm tiêu ngữ. Dân chúng tập nói với người khuất mặt như vầy: «Người chết về với Ánh sáng.»

Sau nhiều thế kỷ, một vì vua tham tàn lên ngôi, dẫn binh sĩ tới Océan và tự xưng là hoàng đế Arabie.

Một số dân Á-Rập miền nam thấy có bổn phận chống cự lại, nhưng nể lời một vị tiên tri, họ bỏ xứ đến ngự tại bãi biển Somalis, trước Arabie. Họ sinh sản và sống như vậy nhiều thế kỷ, tới khi vị tiên tri trị nước lúc bấy giờ yêu một người nô lệ. Điều nầy tác động không tốt lòng người, và trái luật nước, vì người bổn xứ không thể kết hôn với người ngoại quốc. Nhưng vị thủ hiến nói rằng: người đàn bà nô lệ nầy đã bị đem bán, thì được xem như một món hàng, chớ chẳng phải coi là người ngoại quốc được. Tuy trước lý luận ấy, dân tình cũng phẫn uất.

Họ vầy đoàn đi xứ khác. Họ đi dài theo vịnh Aden, qua biển Mer- Rouge và vào lãnh thổ Ai-Cập. Vua Ai-Cập biết nguyên nhân của sự di cư nầy, mới bằng lòng giúp họ và cho họ sống trên lãnh thổ xa thủ đô. Về sau vì nhà vua Ai-Cập khác lên ngôi mới buộc họ đóng thuế và phụ dịch. Họ xem như mình bị uy hiếp, quyền lợi bị xâm phạm, nên nhứt định cùng nhau di cư nữa. Và lần nầy họ đến xứ Palestine, chính họ là dân Do-Thái (Juifs) ngày nay.

Do nhân quả mà người Do-Thái thuộc về giống dân luôn luôn chia rẽ với giống dân khác; và những linh hồn người Do-Thái cứ đầu thai lên xuống trong nhóm của mình. Họ thường không trụ một chỗ, và cho mình cao hơn tất cả. Về sau họ bị giam tại Babylone, một nơi rất văn minh. Họ nghe thuyết về Đấng thiêng liêng duy nhứt và rán hợp nhứt vị Thần Minh của họ với Đấng ấy, nhưng không kết quả.

Đức Giáo chủ Gia-Tô là đức Jésus đầu thai lấy xác thân của người Do Thái.

Một số đông người còn ở lại tại bờ biển Somalis, bị ruồng bắt đem bán làm nô lệ, nên họ phải bỏ nhà cửa di cư, sau khi đồng bào của họ chết cả muôn người. Họ lại di cư vào Arabie nữa. Họ được người Á-Rập tiếp rước thân tình.

Nhánh thứ hai của giống dân chánh thứ năm đã sanh ra trong nhiều thế kỷ và tràn lan gần khắp Phi châu, trừ một khoảnh đất thuộc về Ai-Cập. Sau cùng họ chiếm lấy và cai trị một thời gian dưới danh từ vua Hyksos.

Thần «Mars» lại đầu thai làm vua Phi châu miền nam. Người ta cất nhà và lầu đài đồ sộ, cao lớn. Nền văn minh của họ tốt đẹp và xứng đáng. Những hố chia rẽ giữa thổ dân Phi châu với người Á-Rập xâm chiếm đã quá sâu, nên không thể lấp hẳn được. Về sau người Á-Rập bị dân Phi châu đuổi ra khỏi xứ. Họ mới sang chiếm Madagascar.

Khi đế quốc Perse, Mésopotamie và Turkestan bị chia rẽ làm nhiều nhóm người hung tợn, thì một vì vua Á-Rập, sau 20 năm chiến đấu, thành công làm chủ tất cả xứ Perse. Triều đình Perse lập thành lối 200 năm, luôn luôn bị nạn chiến tranh. Một vì vua Á-Rập ham mộ sự giàu có của Ấn Độ mới đưa một hạm đội sang chiếm cứ. Nhưng hạm đội bị tiêu diệt và những chiến sĩ bị bắt giết, và cầm tù. Sau khi đế quốc Á-Rập, Perse và Chaldée sụp đổ, thì cả trăm năm đất nước ly loạn, dân tình khổ sở khôn xiết. Muốn cứu vãn tình thế, đức Bàn Cổ mới nhứt định giúp họ bằng cách cho một giống dân phụ thứ ba đến đầu thai, lập lại thái bình. Giống dân nầy sáng lập đế quốc Persans lai Iraniens.

CHƯƠNG 32

NHÁNH THỨ BA CỦA GIỐNG DÂN CHÁNH THỨ NĂM ARYEN

10.000 năm trôi qua, sau khi sanh nhánh thứ nhì và trước khi nhánh thứ ba ra đời. Lúc bấy giờ là 30.000 năm trước Chúa Giáng Sinh, thành Pont (ville du Pont) còn mãi đẹp tuyệt vời, dù kém dần vẻ huy hoàng trước đó.

Những người có trách nhiệm tạo ra nhánh thứ ba đều được huấn huyện trong nhiều thế kỷ. Đức Bàn Cổ cho họ ở riêng một trong bốn trũng núi, đến lúc xác thân họ tốt đẹp đặc biệt mới cho họ di cư. Lúc ở Atlantide, trong khi chọn lựa giống người, đức Bàn Cổ đưa đến một số người tốt của nhánh thứ sáu Atlantide, tức là người Akkadiens. Bấy giờ Ngài chọn những gia quyến có máu Akkadien và đưa những linh hồn hướng đạo đến đầu thai. Một hay hai gia quyến huyết quản Akkadien được Ngài đưa qua phương tây.

Nhân dân thuộc về nhánh non nớt thứ ba của giống dân chánh Aryen đều là người du mục chăn nuôi, chẳng phải nông gia. Họ có nhiều bầy trừu, bò và ngựa.

Lúc ấy, đức Bàn Cổ, đổi sắc diện rất nhiều. Qua đời thứ năm Ngài đầu thai trong nhánh thứ ba và để dân sự tăng thêm trong vài ngàn năm, chờ một đạo binh với 30.000 chiến sĩ. Ngài mới sai Mars, Corona và những người tiến hóa cao xuống đầu thai cầm đầu đạo binh ấy. Ngài quan sát tất cả. Lúc đạo binh đi chinh chiến, đàn bà và trẻ con đều ở lại trũng núi.

Đạo binh oai dũng nầy, dùng chỉa, gươm, búa và ná. Họ phải trải qua nhiều dậm xuyên sơn hiểm trở. Trong lúc đi đường tại Kashgar, đức Bàn Cổ đánh đuổi dễ dàng đám du mục phục kích. Nhiều làng xã, bao năm bị áp chế, tàn sát và cướp giựt, nay rất vui mừng đón tiếp những người hùng, đem lại hòa bình cho họ.

Đức Bàn Cổ chiếm xứ Perse dễ dàng trong vòng hai năm. Ngài cũng chiếm luôn Mésopotamie, rồi lập đồn liên tiếp, chia đất đai giao các quan thủ lãnh cai trị. Nhiều đồn vững chắc được cất lên; ban đầu đồn bằng đất, sau bằng đá. Những đồn nầy biến thành một tấm tường kiên cố ngăn ngừa người sơn dã xâm lăng. Nhờ sự bảo hộ của đạo binh mạnh mẽ, mà dân sự được an cư lạc nghiệp. Đức Bàn Cổ mới gọi những phụ nữ và trẻ con còn đọng lại trũng núi đến với Ngài. Ngài đặt để những quyến thuộc của

Ngài làm thủ hiến. Thần Mars kế vị cho Ngài, còn Thần Corona, là vua xứ Perse độc lập.

Bây giờ nhánh thứ ba nẩy nở mau lẹ. Vài thế kỷ sau, dân sự tràn qua miền tây Á-Tế-Á. Từ biển Méditerranée tới Pamir; và từ vịnh Persique tới biển Aral.

Nhánh thứ ba có lối một triệu người, khi lan qua Perse và Mésopotamie.

Đế quốc của đức Bàn Cổ kéo dài tới 28.000 năm. Xứ Perse và Mésopotamie phần nhiều đều do những vị thủ lãnh khác nhau cai trị. Có lúc hai xứ nầy chia ra từ lãnh thổ nhỏ; mỗi lãnh thổ có thủ hiến riêng. Những xứ đó đều bị nạn xâm lăng của những người man di miền sơn cước. Dân sự tránh chiến tranh với Ấn Độ. Họ không sợ Arabie; nhờ đồng cát lớn chia cách hai xứ. Họ là người buôn bán, làm thủ công nghệ. Họ thích an tĩnh và mến đạo lý hơn nhánh thứ hai Aryen. Người Parsis tiến hóa bây giờ là kiểu mẫu dân tộc của nhánh thứ ba Aryen. Người Parsis có dòng máu dân Aryen nhiều, dù họ lai Á-Rập. Người Kourdes, Afghans và Baluchis phần đông là con cháu của nhánh thứ ba Aryen.

Lối 27.900 năm trước Chúa Giáng Sinh, đức Mahâ-Gourou (tiền kiếp của đức Phật Thích Ca) đầu

thai trong nhánh thứ ba Aryen dưới danh hiệu là đức Zarathoustra (tức là đức Giáo Chủ của Hỏa giáo). Con trai thứ nhì của Mars là vua thứ 10 của triều Corona được chọn làm trung gian tinh thần giữa nhân loại và Bồ Tát Sourya (tiền kiếp đức Di Lạc Maîtreya) lúc bấy giờ là một nhà sư có tiếng trong nước. Uy thế của Ngài vô biên, một là do tài đức của Ngài, hai là dòng máu hoàng tộc của Ngài. Thần Mercure đầu thai để dọn đường trong sáng cho Ngài.

Đức Mahâ-Gourou từ thành Shamballa, đến bằng thể thanh (mắt người không thấy được) nhập vào xác Mercure là thái tử.

Trong một cuộc lễ huy hoàng, người ta thấy, bên mặt, nhà vua dưới cây Long Đỉnh bằng vàng, bên trái, nhà sư đại đức Sourya, dưới cây Long Đỉnh khác cẩn ngọc chói lòa. Chính giữa hai Ngài là thái tử Mercure ngồi trên kiệu bằng vàng. Đám người rước lễ ngừng trước đền thờ. Ba chánh khách bước vào. Sourya tuyên bố: «Vị ngồi giữa trên ngai chẳng phải là hoàng tử mà là tướng trời sai xuống, là con của Hỏa Thần ở từ phương đông đến. Với danh hiệu vị mục sư, tôi khiêm nhượng vái chào.»

Đức Mahâ-Gourou[5] phán rõ sứ mạng của Ngài do các Đấng thiêng liêng ánh sáng (tức là Thần Lửa) giao phó cho Ngài. Ngài có bổn phận tiết lộ thiên cơ để đánh thức tâm phàm. Ngài giải ý nghĩa của «Lửa»: «Lửa dùng để tẩy trược, và để lọc cho trong, cho nên nó tượng trưng Tâm cao cả ẩn trong lòng người, và trong vạn vật. Lửa là hơi nóng, ánh sáng, sức mạnh. Nhờ lửa mà vạn vật sinh sôi và sống động. Ngài khuyên tất cả mọi người nên thấy Lửa ẩn trong muôn loài. Đoạn Ngài cầm cây pháp lịnh bên tay hữu đưa lên, Lửa trong cây pháp lịnh tỏa ra sáng ngời. Ngài đưa cây Pháp lịnh qua phía đông, đọc thần chú, liền đó trên trời xuất hiện một đám lửa hồng và một ngôi sao sáng rỡ trên đầu Ngài. Tức thì các nhà sư và dân chúng quì lạy. Sourya và nhà vua cũng phủ phục dưới chân Ngài.

Đoàn cung nghinh lễ trở về đền vua. Hai bên lề đường, dân sự đua nhau hứng những bông hoa từ

---

[5] Lấy xác thái tử Mercure.

trên bàn thờ rải xuống như mưa. Họ đem hoa về, cất kỹ lưỡng, và trân trọng giữ như một gia bảo lưu truyền cho con cháu.

Đức Mahâ-Gourou mỗi ngày đi đến đền thờ để dạy dỗ các nhà sư, và các vị cao đồ hàng đắc đạo. Ngài dạy dân sự phải chăm lo học hành để mở tâm trí. Ngài căn dặn cả thảy nên theo Sourya, sau khi Ngài thăng hà, bởi Sourya sẽ là đấng Giáo Chủ thế cho Ngài.

Sau khi Đức Mahâ-Gourou từ giã cõi trần, toàn dân vẫn tiếp tục thờ Lửa và lập đạo Hỏa giáo tới ngày nay.

CHƯƠNG 33

NHÁNH THỨ TƯ CỦA GIỐNG DÂN CHÁNH ARYEN

Người Sen-tờ (Celtes) 20.000 năm trước Chúa Giáng Sinh

Lúc bấy giờ, giống dân chánh miền trung châu Á-Tế-Á gần đến lúc tàn tạ, nhưng đức Bàn Cổ rán duy trì thế hùng mạnh và đức cao thượng của nhánh thứ tư và thứ năm. Ngài tập hợp vài gia quyến có giáo dục nhứt của thành phố cho di cư về một trong bốn trũng núi (đã nói ở trước) cách biệt với người đời. Nhân đó mới sản sinh một giống dân tốt đẹp. Đức Bàn Cổ rèn luyện cho họ mở mang những đức tánh mới về mọi mặt: mỹ thuật, nghệ thuật, âm nhạc, văn chương, thi phú.

Những người chuyên về ngành mỹ thuật, không thể làm việc ruộng đồng, cày sâu, cuốc bẫm nhọc nhằn. Những ai có thiên tư về nghệ thuật, được sống riêng đặng luyện tập thêm. Đức Bàn Cổ rán cổ võ nhiệt tình sẵn có của dân chúng, và khuyến khích họ quên mình cho vị lãnh đạo. Nhờ sự cố gắng của Ngài mà những đức tánh nầy trở thành đặc tánh của người Celtes ngày nay.

Nơi trũng núi ấy, dân sự phần đông chuyên về các ngành mỹ thuật. Mỹ thuật từng thấm nhuần tâm trí họ, nên họ rất thanh nhã và cao thượng. Họ lấy làm tự đắc. Mười ngàn

năm sau, việc di cư của nhánh thứ ba, (20.000 năm trước Chúa Giáng Sinh), nhánh thứ tư Aryen mới được lịnh trở lên biên giới miền bắc xứ Ba Tư (Perse) và chiếm núi Caucase, là nơi trú ngụ của người man di và bọn sơn tặc.

Đức Bàn Cổ chẳng những được vua Ba Tư cho phép đoàn di cư của Ngài đi ngang qua xứ mình mà còn giúp vật thực và một quân đội hùng mạnh để trừ người sơn cước cường khấu. Dù nhờ binh sĩ và lương thực của nhà vua, đức Bàn Cổ cũng phải trải qua bao nỗi khó khăn; vì nhóm người sơn cước và trộm cướp, mặc dầu dễ đánh bại với binh gia hùng tráng của Ngài, nhưng khó chống lại với lối đánh du kích của họ. Nhưng rốt cuộc bọn ác phải lùi bước.

Đoàn di cư lập nghiệp trước hết tại khu Erivan, trên mé hồ Sévanga, nhưng về sau, một ngày một đông, họ lan chiếm trọn cả xứ Géorgie và Mingrélie. Hai ngàn năm sau, họ chiếm Arménie, Koudistan, Phrygie rồi tất cả Asie-Mineure và Caucase. Bấy giờ đoàn di cư trở thành một quốc gia cường thịnh.

Nước của họ chia ra từng khu, khó mà giao tiếp với nhau, nên họ lập ra một liên bang hơn là một quốc gia. Về sau, dù họ khởi chiếm mé biển Méditerranée, họ cũng xem Caucase là nơi chôn nhau cắt rún của họ.

Đến 10.000 năm trước Chúa Giáng Sinh, họ khởi đi từng đoàn về miền tây. Rốt lại, họ lần đến Âu châu là quê hương của họ sau nầy. Họ để lại nhiều đồng chủng đang tiếp tục nghề canh nông. Những người ấy phối hiệp với người

Sémites sinh ra người Géorgien còn lưu giống đến ngày nay. Đoàn di cư thứ nhứt từ giã Asie-Mineure sang qua Âu châu là người Hy-Lạp thượng cổ. Người Hy-Lạp đầu tiên làm chúa đảo Chypre và Crête. Họ có thương thuyền vĩ đại đi khắp toàn cầu. Nhân đó đảo Crête ngày nay còn nổi tiếng với nền văn minh rực rỡ. Văn minh ấy kéo dài nhiều ngàn năm như thế đến 2.800 năm trước Chúa Giáng Sinh mà thời oanh liệt của họ cũng chưa phai nhạt!

Nếu người Hy-Lạp (Grecs) thượng cổ có sang lập nghiệp tại Âu châu ấy là do sự tấn công của vua Poséidonis.

Trong nhiều thế kỷ, bờ biển và đảo Méditerranée thuộc về tay các tiểu quốc. Hoàng đế Poséidonis muốn xâm chiếm. Nhờ nhiều chiến thuyền và đông binh sĩ, nên hoàng đế Poséidonis chiếm đảo lớn Algérie, đánh phá bờ biển Espagne, Portugal, Ilalie, bắt dân tình hàng phục. Ai-Cập ít binh sĩ, nên cũng sắp sửa đầu hàng.

Nhưng những người lính thủy Hy-Lạp miền đông lại căm tức trước sự hâm dọa chung. Dù chiến thuyền họ nhỏ hơn và ít hơn, nhưng chạy nhanh, không thua gì thuyền khổng lồ của hoàng đế Poséidonis. Nhờ can đảm và thời tiết thuận tiện, nên người Hy-Lạp phá đặng phân nửa tàu chiến của kẻ nghịch. Hoàng đế Poséidonis trốn thoát qua Sicile. Tin đồn thất thủ của hoàng đế Poséidonis khiến cho các nước bại trận đứng lên phản công. Hoàng đế Poséidonis phải vạch con đường máu, xuyên qua Ý quốc (Italie) mới về tới thành. Rồi từ đó, Ngài giả

thường dân sang qua miền nam Pháp quốc; sau cùng Ngài trở về xứ bằng một chiếc thương thuyền.

Hoàng đế Poséidonis vô cùng tức giận, thề quyết trả thù dân Hy-Lạp, nhưng không thành công.

Nhờ thắng hoàng đế Poséidonis, mà người Hy-Lạp được nổi tiếng; và địa thế của họ nơi biển Méditerranée được muôn phần thắng lợi. Và không đầy 50 năm, họ chiếm nhiều trung điểm trên bờ biển ấy.

Lúc 9.564 năm trước Chúa Giáng Sinh, xảy ra trận địa chấn, cù lao Poséidonis chìm xuống đáy biển, nhiều thành phố Hy-Lạp cũng sụp đổ tan tành; biển Gobi và biển Sahara lại trở thành đồng cát. Rõ là một cuộc tang thương biến đổi!

Tiếng kêu cầu cứu lan thấu tới miền Caucase là nơi ít bị ảnh hưởng của địa chấn. Tức thì người Caucase tổ chức cứu tế một cách đắc lực.

Khi biển Sahara nổi cát, thì hòn đảo to lớn Algérie còn dính với đất liền, làm thành ranh giới miền bắc của Phi châu (Afrique). Hầu hết đường thủy đều không đi được. Người Hy-Lạp bị trận địa chấn nầy chết sạch; chỉ trừ vài nhóm nhỏ còn sống sót, nhưng bị bắt làm nô lệ. Dân Asie Mineure (Caucase) mới rán mở đường thủy đến cứu người đồng chủng (hiện nay là người Hy-Lạp) đang bị cầm cố dưới ách ngoại bang.

Người Hy-Lạp được giải thoát, hiệp với người Asie-Mineure thành một nhóm dân Hy-Lạp hùng cường. Họ chiếm lại những địa thế trọng đại trên bờ biển Méditerranée, và hầu

hết việc buôn bán nơi mé biển đều thuộc về tay họ trong nhiều thế kỷ. Người Hy-Lạp lần dò tràn qua miền đông đến Java và lập quốc tạm thời để được tạm liên lạc trong nhiều năm. Về sau người Phéniciens và Carthaginois chia với người Hy Lạp mối lợi ở biển Méditerranée. Người Phéniciens thuộc về nhánh thứ tư Aryen có máu Sémites và Akkadiens (vốn là nhánh thứ tư và thứ năm Atlantide). Còn người Cartaginois vốn người Akkadiens có máu Á-Rập và người bán khai.

Đoàn di cư mãi tiếp tục đi qua Âu châu. Người ta có thể nói: «đoàn Hy-Lạp di cư lần thứ nhứt, đoàn Albanis lần thứ nhì; đoàn Ilalie lần thứ ba. Về sau đoàn thứ tư di cư là người Celtes; họ choán một ít đất miền bắc Ý quốc (Italie) trọn cả Pháp quốc, tây Thụy Sĩ, Anh quốc và Đức quốc giáp phía tây sông Rhin. Đoàn di cư thứ năm choán miền bắc Phi châu.

Đoàn di cư thứ sáu chiếm xứ Irlande. Đoàn nầy lai nhánh thứ năm Aryen, nên hình vóc rất đẹp. Sử chép họ rất lịch sự, nên được gọi là Tuatha-de-Danaan và cho là thần thánh lâm phàm, chẳng phải là người thế gian. Người Tuatha-de-Danaan mặt trái xoan, da trắng, tròng mắt xanh, hay tím, tóc đen, có khi đỏ lọt; có người mắt xám, ngày nay ta còn thấy ở người Irlande. Người Tuatha-de-Danaan nổi tiếng khôn ngoan và đạo đức hơn người bổn xứ nhiều. Thời kỳ của họ đô hộ là **thời kỳ vàng**; vì Irlande bấy giờ văn minh hơn cả Âu châu, trong khi Anh quốc bị những rừng hoang vu bao phủ. Nhưng về sau người Tuatha-de-Danaan bị người Milésiens ở Espagne đến đánh và đô hộ; dù những người sau nầy ít tiến hóa, nhưng lực lưỡng và

tà thuật hơn. Người Milésiens hình dáng xấu xa thô kịch; đầu tròn như viên đạn, bản tính thô lỗ, tóc đỏ hoe. Hiện nay người ta còn thấy dòng dõi họ sanh sản trong gia đình người Irlande miền rẫy bái.

Người Anh quốc kịch cợm và thực tế hơn người Irlande. Mấy người Anh nầy giàu tình cảm, có nhiều trí tưởng tượng và dáng vẻ thanh tao, nho nhã. Người nhà quê Anh quốc bực trung sống hoàn toàn theo vật chất, người nhà quê Irlande bực trung, miền nam và miền tây, sống mơ mộng. Họ mơ tưởng những chuyện trên cõi thiên đàng có Tiên Đồng và Ngọc Nữ v.v...

Nhánh thứ tư Aryen thường thường tóc đen, mắt đen, đầu tròn, nhỏ thó, trí tưởng tượng dồi dào, ngôn ngữ lưu loát, ưa thi phú, âm nhạc. Họ rất can đảm, nhưng hay ngã lòng rủn chí và thiếu thực tế.

Sau trận địa chấn, 9.564 năm trước Chúa Giáng Sinh, vài người Hy-Lạp cổ thời đến lập nghiệp tại Hellade. Thành phố Athènes đầu tiên cất 8.000 năm trước Chúa Giáng Sinh. Về sau người ta cất lại Athènes cũng tại chỗ đó 1.000 năm trước Chúa Giáng Sinh và Panthénon 480 năm trước Chúa Giáng Sinh. Chính tại Panthénon mà đức Mahâ-Gourou đầu thai lấy xác Orphée sáng lập khoa huyền bí tuyệt diệu. Trước Chúa Giáng Sinh 7.000 năm, với tư cách một danh ca, Ngài cùng các đệ tử sống trong rừng, vui với thiên nhiên, xa lánh bụi trần phàm tục.

Ngài dạy người bằng giọng ca và tiếng đàn năm dây, có lẽ đàn ấy là gốc của cây thất huyền cầm. Nhờ nhạc điệu của đàn mà Ngài chuyển hóa vía, trí của đệ tử làm cho họ trở nên thanh cao. Sự rung động huyền bí của tiếng đàn Ngài làm cho vía lìa khỏi xác, và trực cảm với những cõi cao. Đức Orphée dùng nhạc điệu làm cho các trung tâm điểm của luân xa thể phách trở nên linh hoạt. Ngài trải ra trước mắt đồ đệ những quang cảnh linh động do âm thinh tạo thành. Ngài cho rằng: «Vạn vật đều có âm điệu. Con người là năng lực điều hòa thiêng liêng sẽ tiếp thu được ngay được những âm thanh từ cõi cao theo luật công hưởng. Đó là nền hạnh phúc cho đời sống.»

Quanh Orphée người ta dệt ra biết bao chuyện thần thoại hoang đường cũng có, mà hữu lý cũng có.

Chuyện thần thoại nói rằng:

«Ngày xưa, vào thời thượng cổ, có một chàng nhạc sĩ siêu việt tên là Orphée. Chàng là con của Thần Apollon và Clio. Lần nọ vào rừng, thú dữ bao quanh, chàng đã dùng tiếng đàn du dương thanh nhã, xoa dịu thú tánh và hàng phục được bọn chúng.

Một lần khác, chàng xuống tuyền đài, dùng tiếng hát siêu linh cám dỗ được quỉ sứ và cứu vợ ra khỏi tay tử thần.

Giọng đàn, tiếng hát của Orphée là tượng trưng cho đài minh triết thiêng liêng, cho làn sóng phát ra từ tấm lòng nghệ sĩ mênh mang tỏa khắp bốn phương, cảm hóa chúng sinh. Và đó

là tiếng đàn linh diệu, vì nó phản ảnh một chân lý muôn đời, và chân lý của muôn loài trong vũ trụ: «Lấy ác đối ác, sẽ không bao giờ thành công; lấy từ bi đối ác mới mong thành công.»

Cây đàn linh diệu của Orphée

Rừng u tịch, cây rừng cao vòi vọi,
Lá cành xao, nặng trĩu một mùi tanh…
Thú rừng đang khát máu chạy loanh quanh
Chực vồ xé, mồi tan thành mảnh nhỏ.

Đây thần hổ lượn mình qua sắc đỏ,
Gầm vang lên chuyển động gió tưng bừng,
Gầm vang lên khủng kiếp cả khu rừng…
Trong sát khí, máu hồng lai láng chảy !!

Kìa sư tử vung nanh lồng lộng nhảy….
Mỗi bước chân giết hại một đàn hươu!
Mỗi bước chân gieo rắc vạn căm thù!
Lấy thịt sống, máu tươi làm bản thú[6]

---

[6] Bản thú: là thú vui riêng của chính mình.

Rừng xào xạc, đàn voi về cả lũ,
Cùng gấm beo, heo gấu nặc mùi hôi,
Chúng lùa qua, lượn lại bắt hơi mồi...
Gầm hét lớn, bẻ cành xao động lá...

Cảnh hỗn độn muôn trùng rơi rộn rã...
Rừng âm u thành tử địa vô hình!...
Rừng hoang vu chưa lọt điệu đàn linh
Nên ác thú vô tình xâu xé mãi!!

Rồi một sớm, Ô-phê dừng bước lại...
Tưởng rằng đây suối mộng chốn Đào Nguyên,
Tưởng rằng đây cung điện của muôn tiên,
Đang mơ đẹp, thú rừng san sát dội!!

Chàng bình tĩnh, không vội vàng bối rối,
Không dùng gươm, dùng súng diệt phe thù,
Chỉ dùng đàn linh diệu của thiên thu,
Đàn minh triết, khoan dung và bác ái.

Thú gầm dữ, chàng không buồn sợ hãi.
Thong thả đưa ngón ngọc vuốt đàn linh,
Nhìn trời mây, vui hát với bình minh,
Nghêu ngao dạo tiếng đàn trong gió sớm.

Đàn theo gió lan vào vòng ghê tởm!
Xé tan dần hắc khí chốn rừng u...
Dịu nguôi dần sát khí của phe thù,
Và ngân nhẹ trong tàn hương tuyệt diệu.

Đây là tiếng của cây đàn muôn điệu...
Có âm thanh cao vút diệu huyền say...
Có dư hương ngào ngạt suốt đêm ngày,
Dâng đến tận ngàn mây muôn vạn thuở.

Bỗng những tiếng hét gầm tan tác vỡ,
Loài thú cầm lũ lượt đến bên chàng...
Loài thú cầm im lặng lắng nghe đàn...
Phục quỳ xuống, ngất say mùi hương lạ.

Đàn đồng vọng xa xăm xuyên khóm lá...
Chàng Ô-phê lửng thửng nhẹ lâng lâng...
Muôn thú rừng chen chúc bước theo chân,
Tìm ánh sáng trên đồi, xa hắc ám.

Giờ đã hết cảnh tranh hùng thê thảm!
Không còn nghe tiếng rú, tiếng đau thương
Không còn đâu mắt đỏ đứng bên đường
Lườm khách lạ chực xông vào xé xác !!...

Loài hổ báo chưa hẳn là độc ác...
Chỉ vì chưa nghe được giọng siêu linh...
Chỉ vì chưa nghe được tiếng vô thinh,
Và thưởng thức được huyền âm, đàn linh diệu.

Nên mới phải sống cuộc đời nặng trĩu,
Mãi quay cuồng trong lớp sóng đau thương!...
Mãi tương tàn, tương sát bến thê lương !!...
Nay mới được đàn Ô-phê cải hoán.

Đàn nương gió bốn phương tìm vạn bạn...

Vuốt ve êm như gió thoảng cung tiên,

Gật gù say, dã thú bước hồn nhiên...

Theo sóng nhã cửa cung đàn linh diệu.

FONG HẢI

Đức Mahâ-Gourou đầu thai trong nhiều nhánh dân, khi thì lấy xác thân Vyâsa, Hermès, khi thì lấy xác thân Zarathoustral và Orphée. Ngài dạy về Ánh Sáng, Lửa và Âm Thanh. Tất cả đều là tượng trưng cho sự sống Duy Nhứt, cho tình Bác Ái tuyệt đối.

Từ Hy Lạp, các đệ tử Ngài đi qua Ai cập, và làm bạn với những nhà sư Ánh Sáng. Có vài người còn đến Java lập nghiệp nữa.

Gần 7.000 năm sau, đức Mahâ-Gourou đầu thai tại Ấn Độ lần chót, trong dòng vua chúa, lấy xác thân của thái tử Sĩ-Đạt-Ta, tu đắc quả Phật (tức là đức Phật Thích Ca).

CHƯƠNG 34

NHÁNH THỨ NĂM ARYEN

Người Teutons 20.000 năm trước Chúa Giáng Sinh

Trở lại 20.000 năm trước Chúa Giáng Sinh, ta thấy: nhánh thứ năm sanh ra đồng thời với nhánh thứ tư, nhưng trong trạng huống khác. Đức Bàn Cổ chọn một ít người tốt đẹp, da trắng, hình vóc cao, cho ở riêng biệt nơi trũng núi, xa «Thành Pont». Chính Ngài đầu thai làm con cháu mấy người ấy. Nhưng mỗi lần Ngài đầu thai, mỗi lần Ngài đổi hình dạng tốt đẹp hơn, rồi ngưng lại tới khi đạt được một kiểu mẫu như ý.

Vì thế người thuộc giống dân nhánh thứ năm Aryen, rất mạnh mẽ, bền dẻo, và lớn hơn người nhánh thứ tư. Vóc cao, da trắng, đầu hơi dài, tóc vàng, mắt xanh. Nhánh thứ năm Aryen rất khác người Celtes (thuộc về nhánh thứ tư). Người Teutons cứng đầu, nhẫn nại, thực tế hơn là mơ mộng.

Nhánh thứ tư và thứ năm Aryen từ giã trũng núi một lượt lúc 20.000 năm trước Chúa Giáng Sinh. Họ cùng đi qua xứ Ba-Tư (Perse).

Nhánh thứ năm, ít hơn, đi dài theo mé biển Caspienne, rồi lập nghiệp tại Daghestân, trong mấy ngàn năm. Họ sanh sản thêm rồi tràn qua triền bắc núi Caucase chiếm khu Terek và

Pouban. Nhánh nầy một ngày một mạnh, nên 1.000 năm sau trận địa chấn 9.564 trước Chúa Giáng Sinh, họ đi xâm chiếm thế giới. Nơi miền trung Âu châu bấy giờ có nhiều đầm không người ở. Người ta mới di cư lên tây bắc đến Cracovie tại Bồ-Đào-Nha (Pologne). Họ ở đó nhiều thế kỷ, chính tại Cracovie (Pologne) nhánh thứ năm mới chia nhiều đoàn di cư. Nhóm Slavons qua Nga, nhóm Croates, Serbes và Bosniaques xuống phía nam, nhóm Lettons đi không xa. Đoàn người Germains qua Đức quốc: người miền nam gọi là Goths và Scandinaves.

Lịch sử hiện đại chỉ cho ta thấy người Scandinaves đi xuống Normandie, còn người Goths lại sang miền nam Âu châu. Nhánh thứ năm Aryen cũng tràn qua Úc châu và bắc Mỹ châu. Nam Phi châu và Ấn Độ là gốc của giống dân chánh thứ năm Aryen.

«Huyền âm» của giống dân chánh thứ năm Aryen là «Om» và «huyền âm» của giống dân chánh thứ tư Atlantide là «Tau». Người ta cho biết: mỗi giống dân chánh đều có một huyên âm riêng, nhưng nếu hiệp lại thì thành lời «Sấm Thiêng». Mỗi giống dân chánh tập mở một đức tánh đặc biệt. Đức tánh đặc biệt của giống dân chánh thứ năm Aryen là «Manas» nghĩa là «trí tuệ» mà người Ấn Độ gọi là «Chit».

CHƯƠNG 35

NHÁNH THỨ SÁU ARYEN

Nhánh thứ sáu của giống dân chánh thứ năm Aryen đã khởi sanh tại Úc châu và Californie (ở Mỹ châu), nhưng chỉ một thiểu số thôi. Nhiều hội viên Hội Thông Thiên Học (Theosophie) đầu thai trong nhánh thứ sáu nầy, cũng có những vị bằng lòng ở trong nhánh thứ năm, để giúp đồng loại tiến hóa.

Tự nhiên, một nhánh dân phụ, mới sanh ra, cần phải sửa đổi hình thể cho thanh đẹp hơn. Đức Bàn Cổ rán sức sửa đổi xác thân trẻ em. Nhiều vị đệ tử cao nhân đầu thai trong gia đình đạo đức theo triều lưu tiến hóa của Thiên cơ. Cái trách nhiệm các Ngài rất lớn lao! Nhiệm vụ ấy là giáo hóa dân thực hiện tình Huynh Đệ Đại Đồng, mở Tâm Bác Ái để đi đến giác ngộ cuối cùng. Việc nầy tiến triển rất chậm chạp, nhưng trong vài thế kỷ tới, nhánh thứ sáu sẽ tiến cao, đáng bậc đàn anh của nhân loại. Hình vóc họ càng ngày càng đẹp đẽ, tính tình thăng bằng, dù là nam nhi hay phụ nữ. Tóc họ đen hoặc vàng, mắt xanh hay đen, tay chân tuyệt đẹp, mũi cao và thẳng, nét mặt thanh tú, da trắng hồng hào.

Trẻ con của nhánh thứ sáu Aryen dồi dào thiện cảm, và đầy lòng từ bi trước hoạn nạn kẻ khác. Chúng sẵn sàng giúp đỡ và hy sinh. Chúng nó thích sự thật và hiểu biết mau lẹ, không

xa chân lý. Chúng rất thẳng thắn, công bình. Nhánh thứ sáu Aryen rất không thích thức ăn bằng thịt động vật.

Đặc tính của giống dân nhánh thứ sáu là sẵn sàng hợp nhứt với mọi người trên thế giới mà họ xem là anh em một nhà. Muốn thực hiện tình huynh đệ ấy phải nhờ hai đức tánh: nhân ái và hy sinh. Nhánh thứ sáu Aryen đang đổi hạ trí ra thượng trí, vì nơi nào hạ trí làm chủ thì chỗ ấy có chia rẽ; còn thượng trí luôn luôn hướng về sự hợp nhứt. Tất cả điều gì hẹp hòi, nhỏ mọn, hay thái quá, tất cả điều gây chia rẽ, đều trái với đặc tính của nhánh thứ sáu.

Giống dân nầy có bộ óc rất mảnh mai, nên rất nhạy cảm với ngoại cảnh. Một em bé sẽ bị đau đớn nhiều, nếu quanh em có những làn rung động thô bạo. Giống dân mới thích hạp một hoàn cảnh an lành, thanh nhã và vui tươi, cũng như hoa hồng cần đất đai phù hạp mới nẩy nở tốt. Cỏ dại phát triển um tùm dù trong kẹt đá hay nơi hoang dã. Những cuộc đấu tranh, những giai cấp xã hội, những cạnh tranh thương mãi, đều hại cho sự phát triển của bộ óc thanh bai của giống dân mới tiến hóa. Cho nên cha mẹ nào hiểu đạo, nên tạo ra hoàn cảnh hòa thuận an vui tốt cho sự phát triển tinh thần của con cái mình.

Ngành mục đích sinh hoạt của người nhánh thứ sáu là thực hiện kỳ được sự **Hiệp Nhứt,** để đem lại hòa khí cho mọi người; chẳng phải cai trị và cưỡng chế, bắt kẻ khác phải tuân lịnh mình. Những nhà lãnh tụ của họ dắt dẫn quần chúng, không bằng ý chí, mà bằng tình thương, tính thiện cảm và sự hiểu biết. Tình yêu thương là biểu hiệu của sức mạnh. Nó hòa với người, kết hợp với người, không phải để đấu tranh chống

đối. Nhánh thứ sáu có tính tổng quát, và biệt tài tập họp tất cả dị biệt, để tạo một khối duy nhứt.

Sự nóng nảy của người nhánh thứ năm trở thành tình yêu thương, và lòng hào hiệp của người nhánh thứ sáu. Sự thương xót ngoài đầu môi chót lưỡi không đem lại điều tốt đẹp, mà là màn che giả dối chẳng phải tình thương xót thật, vì tình thương thật là động cơ giúp đỡ, hy sinh đầy sáng suốt và hiểu biết.

Nhánh thứ sáu Aryen còn có linh tính do hạch giữa hai mắt của họ nở lớn, khiến cho họ dễ cảm thông và hiểu biết được người khác.

Tóm lại, họ sẽ đi đến trực giác và minh triết một cách dễ dàng. Chúng ta nói ở phần trước rằng: nhiều người hội viên Thông Thiên Học thuộc về nhánh thứ sáu Aryen, vì giáo pháp Hội đưa ra thích hợp với trình độ tiến hóa của họ. Mục đích của Hội Thông Thiên Học chẳng phải lo mở hạ trí con người, mà là thượng trí để đi đến bác ái. Và tình thương chân lý thật sự là nền tảng của tình huynh đệ đại đồng.

Hiện nay nhân loại đã tiến đến tột đỉnh của nhánh thứ sáu Aryen, nhánh thứ bảy Aryen chưa ra đời.

CHƯƠNG 36

NÓI VỀ GIỐNG DÂN CHÁNH THỨ SÁU VÀ THỨ BẢY Ở TƯƠNG LAI

(Lời tiên tri của ông C. W. Leadbeater - nhà Theosophie có nhãn quang)

Theo bản đồ khái quát, đã vẽ ở trước, hễ nhánh thứ sáu của giống dân chánh thứ năm ra đời, thì đức Bàn Cổ khởi sanh giống dân chánh thứ sáu.

Giống dân chánh thứ sáu nầy sẽ chiếm một châu riêng biệt. Châu nầy sẽ từ thái bình dương nổi lần lên. Trong nhiều ngàn năm sau nầy, bắc Mỹ quốc sẽ chia ra từ khoảnh. Miếng đất miền tây ở (Californie) (mà giống dân chánh thứ sáu sẽ cư ngụ) ném về miền đông của châu sẽ nổi lên. Đó là tương lai.

Trong khi giống dân chánh thứ sáu sanh, giống dân chánh thứ năm sẽ tiến hóa tuyệt đỉnh; nhân loại sẽ sống trong thời kỳ vinh quang và tất cả thế giới đều lưu tâm đến giống dân chánh thứ sáu. Thần «Mars» đã đề cập chương trước, hiện nay là đức Đế Quân Morya sẽ là đức Bàn Cổ của giống dân chánh thứ sáu, và Thần «Mercure» hiện nay là đức Đế Quân Kuthumi, sẽ là đức Bồ Tát sau nầy.

Hội Thông Thiên Học, ngoài tôn chỉ chánh của Hội là quảng bá khoa học huyền bí, còn là nhiệm vụ kết hợp những người thiện tâm, thiện chí (có ít nhiều đặc tánh cần kíp) để giúp đỡ đức Bàn Cổ Morya sau nầy lập ra giống dân chánh thứ sáu.

Vậy ai là người Thông Thiên Học ngay bây giờ, nên cần tự tu học, khắc kỷ và nghiêm túc. Muốn vậy, trước nhứt phải biết hy sinh giữ tròn lòng sùng tín vào các bậc Tiên hiền tiền bối.

Những học giả khoa huyền học cho rằng: người ta có thể dùng nhãn quan biết tương lai một cách rõ rệt và có khi rất chi tiết. Đức giám mục C. W. Leadbeater có nhãn quang quả quyết rằng: «Với nhãn quan, ông có thể thấy rõ cách sanh sản đại khái của giống dân chánh thứ sáu sau nầy. Trong quyển «L'homme d'où il vient, où il va». (Con người từ đâu đến và đi về đâu?) Ông miêu tả một cách lý thú và đầy đủ. Xin tóm lại sau đây:[7]

«Giống dân chánh thứ sáu sẽ ra đời tại Californie trong 700 trăm năm nữa. Nước ấy sẽ to lớn và tốt đẹp hơn. Đức Bàn Cổ và những vị đệ tử Ngài sẽ đầu thai làm người lãnh đạo. Các Ngài sẽ cất nhà cửa lầu đài, lộng lẫy và mỹ lệ hơn bây giờ. Chính giữa thành phố sẽ có một đền thờ, quanh đền là lối 400 biệt thự rộng rãi làm nơi nhóm họp, thư viện và viện bảo tàng. Có nhiều máy móc phức tạp sản xuất những nhu yếu phẩm khỏi phải mua ở ngoại quốc. Nhưng đoàn người tiến hóa nầy sẽ liên lạc với thế giới và tìm biết những phát minh mới của thế giới.

Đức Bàn Cổ sẽ tự mình xuống đầu thai trong giống dân ấy đặng sửa chữa cho thêm tốt đẹp về vật chất, lẫn tinh thần, y theo mẫu hình của Ngài sẵn có trong trí. Lối 500 năm về sau,

---

[7] Ông C.W.Leadbeater có nhãn quang, nên thấy rõ bản đồ thiêng liêng.

giống dân chánh thứ sáu sẽ được 100.000 người mà hầu hết đều là con cháu chính thức của đức Bàn Cổ. Đức Bàn Cổ sẽ có 12 người con, mỗi người sanh vào một trong 12 cung Hoàng Đạo. Con đông là luật chung của giống dân ấy và không có trẻ em nào chết cả.

«Khu vực» nộp thuế cho chánh phủ, rồi chánh phủ để «Khu» tự quyền hoạt động. Dân sự ngoài đời thấy sinh hoạt của dân kiểu mẫu ấy rất kính trọng, vì họ cho là tốt đẹp, mặc dầu có vài phần tử kỳ dị lánh trần. Người trong «Khu» được phép viếng thăm bạn tác ngoài xã hội, nhưng không được phép cưới hỏi người ngoài «Khu», cốt yếu để cho thuần giống.

Những người trong «Khu» được tuyển chọn hết sức kỹ. Họ hiểu thật rõ những ý niệm vị lãnh tụ của họ là đức Bàn Cổ, nên hết lòng hy sinh, phụng sự Ngài trong việc tạo một giống dân mới. Họ tin cậy đức Bàn Cổ hoàn toàn và sẵn sàng quên mình để phụng sự.

Quyền lực của Ngài tuyệt đối. Dưới tay Ngài có 12 vị đệ tử cao cấp, mà một vài vị đã đắc đạo quả. Tất cả các Ngài đều lo cho giống dân mới được tốt đẹp.

Không có lính cảnh sát, toà án, ngục tù, vì không có một ai hung dữ phạm tội sát nhân, hay cướp bóc. Chỉ có một cách trừng phạt. Nếu có ai phạm lỗi, là trục xuất họ ra khỏi «Khu» ngay. Nhưng không một ai lâm vào cảnh đó. Mỗi người đều mở đặng ít nhiều thần thông, nên hiểu được bổn phận và trách nhiệm của mình trong bàn cờ Tạo Hóa, dưới sự chỉ huy sáng suốt của các nhà lãnh tụ thiêng liêng.

Người ta sẽ dùng Thông Thiên Học (Théosophie) (MTTL) làm đề tài tu học đạo lý. Có nhiều điểm Thông Thiên

Học (MTTL), ngày nay ta không hiểu, sẽ dễ dàng cho giống dân chánh thứ sáu như: bên kia cửa tử, những cõi hư không, đều là sự thực nghiệm của hầu hết mỗi người. Một vài người lo học triết lý cao siêu hay là khoa siêu hình học; nhưng phần đông tỏ lòng mộ đạo trong các đền thờ, (sẽ tả về sau). Họ rất thực tế; đối với họ thì tôn giáo và khoa học đều hòa hợp nhau, chớ không đối chọi. Cả hai đồng đến mục đích chung là: **Phụng Sự.** Nhiều người, mỗi buổi sáng đều làm lễ «Mặt Trời», họ cho mặt trời là tượng trưng cho đức cao quý đáng tôn kính, chớ chẳng phải vì họ sợ.

Nhiều vị thiên thần ở quanh họ, và cộng tác với họ. Nhờ điển lực và lời cảm dụ của thiên thần, mà họ tiến hóa nhanh. Đức Đế Quân Kuthumi sẽ lãnh nhiệm vụ về tôn giáo và giáo dục. Có 4 đền thờ chánh thuộc về 4 giáo pháp là: Bác ái, hy sinh, thiện cảm và trí tuệ, mục đích là khai mở đức thông tuệ cảm thông với Thượng Đế. Mỗi đền thờ đều có trách nhiệm đặc biệt. Tỷ như đền thờ Bác Ái, thì tất cả nghi lễ đều có mục đích mở tình bác ái của tín đồ. Người ta dùng những màu hồng sậm (cramoisi) tượng trưng cho bác ái. Màu sắc có «âm sắc» vô hình làm rung động tình thương vô tư những người xung quanh.

Đền thờ Bác Ái cất kiểu vòng nguyệt, một phần nóc không lợp ngói. Những tín đồ ngồi dưới đất nhắm mắt lại, tưởng trong trí các màu sắc thuộc bác ái. Mỗi người tưởng theo thứ tự những màu đã định trước. Điều nầy thay cho sự đọc kinh cầu nguyện buổi sáng, làm cho tâm trí yên tịnh hòa với không gian bác ái. Trong lúc ấy, luôn luôn thiên thần hiện ra giữa thánh điện sáng chói, với xiêm y màu đỏ sậm. Trên đầu chói lòa biết bao hình tư tưởng bác ái tươi đẹp.

Mỗi tín đồ nhớ kỹ dãy màu tốt đẹp ấy, và rán dùng tư tưởng tạo ra trước mặt mình cùng một dãy màu khác nhỏ hơn; thiên thần đem thần lực mình tăng cường hỗ trợ đức tánh của tín đồ. Một khi vị thiên thần hữu trách hiện ra, và đem thần lực ban rải cho toàn thể, thì tự nhiên các thiên thần khác ở cõi cao cũng hợp lại phóng một luồng từ điễn, từ cõi thượng thiên xuống phàm trần thành một vầng hào quang bao trùm đền thờ và tín đồ, khiến cho ai nấy đều cảm ứng dồi dào âm sắc của một tình thương vô tư. Vị thiên thần hữu trách gom tất cả làn sóng yêu thương trong sạch ấy làm thành một luồng sóng bác ái vô cùng vĩ đại, hòa hiệp với Trạng Thái Bác Ái của ngôi Thái Cực. Tức thì ngôi Thái Cực xạ thần lực xuống cho những vị cầm đầu để tuôn rải khắp nơi, khắp chốn. Đó là cách hành lễ hằng ngày trong đền thờ của giống dân chánh thứ sáu. Ảnh hưởng quý báu và thiêng liêng chẳng những cảm ứng các tín đồ mà còn lan ra khắp vùng lân cận.

Trong lúc làm lễ người ta đốt trầm, hương bảy thứ đưa ảnh hưởng tốt đến thể phách của tín đồ.

Trong đền thờ màu xanh lợt thuộc tính là đức hy sinh, lấy **âm thinh** để cảm hóa, không dùng màu sắc. Mỗi tín đồ đem theo cây đàn của mình đã được nhà sư ban điễn lành. Cây đàn ấy giống như cây phong cầm hình tròn, dây bằng chỉ bạc hay một thứ kim khí sáng ánh có hiệu năng thu hút thần lực cõi trên. Mọi hoàn cảnh đều thấm nhuần từ điễn của thần âm nhạc. Mỗi tiếng đàn trỗi lên là mỗi tâm thức chúng sinh rung động hòa nhịp với sự mỹ lệ và điều hòa trong vũ trụ. Nghi lễ của đền thờ xanh lợt linh hoạt thể vía và thể bồ đề của tín đồ.

Đền thờ vàng thuộc tính là trí tuệ. Nghi lễ chủ trương tạo ra hình tư tưởng để sửa đổi hạ trí và kích thích chơn thân (corps causal). Thượng trí của tín đồ được kích thích cực độ,

khiến cho tín đồ chóng mở trực giác. Nhiều người trong lúc hành lễ, hồn xuất ra khỏi xác, có người lại bước liền qua đại định.

Trong đền thờ ấy điều tối cần tín đồ chuyên lo mở ý chí; vì ý chí có mãnh lực khai mở xác thân.

Đền thờ xanh lá cây thuộc về tính thiện cảm. Tín đồ thực hành phép Karma Yoga (nghĩa là hành đạo bằng việc làm vị tha).

Còn đền thờ xanh lợt và đỏ đậm hành trì Bhakti Yoga (là con đường tôn thờ, kính tin).

Đền thờ vàng theo đường Jnana Yoga (là con đường mở tuệ giác).

Những tín đồ trong đền thờ xanh đậm (lá cây) hành lễ theo pháp tu thực tế. Người tu có ý niệm giúp đỡ bằng nhiều cách khác nhau. Tín đồ đền thờ nầy có thể đến viếng đền thờ kia, không chút mặc cảm hay tỵ hiềm. Một vài người không đến đền thờ nào cả; nhưng không vì lẽ đó mà họ bị cho là không đạo đức hay thấp kém. Mỗi người đều hoàn toàn tự do.

Ta biết rằng đức Đế Quân Kuthumi[8] lo chung về tôn giáo và giáo dục. Ngài đi viếng các đền thờ và thường thay thế cho vị Thiên Thần hữu trách.

---

[8] Tiền kiếp của đức Đế Quân Kuthumi là đức Pythagore.

Trong «Thế giới Tâm Linh» nầy vấn đề giáo dục trọng hệ nhất. Các vật liệu phụ thuộc dùng để dạy dỗ là màu-sắc, ánh sáng, mùi hương, âm thinh, hình thể và điện khí. Thiên Thần hữu trách về giáo dục dùng những các tinh linh (esprits de la nature) tiến hóa trong vũ trụ. Những giáo sư nam, nữ đều có nhãn thông. Những vị Thiên Thần thường xuất hiện dạy học.

Người trong «khu vực» chết rồi, tái sinh lại liền. Nhiều người nhớ lại kiếp xưa, cho nên trẻ em tuổi còn thơ mà đã hiểu biết ngay tôn chỉ và trách nhiệm của «khu». Người ta thường dùng bửu bối đặng giúp trẻ nhớ lại dĩ dãng.

Trong đền thờ người ta dành riêng một cuộc hành lễ cho trẻ con. Trong lúc ấy, chúng nó đàn ca, múa hát. Có khi cũng đóng trò làm các dãy hành tinh chuyển quanh mặt trời. Chúng thích chơi như vậy và cũng không quên rằng mình đang hành lễ. Trẻ con còn tập một điệu múa lạ, khiến khi nhìn vào, người ta thấy sự sống của bầu nhựt tinh truyền sang qua dãy địa cầu. Người ta dạy đạo cho trẻ con bằng những trò chơi có tính cách tôn giáo. Trẻ con ăn mặc màu dịu và sáng, múa hát những điệu vũ nghê thường tuyệt diệu rất khó tập. Đức Bàn Cổ chú tâm liên kết chặt chẽ giáo dục và tôn giáo. Người thuộc về giống dân chánh thứ sáu sẽ không bịnh hoạn. Hầu hết đều chết già. Nhiều người sống trên trăm tuổi và trước tuổi 80 chưa thấy già nua. Thường thường chết là «tự ý» muốn bỏ xác, khi thấy xác mình hết hữu ích, không phải tự nhiên chết như chúng ta bây giờ. Khi một người trong «khu» thấy xác mình già yếu và vô dụng, mới đi tìm một người cha và một người mẹ tương lai (thuộc về kiếp tới). Nếu hai người nầy ưng thuận, thì người sắp chết giao cho họ một bửu bối thấm nhuần từ điển của mình. Thường thường là một món nữ trang, và quần áo mà anh muốn có lại trong kiếp sau. Đoạn anh dọn mình bước qua

cảnh giới mới nhắm mắt, với ý chí muốn chết. Trong giấc ngủ anh lìa khỏi xác một cách êm ái, an lành không chút đau đớn. Thường anh đến nhà cha mẹ tương lai đã chọn đặng chết.

Người ta không cử hành đám táng; tới mức độ thân bằng, quyến thuộc cũng không đến dự, vì người ta cho chết là thường sự như chiếc áo mặc vào, cởi ra. Xác chết nhờ chất toan thủy và một lực, giống như điễn khí, làm thân xác tiêu ra tro bụi. Giống dân chánh thứ sáu tự ý chọn lựa hoàn cảnh đầu thai của mình. Rất ít khi đức Bàn Cổ xen vào.

Kẻ làm cha mẹ thường sẵn sàng có 10 hoặc 12 con mà phần nhiều số nam bằng số nữ. Có khi hai năm sanh sản một lần và sanh đôi, sanh ba không lạ! Không có trẻ nào bị tàn tật. Người sản phụ dường như không phải đau đớn.

Đời nay, người ta vì tình mà cưới nhau, còn giống dân chánh thứ sáu vì bổn phận đối với «khu vực» trên hết. Các tình dục cảm không hề có. Sự phối hợp nam nữ cốt để sản sinh con cái, hợp với đạo lý. Việc cưới hỏi có được trong khu vực khi nào đức Bàn Cổ bằng lòng. Rất lắm khi, một đôi vợ chồng chưa cưới hỏi nhau mà đã có vài ba linh hồn chực hờ để đầu thai. Không bao giờ có sự để bỏ giữa vợ chồng. Sự ngoại tình và đa thê chẳng hề có.

Điều hạnh phúc nhất là được sanh trong gia đình đức Bàn Cổ, chính tự tay Ngài chọn lựa con cháu.

Người thuộc về giống dân chánh thứ sáu, da trắng, mắt và tóc đen, hình vóc cao lớn lối 1 thước tám, đàn bà cao gần bằng đàn ông, thân hình cân đối, dịu dàng và xinh đẹp. Mỗi «tiểu khu» có đền thờ, trường học, công đường riêng. Nhà cửa

thường cất trong khu vườn rộng rãi, tối không đóng cửa; vì không trộm cướp. Mái nhà thường tròn, đủ kiểu và đủ cỡ. Nhà không có góc cạnh, các phòng tròn hay hình bầu dục. Trong nhà đâu đâu cũng trang trí bông hoa và tượng ảnh. Đêm đêm trên mái nhà tròn đèn sáng trưng tự động đổi màu xanh, đỏ.

Nhà rất ít bàn ghế. Người ta nằm ngồi trên gối đặt trên nền gạch bông hay cẩm thạch. Áo quần giản dị mà đẹp đẽ giống y phục người Ấn Độ hay người Hy Lạp.

Giống dân chánh thứ sáu ăn chay ròng. Họ thường ăn trong nhà hàng có nóc trần. Người ta ăn nhiều trái. Người ta giải khát bằng nước biển được lọc dư uống.

Trọn cả đời sống đều thấm nhuần mỹ thuật. Mỗi vật dụng mọn nào cũng đều được tạo tác đầy thẩm mỹ. Tuyệt không có hát xướng, điều nầy được xem như là trò chơi của trẻ con. Những điệu múa, chỉ dành để hành lễ trong đền thờ không phải là một trò giải trí.

Phụ nữ cũng như nam nhi đều thích thể dục. Những tinh linh giúp giống dân nầy rất nhiều. Chính các vị nầy đem thiên lịnh truyền xuống, thường thường cho trẻ con, vì các em nhạy cảm và dễ tiếp nhận hơn người lớn.

Người trong «khu vực» tự tạo ra đủ nhu cầu cho sự sống. Một hai khi muốn mua nhu yếu của nước ngoài, thì họ dùng phép luyện kim (alchimic) tạo ra tiền bạc và nữ trang để chi trả cho sách vở, đồ mỹ nghệ v.v..., vì trong xứ không dùng tiền để trao đổi. Mỗi người tự do chọn lựa việc làm của mình trong ích lợi chung. Sau ngày làm việc, người ta lãnh những tấm phiếu (bon) để đổi vật thực v.v... Máy móc rất tinh vi, không nghe tiếng động. Thường thường các cô gái dệt hàng vải

với máy dệt chạy thật êm. Nhà máy sạch sẽ tinh khiết như nhà ở. Tất cả máy móc đều tự động, khỏi cần người điều khiển, đến sự nấu ăn cũng khỏi cần người: cứ bấm nút là có đồ ăn nấu chín đưa ra vừa ý mình.

Tuyệt nhiên không có việc làm nào dơ bẩn và hạ tiện. Người ta không làm nghề thuộc khoáng sản, vì chỉ dùng phép luyện kim tinh thần tạo ra kim loại. Với kim khí nhân tạo, người ta hòa trộn thành nhiều chất khác nhau. Tất cả nghề canh nông đều nhờ máy tự động, khỏi ai đều khiển, cho đến giai đoạn máy móc tạo ra máy móc, không cần người. Khỏi cần xe đổ rác, vì mỗi nhà có «máy chế biến» chất hóa học làm cho rác thành ra tro. Không có người làm thuê và cũng không có ai cần có kẻ ăn người ở. Nếu cần, người người đồng tương trợ lẫn nhau.

Không có người nào có tài sản riêng mình, vì luật của «khu vực» là phát phiếu (bon) cho những ai làm việc để đổi lấy vật dụng. Đường sá rất rộng rãi, lót đá tốt, nghè láng như cẩm thạch. Có nhiều đường đổ đá màu hường hay xanh lá cây lạt. Mỗi buổi sáng người ta tưới nước ra đường lộ, để tránh bụi ô nhiễm. Bởi đâu đâu cũng sạch sẽ, lót đá và trồng cỏ xanh êm mát, nên dân cư đều đi chân không. Luôn luôn trước cửa ngõ mỗi nhà đều có một bồn nước để rửa chân cho mát trước khi vào nhà.

Mỗi nhà đều có thứ xe nhẹ nhàng bằng kim loại, giống xe bịnh nhân dùng; bánh cao su nhỏ chạy rất mau và êm. Máy là một bình hơi có máy cung cấp (charge) đầy. Không có xe hàng to, người ta dùng phi cơ chuyên chở. Người ta không cần đi phi cơ để du lịch, vì mỗi người có thể tự xuất vía, đi đây, đi đó dễ dàng. Nhà trường có một lớp dạy xuất vía.

Khí hậu của xứ thật tốt, dường như trọn năm không có mùa đông. Bông hoa đủ màu, đủ loại, khắp nơi trồng nhiều thứ cây ăn trái. Tất cả xứ đều đào mương, xẻ rạch cho nước lưu thông. Người ta trồng nhiều thứ cây ăn trái; cho đến các loại cây miền nhiệt đới được trồng bằng nhiệt lượng nhân tạo.

Lúc giống dân chánh thứ sáu ra đời đến tuyệt đỉnh, thì toàn thế giới đều tiến hóa. Đức Giáo chủ sẽ ra đời và các tôn giáo hiệp lại làm một tôn giáo duy nhứt. Trên địa cầu sẽ có một nền chánh trị chung và không còn ai nghèo nàn hay bị áp chế. Cảnh giặc giã sẽ không có nữa. Có một thứ tiếng quốc tế là tiếng Anh, nhưng viết bằng tốc ký. Nền văn minh thực sự thấm nhuần thế giới, thành thử không còn ai được xem là kẻ lạc hậu. Mỗi nước đều giữ nước mình với vẻ đẹp riêng, không ai tính xâm lấn ai. Họ hoàn toàn tin cậy lẫn nhau, do đó mà tình huynh đệ đại đồng được thực hiện rõ ràng.

Tôn giáo duy nhứt sẽ phát triển rất mạnh mẽ. Tôn giáo và khoa học tương trợ lẫn nhau và bắt tay nhau cùng đi tới một mục đích chung là **giúp nhân loại tiến hóa.**

Bởi không còn kẻ nghèo, nên không còn các cơ quan phước thiện.

Chừng ấy xứ Ấn Độ sẽ không còn nạn đói nữa. Sự phân chia giai cấp sẽ dứt hẳn.

Xứ Thibet được lưu thông dễ dàng. Hội Thông Thiên Học (MTTL) sẽ phát triển mạnh mẽ. Hội sẽ chỉ lo thực hiện hai mục đích chót mà thôi, vì mục đích thứ nhứt đã gần thành tựu. Hội sẽ có một đại học đường tại trung ương với nhiều chi nhánh rải rác khắp hoàn cầu. Tổng bản dinh của Hội Thánh Thông Thiên Học tại Adyar sẽ được thay thế bằng một dinh

thự lớn, với nóc tròn to. Trong dinh sẽ có một phòng dành cho thuật luyện kim tinh thần (alchimie occulte). Quyển «Giáo lý Nhiệm Mầu» (La doctrine secrète) sẽ còn tồn tại và người ta sẽ dịch ra bằng tiếng quốc tế. Hội sẽ sản xuất nhiều sách vở về đạo lý nghìn xưa. Adyar sẽ còn là nơi thánh địa và khách viễn phương cũng tiếp tục lui tới viếng thăm, ông Olcott sẽ đầu thai lại tại Californie (Mỹ quốc) làm việc dưới sự chỉ huy của đức Bàn Cổ; ông sẽ là chánh hội trưởng danh dự của Hội sau nầy. Ít nhất hai năm ông đến viếng Adyar một lần.

Giống dân chánh thứ sáu đầu thai liền, sau khi chết, để chóng hoàn thành nhiệm vụ. Mỗi lần đầu thai lại là mỗi lần gần giống với hình kiểu mẫu mà đức Bàn Cổ đã vẽ sẵn trong trí Ngài. Đó là một công trình cực nhọc để đúc nắn nhân loại đúng với Thiên ý.

Mỗi người chúng ta đều có khả năng góp vào công việc ấy. Điều chúng ta nói ở trước chỉ là buổi đầu của giống dân chánh thứ sáu mới ra đời. Chúng ta không biết còn bao lâu nữa xứ Mỹ sẽ bị địa chấn chia ra từ mảnh và tại thái bình dương một châu mới nổi lên, để làm nơi trú ngụ cho giống dân chánh thứ sáu. Châu mới nầy sẽ nổi ngay nơi châu Lémurie xụp xuống biển từ ngàn xưa như đã nói ở các chương trước.

Tự nhiên giống dân chánh thứ sáu sẽ có bảy nhánh. Khi nhánh thứ bảy của nó ra đời thì giống dân chánh thứ bảy mới bắt đầu sanh ra.

Giống dân chánh thứ bảy sẽ lo mở về «Sat» nghĩa là trạng thái Thượng Đế.

Khi giống dân chánh thứ bảy sanh ra đủ bảy nhánh và đã làm tròn phận sự, thì trái đất của chúng ta sẽ bắt đầu ngơi nghỉ như mặt trăng bây giờ. Khi ấy tất cả sinh linh trên mặt đất đều chuyển sang qua bầu thủy tinh (Mercure). Đời sống trên thủy tinh sẽ ít vật chất hơn ở bầu trái đất và nhân loại tự nhiên sẽ có thần nhãn.

Khi bầu Mercure ngơi nghỉ, thì tất cả sinh linh đều sang qua bầu F, và G. (như đã nói ở trước). Nhân loại đầu thai qua bầu Mercure rồi, thì cuộc tuần hườn thứ năm sẽ bắt đầu, kế đó là cuộc tuần huờn thứ sáu và thứ bảy. Khi hết cuộc tuần huờn thứ bảy, thì dãy địa cầu của chúng ta sẽ tiêu diệt. Sinh linh sẽ chuyển qua dãy hành tinh kế đó.»

BẢNG CHỈ CÁC GIỐNG DÂN PHỤ CỦA 5 GIỐNG DÂN CHÁNH TRÊN QUẢ ĐỊA CẦU HIỆN TẠI

GIỐNG DÂN CHÁNH	GIỐNG DÂN PHỤ	ĐẶC SẮC	
I (Phách linh động)	**Có 7 giống dân phụ** (nhưng chưa phân chia rõ ràng)	Có 7 bực tiến hóa của 7 giống dân phụ, nhưng những giống dân phụ nầy chưa phân chia rõ ràng. Xác thân làm bằng chất dĩ thái (chất thể phách) hình dạng dị kỳ, có tòng, có tụi, giống dân ấy chưa có xác thịt. Sanh sản bằng cách phân thân như vi trùng a-mi-bơ (amibe) hay bằng cách đổ mồ hôi. Giọt mồ hôi là con người thứ hai mới sanh.	
II (Xác thân linh động)	**Có 7 giống dân phụ** (nhưng chưa phân chia rõ ràng	Khởi có xác thịt và thể vía. Cách sanh sản tiến hơn và cải cách từ từ. Ngoài da nổi những cục u như giọt mồ hôi trắng đục, rớt ra, thành người. Nhưng giọt mồ hôi nầy lộ vài dấu của cơ quan sinh dục tương lai. Con người trở thành «lưỡng tính».	
III Giống dân Lê-mu-ri-dien (Vía linh động)	**Có 7 giống dân phụ** (nhưng chưa phân chia rõ ràng)	Xác thân bằng thể phách trước kia trở nên lần lần nặng nề, đông đặc và cụ thể, nghĩa là bằng: «xương, máu, thịt» như ta ngày nay. Hình dạng to lớn khổng lồ, dục tình nổi dậy đáng sợ. Giữa trán có một con mắt. Có hai bộ sinh dục. Sinh sản bằng sự giao hợp. Những người mọi Arborigènes ở Úc châu và người Tasmaniens thuộc về giống dân phụ thứ bảy của giống dân chánh Lê-mu-ri-dien. Người Mã Lai (Malais), người Papous và người Hottentots là con lai của người Lê-mu-ri-dien và Át- lăn (giống dân chánh IV). Người mọi (nègre) da đen trại cũng là con cháu của giống dân Lê-mu-ri-dien.	

IV Giống dân Át-lăn (Hạ trí linh động)	1) Mô-ha (Rmohals)	Nước da ít đen hơn mọi.	Con mắt chính giữa trán thụt vô (thành hạch mũi) để thay thế bằng hai con mắt. Tâm linh họ rất mở
	2) La-hoát-Li (Tlavatlis)	Nước da vàng đỏ.	
	3) Tôn-Téc (Toltecs)	Giống dân đẹp đẽ, nét mặt thanh tú, hình vóc to lớn. Nước da sậm, cũng có người da đỏ sậm. Sức mạnh phi thường. Người cầm đầu đưa giống dân ấy tiến đến nền văn minh tuyệt diệu, rồi kế bị tiêu diệt, vì những kẻ tả đạo luyện phù phép giết, hại. Rốt cuộc họ bị người Artèques thống trị.	
	4) Tu-ra-nien (Touraniens)	Nước da vàng – Tổ tiên xa của của dân Do-Thái. Thời ấy là thời Eocène nghĩa là đời Hạ-Tầng của Đệ-Tam-Kỷ.	
	5) Sê-mít (Sémites)	Nước da vàng – Khởi mở thượng trí. Có mầm giống của giống dân chánh thứ năm.	
	6) A-ca-dien (Akkadiens)		
	7) Mông-cổ (Mongols)	Nước da vàng. Người Pelasges, Etrusques và Scythes là con cháu của giống dân phụ thứ sáu và thứ bảy. Con cháu của người Tu-ra-nien. Người giống dân phụ thứ 7 là: Người Trung Hoa (Mông cổ) miền trung, người Mã Lai, Thibétains, Hongrois, Fianois, Esquimaux (ở bắc cực) Nhựt Bổn, Việt Nam, Thái Lan, mọi da đỏ ở bắc Mỹ quốc là con cháu của dân Mông Cổ và Tôn-téc. Một số người thuộc về giống dân phụ thứ 7 di cư đến Asie-Mineure và Hy-lạp; họ phối hợp với giống dân phụ thứ 2 của giống dân chánh thứ 5 để tạo ra người dân Hy-Lạp cổ thời,	

		và người Phéniciens.	
V Giống dân A-ri-dien. (Thượng trí linh động)	1) A-riô-hanh-đu (Aryo Hindous)	Con cháu của dân Sê-mít di cư và lập nghiệp tại miền bắc Ấn Độ. Trước kia Ấn Độ lấy tên là Aryâvarta. Chi nên giống dân chánh thứ năm mới có tên là Aryen. Người Aryen nói tiếng Sanzar. Chữ Phạn (Sanscrit) cũng do tiếng Sanzar đó mà ra. Nước da đen, họ là thỉ tổ của người da trắng.	
	2) A-riô-Sế-mít (Aryo Sémitiques)	Dân nầy di cư qua miền tây rồi lập nghiệp ở Afghanistan, Á-Rập và Syrie, con cháu họ là những người lai Tu-ra-nien và A-ca-dien. Họ tạo lập ra kinh đô Assyrien và Baby-lonien. Những người Trung Hoa ở miền biển cũng là con cháu họ.	
	3) I-ra-nien (Iraniens)	Đức giáo chủ Hỏa giáo Zoroastre dẫn giống dân phụ nầy đi qua miền đông và bắc. Họ di cư lập nghiệp tại Afghanistan và Ba-Tư.	
	4) Sen-Tơ (Celtes)	Đức Orphée dẫn giống dân phụ này di qua miền tây – xa hơn các giống dân phụ ở trước. Mấy người nầy lập nghiệp tại Hy Lạp, Ý quốc, Pháp quốc, Irlande, Ecosse và Anh quốc.	
	5) Tơ-Tông (Teutons)	Giống dân phụ thứ năm nầy chiếm trọn trung Âu châu, hiện nay rải rác khắp cả hoàn cầu. Họ có bổn phận dắt dẫn giống dân chánh thứ năm	
	6) Khởi sanh		
	7) Sẽ sanh		

	……	đến mức tiến hóa cực điểm. Giống dân phụ thứ 6, của giống dân chánh thứ năm, hiện nay đã khởi sanh một vài chỗ như Úc châu và Californie (Mỹ quốc).	

PHẦN THỨ BA

VŨ TRỤ VÀ CON NGƯỜI

TIỂU THIÊN ĐỊA

CHƯƠNG 37

TIỂU THIÊN ĐỊA

Chơn Thần giáng lâm

Phần trước đã trình bày lướt qua về Chơn Thần; sau đây là phần tiến sâu vào vấn đề tức là tinh thần hay tâm thức. Chơn Thần có thể gọi là: «đơn vị tinh thần» (unité de conscience) hay là «Điểm Linh Quang» của Thượng Đế phát sinh tại cõi tối đại niết bàn, và trú tại cõi đại niết bàn. Trước khi Ngôi thứ ba tạo ra 5 cõi dưới, thì Ngôi thứ nhứt đã sanh ra Chơn Thần rồi. Thế thì Chơn Thần là linh hồn vạn vật, đã được đức Thái Dương Thượng Đế sinh ra trước khi lập thành thái dương hệ. (đồ hình số 33). Chơn thần dần dần tiến triển trong tương lai. Xem thế muôn triệu vạn ức linh hồn vốn do Đấng duy nhứt sinh ra.

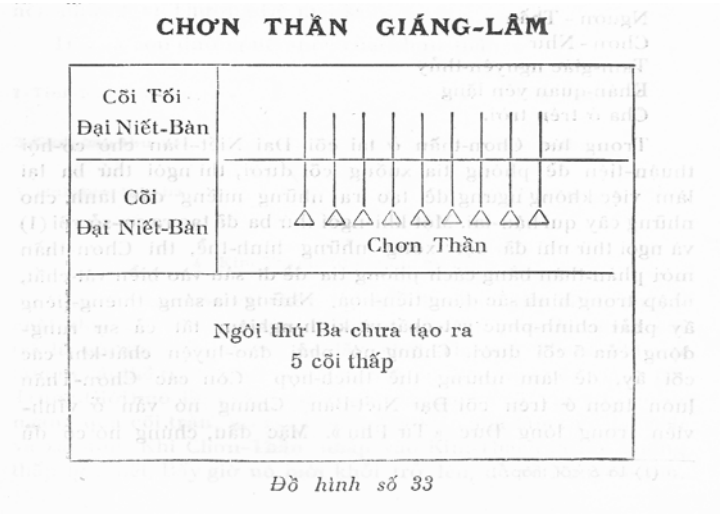

Đồ hình số 33

Quyển Giáo Lý Nhiệm Mầu chép một đoạn sách huyền môn về những Điểm Linh Quang: «Hỡi Đệ Tử, hãy ngước mặt lên, con có thấy trên đầu con một hay vô số yến sáng chói loà trên gầm trời đen tối, giữa đêm trường tịch mịch chăng?»

– «Bạch Sư Phụ, Đệ Tử trả lời, con cảm thấy một ngọn lửa với vô số tia sáng từ trong túa ra, cả hai vẫn không lìa nhau.»

Ngọn lửa ấy là đức Thượng Đế. Còn những tia sáng là những Chơn Thần. Nên lưu ý đến chữ **không lìa,** vì có ý chỉ: «Chơn Thần vốn là Thượng Đế.»

Người ta có thể gọi Chơn Thần là hiện thân của đức Thượng Đế tại cõi thấp. Mặc dầu Chơn Thần được tự do hoạt động như một cá nhân riêng biệt, song Nó vẫn liên kết với đức Thượng Đế bằng một đường quang tuyến kỳ diệu.

Thông Thiên Học gọi Chơn Thần là Jivâtmâ, kinh Samkya gọi Purusha, kinh Phệ Đà (Védânta) gọi Chơn Ngã đặc biệt, Phật giáo gọi là Tâm Phật. Người ta còn gọi Chơn Thần bằng nhiều danh từ nữa là:

Nguơn Thần

Chơn Như

Tam giác nguyên thủy

Khán quan yên lặng

Cha ở trên trời.

Trong lúc Chơn Thần ở tại cõi đại niết bàn chờ cơ hội thuận tiện để phóng tia xuống cõi dưới, thì Ngôi thứ ba lại làm việc không ngừng để tạo ra những miếng đất lành cho những cây quí hậu lai. Một khi Ngôi thứ ba đã tạo ra 5 cõi thấp và Ngôi thứ nhì dệt xong những hình thể, thì Chơn Thần mới phân thân bằng cách phóng tia sáng để đi sâu vào biển vật chất, nhập vào 100 ngàn sắc tướng để tiến hoá. Những tia sáng thiêng liêng ấy chinh phục vật chất và kinh nghiệm tất cả rung động của 5 cõi dưới. Chúng nó dùng chất khí các cõi ấy, để làm những thể thích hợp. Còn các Chơn Thần luôn luôn ở trên cõi đại niết bàn, chúng nó an trú vĩnh viễn trong lòng đức «Từ Phụ». Mặc dầu, chúng nó có đủ đức tánh của Thượng Đế. Nhưng chỉ trong thời kỳ phôi thai thôi; chúng nó cần phải trải qua «khổ đau, thử thách, kinh nghiệm để trở nên toàn thiện như đức Từ Phụ.»

Kinh Corinthieu nói rằng: «Mỗi Chơn Thần phải đi sâu vào vật chất, đặng làm chủ vật chất. Lúc giáng lâm thì yếu, lúc trở về lại mạnh.»

Toàn tri, toàn lực tại cõi đại niết bàn, ở mấy cõi dưới Chơn Thần lại vô tri, vô giác. Bởi muốn được toàn tri, toàn lực ở khắp các cõi, Chơn Thần phải phân thân học hỏi, vừa có thể đáp ứng rung động của những cõi ấy. Chơn Thần khoác trên tia sáng trong sạch của mình những chiếc áo vật chất thô kịch. Một khi các tia sáng ấy đã hoàn toàn minh triết, nó sẽ nhập một với Chơn Thần viên mãn, thanh tịnh đời đời. Ấy là lúc con người đã đắc quả Toàn Giác.

Có hai hạng Chơn Thần:

A. Một hạng không chịu chế phục vật chất ở cõi thấp, cứ ở tại cõi đại niết bàn, cộng tác với đức Thượng Đế.

B. Một hạng tình nguyện xuống mấy cõi dưới để học hỏi và kinh nghiệm hầu chinh phục các giới vật chất, và trở nên những vị Thượng Đế mai sau.

Đây là con đường tiến hóa của Chơn Thần:

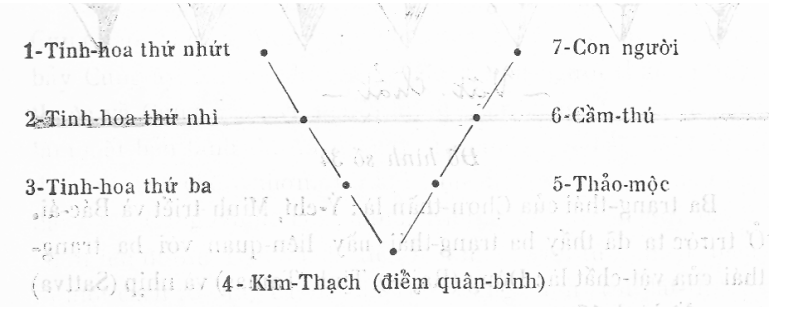

Chơn Thần nhập vật chất, nghĩa là khoác lấy chất khí các cõi mà nó đi qua. Tỷ như đi ngang cõi trí là cõi (thượng thiên) nó lấy chất thượng thanh khí làm ra thể trí (corps mental). Khi đi ngang cõi vía (là cõi trung giới) nó lấy chất thanh khí làm ra thể vía. Khi nó đi ngang qua cõi trần, nó lấy chất hồng trần làm ra thể phách và xác thịt. Khi Chơn Thần nhập vào kim thạch là nó xuống thấp nhất. Bấy giờ nó mới khởi trở lên, để về nguyên bổn.

CHƯƠNG 38

BẢY CUNG

Trên thái dương hệ có biết bao Chơn Thần, song chỉ có 7 hạng (hay 7 cung) khác nhau mà thôi; cũng như những chất kết thành vũ trụ có 7 loại (đồ hình số 34).

BẢY HẠNG CHƠN THẦN VÀ 7 VẬT CHẤT

Đồ hình số 34

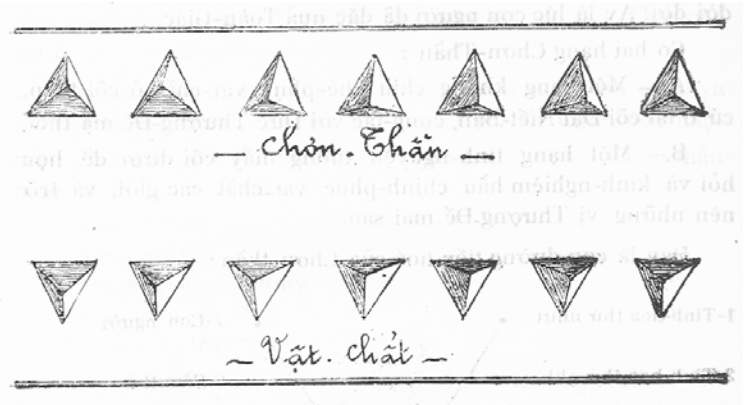

Ba trạng thái của Chơn Thần là: Ý chí, Minh triết và Bác ái. Ở trước ta đã thấy ba trạng thái nầy liên quan với ba trạng thái của vật chất là: Động (Rajas), Tịnh (Tamas) và Nhịp (Sattva) (xem đồ hình 17).

Chúng ta đã thấy: mỗi Chơn Thần thuộc về một cung, nhưng thật ra mỗi Chơn Thần đều có 7 tánh của 7 cung, song có 1 cung chói rạng hơn các cung khác. Không một Chơn Thần nào không liên kết với một trong bảy vị Huyền Thiên Thượng Đế (7 Logos Planétaires) là 7 đường kinh chuyển thần lực của đức Thái Dương Thượng Đế là «Cha Chung» vạn vật. Bởi vậy, mỗi vận động nhỏ nhứt của một Đấng ấy, đều có ảnh hưởng đến những Chơn Thần, vì chúng nó xuất phát từ tâm Ngài, tức là tia sáng của Ngọn Lửa thiêng. Do đó, mà các nhà chiêm tinh mới đoán được số mệnh.

Lại nữa, Chơn Thần nào do một đấng Huyền Thiên Thượng Đế sinh ra[9] thì luôn luôn trên đường tiến hóa rán thực hiện đặng nhiều đức tính của Đấng tạo hóa của mình hơn là các Đấng khác. Nhờ thế mới có sự phân biệt mỗi người thuộc mỗi cung khác nhau.

---

[9] Như đã nói ở trước: mỗi linh hồn tức là (Chơn Thần) đều do Đấng duy nhứt của thái dương hệ là Thái Dương Thượng Đế sanh ra. Đó là nguyên lý căn bản. Nhưng cũng có thêm rằng: dưới tay Ngài có 7 vị Huyền Thiên Thượng Đế hay Hành Tinh Thượng Đế phụ trách, có nhiệm vụ thay Ngài trong sự sanh hóa, bằng cách rút thần lực ở nguồn thần lực duy nhất của Ngài. Vậy chớ lấy làm lạ sao ở đây lại nói Chơn Thần nhờ một đức Huyền Thiên Thượng Đế sanh ra.

Thường thường mỗi Chơn Thần mãi ở tại cung của mình, cho tới khi mình đi mút đường tiến hóa, hiệp nhứt với đấng Huyền Thiên Thượng Đế đã sanh ra mình.

Tuy vậy, Chơn Thần cũng có thể thay đổi cung, nhờ sự trung gian của một trong bảy vị Huyền Thiên Thượng Đế.

Tất cả Chơn Thần đều thuộc về bảy cung. Bảy cung ấy là:

Cung thứ nhứt, thuộc cung chánh trị.

Cung thứ nhì, cung tôn giáo.

Cung thứ ba, cung thiên văn.

Cung thứ tư, cung mỹ thuật.

Cung thứ năm, cung khoa học.

Cung thứ sáu, cung tín ngưỡng.

Cung thứ bảy, cung khoa huyền thuật.

Mỗi cung chia làm 7 «chi». Không có cung nào cao hay thấp. Mỗi người chúng ta đều thuộc về một trong bảy cung ấy. Nhưng khó mà biết được một người thường thuộc về cung nào, vì người ấy chìm đắm trong vật chất mất đi bản tánh, và đã gây ra nhiều nghiệp báo làm mờ đi đặc tính của chơn nhơn. Có khi trọn một kiếp cũng chưa tìm ra cung chính của mình. Nhưng đối với người đã đi trên đường đạo và đã tiến hóa, lẽ tất nhiên biểu lộ một cách rõ ràng đặc tính của cung mình. Cái đặc tính ấy hướng dẫn hành động và dẫn dắt mình đến thọ giáo với một vị Chơn Sư thuộc về cung đó.

CHƯƠNG 39

ĐẶC TÍNH CỦA MỖI CUNG

Người thuộc về cung thứ nhứt sẽ thành công nhờ nghị lực mạnh mẽ của mình, không cần tìm hiểu phải dùng phương pháp nào.

Người thuộc về cung thứ nhì cũng dùng nghị lực, nhưng nhờ minh triết, nên biết trước rất rõ ràng những phương pháp tốt đẹp nhứt để thành công.

Người thuộc về cung thứ ba, thì dùng mãnh lực của cõi thượng giới và rán chọn lựa kỹ lưỡng ngày giờ tốt, nghĩa là để ý đến (khoa thiên văn) thuận tiện cho mục đích của mình.

Người thuộc về cung thứ tư, dùng mãnh lực của cõi hồng trần, tức là mãnh lực của tinh khí (éther).

Người thuộc về cung thứ năm, dùng mãnh lực của cõi trung giới, tức là ánh sáng gọi là thanh khí quang tuyến.

Người thuộc về cung thứ sáu, thì dùng mãnh lực của đức tin đối với Đấng thiêng liêng và lòng mộ đạo của mình để đoạt ý nguyện.

Người thuộc về cung thứ bảy, thì dùng những câu thần chú và nhờ sự giúp đỡ của các vị đạt đạo quả.

Nếu ta xem phương pháp chữa bệnh thì sẽ biết người thuộc về cung nào rất dễ.

Người thuộc về cung thứ nhứt thì rút sức mạnh của trời đất đặng trị bệnh.

Người thuộc về cung thứ nhì thì biết rõ căn bản của tật bệnh, và biết cách dùng ý chí để đoạt thành mục đích.

Người thuộc về cung thứ ba thì chọn lúc nào điển lực của hành tinh thuận lợi mới cho uống thuốc, hoặc làm thuốc.

Người thuộc về cung thứ tư lại dùng phương pháp ngoại khoa (thuộc về thể chất) để chữa bệnh như đấm, bóp, xoa, cạo gió v.v...

Người thuộc về cung thứ năm lại rất thích dùng thuốc.

Người thuộc về cung thứ sáu lại trị bệnh bằng đức tin.

Người thuộc về cung thứ bảy thì dùng thần chú và cách cầu nguyện Thánh Thần để nhờ giúp sức.

Người chữa bệnh có thể dùng một lượt hai ba phương pháp đã kể trên, nhưng người ấy tự thấy phương pháp nào công hiệu, hạp với cung của mình.

1 – Đặc tính của cung thứ nhứt: Ý Chí.

Đức Đế Quân Morya đứng đầu cung thứ nhứt. Tiền kiếp Ngài là một vị vua nước Rajputana (bắc Ấn Độ). Ngài có một bộ râu đen rẽ làm hai, tóc màu nâu, buông xuống hai bên

vai, đôi mắt đen và sắc sảo uy nghiêm. Ngài cao sáu thước (6 thước mộc). Ngài nói năng gọn gàng, nghiêm trang và vắn tắt, khiến ai ai cũng phải phục tùng và vâng lời tức khắc. Ngài là tượng trưng cho uy lực vô cùng mãnh liệt và sức mạnh tinh thần. Đức Morya sẽ kế vị đức Bàn Cổ Vaivasvata để làm đức Bàn Cổ cho giống dân chánh thứ sáu. Giống dân nầy sẽ sanh ra trong 700 năm nữa. Hiện giờ Ngài còn giữ xác phàm ở Tây Tạng.

Ngài tạo lập các quốc gia, đào tạo những bực hiền tài thánh đức, khuyến khích các nhà lãnh đạo lập nền cai trị minh chánh hợp với thời thế duy tân. Ngài hướng dẫn loài người. Trong bao nhiêu thế kỷ, Ngài nuôi dưỡng và bảo tồn giềng mối tinh thần của một giống dân chánh và đợi đúng thời kỳ, Ngài giúp vào sự tiến hóa của giống dân phụ.

Các vua chúa, thủ tướng, nhà ngoại giao, quân nhân đều thuộc về cung thứ nhứt.

2 – Đặc tánh của cung thứ nhì là: Bác Ái và Minh Triết.

Đức Đế Quân Koot-Hoomi (hay đức Kuthumi hay K.H.) chưởng quản cung thứ nhì. Tiền kiếp Ngài là đức Pythagore. Ngài đầu thai lần chót lấy xác người Bà-la-môn ở xứ Cachemire. Mặc dầu đã đắc quả vị Đế Quân (trên Chơn Tiên một bậc). Ngài vẫn giữ xác phàm tại cõi trần nơi triền núi

Himalaya.[10] Xác Ngài vẫn mãi không già, trông số tuổi Ngài độ 35 đến 40, mặt Ngài tươi sáng như phần đông người Anh Cát Lợi. Tướng mạo hiền từ, đạo hạnh. Đôi mắt Ngài màu xanh chứa chan tình bác ái và phúc lạc. Tóc râu Ngài đen lọt, óng ánh vàng dưới yến sáng mặt trời. Gương mặt Ngài khó tả ra cho đúng, vì sắc nét thay đổi liền liền, nhứt là lúc Ngài nở nụ cười. Sống mũi tuyệt đẹp như khắc, đôi mắt to, màu trong xanh lạ thường!

Trong nhiều tiền kiếp, khi thì là vị mục sư ở Ai Cập tên Sarthou, khi là vị đại mục sư tại đền thờ Agadé ở Tiểu Á Tế Á (Asie Mineure). Nơi đây, sau một cuộc binh đao, khói lửa, Ngài bị giết, nhưng Ngài lập tức nhập vào xác của người chài lưới Hy Lạp, đang trầm mình tự tử, rồi Ngài qua xứ Ba Tư giúp đỡ đức Zoroastre lập nên Hoả giáo. Kế đó Ngài là mục sư tại đền thờ Jupiter ở La Mã. Sau cùng, Ngài là vị đại đức Nagarjuna[11] bên Phật giáo.

Ngày sau, đức Kuthumi sẽ kế vị đức Di Lạc Bồ Tát, cầm cây Pháp lịnh chưởng quản và giáo hóa thế gian.

Ngài chăm nom nền đạo đức. Những người thuộc về cung Ngài đều là những vị có lòng bác ái, lo dìu dắt sinh linh

---

[10] Bà Blavatsky, vị sáng lập Hội Thông Thiên Học, đã đến tận triều núi ấy và đã gặp Ngài trong thể xác.

[11] Đức Long Thọ Bồ Tát.

trên đường đạo hạnh như các tu sĩ, hoà thượng, linh mục, các vị thánh triết, đạo sư, v.v...

3 – Đặc tính cung thứ ba là: Thích Nghi và khoa Thiên Văn.

Vị chưởng quản cung nầy là đức Đế Quân Vénitien. Ngài sanh tại thành Venise thuộc nước Ý (Italie). Có lẽ Ngài đẹp hơn hết trong Thiên Đoàn, mạnh dạn và to lớn. Ngài có hàm râu dợn sóng, mớ tóc phất phơ. Đôi mắt trong xanh, tuyệt đẹp.

Ngài coi về khoa thiên văn đẩu số, môn học nghiên cứu thời gian (năm, tháng, ngày, giờ) nào thuận tiện để rút thần lực thiêng liêng của vũ trụ, hầu giúp đỡ nhân loại hơn là tránh những điều khó khăn xảy đến.

Những người thuộc cung thứ ba có biệt tài thích hợp. Nhờ vậy mà họ hiểu người, mới có thể giúp người đắc lực. Châm ngôn của họ là: «mỗi người, mỗi chuyện», họ luôn luôn hành động khéo léo; họ có tài ngoại giao cùng thích ứng mau lẹ với mọi hoàn cảnh. Họ ưa học thiên văn, địa lý và bói toán.

4 – Đặc tánh cung thứ tư là: Điều Hòa và Thẩm Mỹ.

Vị chưởng quản cung thứ tư là đức Đế Quân Sérapis. Ngài sanh tại Hy Lạp tuy nhiên công nghiệp của Ngài đều ở Ai Cập. Ngài to người, tóc vàng lợt. Ngài như một thầy tu thiền tịnh. Tánh tình rất hiền lành và thanh nhã. Ngài hơi giống đức Hồng y Newman.

Buổi sơ khai của Hội Thông Thiên Học (MTTL) (Théosophie), chúng ta thường nghe nói đến Ngài, vì Ngài tạm giáo hóa ông Olcott[12] trong khi Sư Phụ của ông là đức Morya bận việc.

Các Đấng đạo trưởng tiền bối thường đổi học trò để dạy.

Người thuộc về cung nầy thích sự điều hòa và thẩm mỹ. Họ phải giữ hòa khí thuận tiện cho sự tiến hóa của mình. Đời họ thuộc mỹ thuật. Các tài tử, họa sĩ, nghệ nhân đều thuộc về cung thứ tư.

5 – Đặc tánh cung thứ năm là: Đúng Đắn của Khoa Học.

Vị chưởng quản cung nầy là đức Đế Quân Hilarion. Ngài là người Hy Lạp. Mũi hơi cong quấp, trán thấp và rộng. Ngài cũng rất xinh đẹp và xem dường như còn trẻ. Ngài mang đặc tính đúng đắn của khoa học. Ngài lảu thông khoa bí truyền. Thuở xưa Ngài là nhà hiền triết Jamblique của trường Tân Platon (École Néo-platonicienne), rất giỏi thi phú văn chương. Ngài đem thần lực giúp bà Mabel-Collins viết quyển «Ánh sáng trên Đường Đạo» (La Lumière sur le Sentier) và «Thiên tình thi của hoa sen trắng» (L'Idylle du Lotus Blanc). Theo bà Annie Besant thì lời văn Ngài rất thanh nhã và thi vị. Ngài giúp các vị bác học rất nhiều, Ngài cho họ cảm hứng khoa

---

[12] Ông Olcott là vị chánh hội trưởng đầu tiên của Hội Thông Thiên Học.

học thật đúng đắn, không sai một ly nào. Chẳng những đức Hilarion dùng khoa học mà thôi, Ngài còn dùng thần lực của vũ trụ ẩn tàng trong con người nữa. Ngài biết rằng: tình cảm và tư tưởng của con người đều có âm thinh rung động trong vũ trụ. Nếu một người vui vẻ và an lạc ở giữa đám đông, thì mọi người nơi đây sẽ được ảnh hưởng tốt, lại thêm được các thiên thần phò trợ thì niềm phúc lạc càng tăng.

Những người tiến hóa cung nầy có biệt tài quan sát mọi việc đúng đắn khác thường. Họ là những nhà bác học, những chuyên viên khoa học.

6 – Đặc tính cung thứ sáu là: Tín Ngưỡng và Tôn Thờ.

Vị chưởng quản cung thứ sáu là đức Jésus. Ngài sinh trưởng tại Palestine và đã lập nên Cơ Đốc giáo. Trước kia Ngài là Apollonius de Tyane, sau là Sri Râmanujacharya cải cách tôn giáo ở miền nam Ấn Độ.

Những người thuộc về cung thứ sáu, thích thờ phượng đầy lòng sùng kính mộ đạo. Nếu họ tiến hóa cao, thì họ là những nhà thần bí của tất cả tôn giáo.

7 – Đặc tánh cung thứ bảy là: Cúng Tế có Lễ Nghi và Phù Thủy.

Vị chưởng quản cung nầy là đức Đế Quân Comte de Saint Germain mà ta gọi là đức Thầy Rakoczi. Tiền kiếp của Ngài là vua chúa. Thế kỷ thứ 17, Ngài đầu thai lấy tên là Francis Bacon và Lord Vérulam. Thế kỷ thứ 16, Ngài là Thầy tu

Robertus; và thế kỷ thứ 15, Ngài là Hungadi. Ngài cũng là Christian Rosencreuz thế kỷ thứ 14. Thế kỷ thứ 13, Ngài là Roger Bacon, tức là Adepta Hongrois của khoa thần bí. Ngài cũng là nhà triết học Proclus của phái Tân Platon và Saint Alban (vị tuẫn giáo) ở nước Anh hồi thế kỷ thứ 4.

Đức Saint Germain có vẻ quí phái của một nhà vua vào thế kỷ thứ 18 và cốt cách của một viên võ tướng. Tướng mạo vương giả và hiền lành của Ngài thâu phục tất cả nhân tâm. Đôi mắt to lớn và nâu sậm của Ngài đầy vẻ từ bi, bác ái. Sắc mặt của Ngài trắng lợt, với mớ tóc màu sậm hớt ngắn, rẽ ngay giữa đầu và chải từ trán ra sau ót.

Ngài thường ngự trong một đền đài ở nước Hung Gia Lợi là gia sản của tổ phụ để lại, cách đây nhiều thế kỷ. Trong lúc hành lễ, Ngài thường mặc y phục nhiều màu sắc và mang nhiều nữ trang quí giá và rất đẹp. Ngài mặc một bộ đồ dệt bằng chỉ vàng, trước kia của hoàng đế La Mã. Trên choàng lại cài một chiếc kẹp nhận kim cương, hình ngôi sao 7 nhánh. Có khi Ngài mặc áo màu tím thật đẹp.

Công việc của đức Saint Germain là người Chủ Lễ giáo thần bí huyền môn,và vì Ngài chủ quản khoa huyền học. Ngài thường sai khiến các vị thiên thần, và những vị nầy vui lòng tận tụy thi hành mạng lịnh của Ngài. Ngài là Chúa tể của những nghi lễ cúng kiến. Ngài chăm lo văn học cho các nước Âu châu và chấn hưng nền khoa học siêu hình. Ngài cũng lo lắng về chính trị quốc tế và sự khai hóa các quốc gia trên thế giới.

***

Bởi mỗi người thuộc về mỗi cung, nên phải tìm xem mình hạp với cung nào rồi rán mở đức tánh cung ấy. Đây là những tư tưởng kiểu mẫu của mỗi cung do ông C. W. Leadbeater viết ra cho những người có chí nguyện trau mình để giúp đời.

Tư tưởng về:

1 – Cung thứ nhứt là: **Mãnh Lực**.

«Tôi sẽ mạnh mẽ, gan dạ và bền chí trong việc phụng sự.»

2 – Cung thứ nhì là: **Minh Triết.**

«Tôi sẽ đạt được minh triết bằng cách mở rộng lòng bác ái, từ bi.»

3 – Cung thứ ba là: **Thích Nghi hay Nhã Nhặn**.

«Tôi rán mở năng lực hành động và nói năng tùy lúc thích nghi và thuận tiện. Tôi rán đến với mọi người trên con đường riêng của họ, hầu giúp đỡ họ một cách đắc lực.»

4 – Cung thứ tư là: **Mỹ Lệ và Điều Hòa.**

«Tôi rán hết sức mình đem sự mỹ lệ và điều hòa để vào đời sống của tôi và người chung quanh tôi. Tôi tập quan sát sự mỹ lệ của vạn vật, hầu phụng sự đắc lực hơn.»

5 – Cung thứ năm là: **Khoa Học**.

«Tôi mở rộng sự hiểu biết của tôi và tập tánh đúng đắn, phân minh, để giúp đời.»

6 – Cung thứ sáu là: Lòng **Sùng Đạo**.

«Tôi mở mang lòng sùng đạo để dìu dắt người khác.»

7 – Cung thứ bảy: Sự **Cúng Tế** có **Nghi Lễ.**

«Tôi sẽ cúng tế theo nghi lễ Trời Đất, hầu cầu được ân lành của Trời Đất để hiến cho chúng sinh.»

Mỗi người nên mở đức tánh của cung mình trước, rồi sau sẽ lần lượt đến cung khác. Vì lẽ chúng ta cần phải rán sức điều hòa những đức tánh khác nhau.

Kinh Bhagavad Gîta dạy rằng: «Trung hòa tức là đạo.» Nhưng khi nào chúng ta trở nên bậc siêu nhân, thì cái đức tánh ấy mới toàn thiện toàn mỹ.

Những vị trong Thiên Đoàn đều nằm trong 7 Cung rất rõ ràng, và màu sắc hào quang các Ngài rất phân biệt. Đặc tính của các Ngài hướng dẫn công việc của các Ngài.

Vậy Thiên Đoàn là gì? – Là một hội đoàn gồm những Bậc giác ngộ đắc đạo để phụng sự đức Thái Dương Thượng Đế chăm lo thi hành Thiên ý. Ví như một «Bộ Tham Mưu» của Thượng Đế. Nhân viên của Bộ Tham Mưu thiêng liêng nầy gồm các Tiên Thánh, từ bậc Tu Đà Huờn (1 lần điểm đạo) sắp lên. Trong ấy có những vị đã bỏ xác phàm và còn giữ xác phàm

như những vị Đế Quân mà ta vừa kể trên.[13] Các Ngài thuộc khắp thế giới, chẳng phải riêng thuộc xứ Tây Tạng hay đỉnh núi Hy-Mã-Lạp-Sơn ở Ấn Độ như nhiều người lầm tưởng. Các Ngài nhờ những vị đệ tử giao thông với cõi trần.

Đây là bản đồ để chỉ ngôi thứ của các Đấng Thiêng Liêng trong Thiên Đoàn.

Điểm Đạo	**Thiên Đoàn**		
9 lần	Ngọc Đế		
8 –	Độc Giác Phật	Phật	
7 –	Bàn	Bồ	Văn Minh Đại Đế

[13] Ông C. W. Leadbeater, trong quyển «Les Maîtres et le Sentier» có nói về các vị Đế Quân còn giữ xác phàm mà chúng tôi đã phỏng dịch một đoạn trên đây (lời tác giả).

	Cổ	Tát					
6 –	Đế Quân	Đế Quân	Đế Quân	Đế Quân	Đế Quân	Đế Quân	Đế Quân
5 –	Chơn Tiên	Chơn T	Chơn T	Chơn T	Chơn T	Chơn T	Chơn T
4 –	Cung 1	Cung 2	Cung 3	Cung 4	Cung 5	Cung 6	Cung 7
3 –	〃	〃	〃	〃	〃	〃	〃
2 –	〃	〃	〃	〃	〃	〃	〃
1 –	〃	〃	〃	〃	〃	〃	〃

ĐÂY LÀ NHỮNG THỨ NGỌC THẠCH HẠP VỚI MỖI CUNG:

Cung	Các thứ ngọc thạch
1	Diamant Kim cương
2	Saphir Ngọc xanh hay lam ngọc
3	Emeraude Ngọc bích (màu lục tươi)
4	Jaspe Vân thạch
5	Topaze Hoàng ngọc (màu vàng)
6	Rubis Hồng ngọc (màu đỏ chói)
7	Améthyste Tử thạch anh (màu tía)

ĐÂY LÀ BẢN ĐỒ CỦA 7 CUNG

7 Cung	Đấng Đế Quân cai quản mỗi Cung	Đức tánh mỗi Cung	Lời phụ
1	Đức Morya	Mãnh lực	Đức Jupiter cũng thuộc về cung thứ nhứt. Chính Ngài che chở cho xứ Ấn Độ.
2	Đức Kuthumi tiền kiếp là Pythagore (thế kỷ thứ 6 trước Chúa Giáng Sinh).	Minh triết	Cung nầy đem lại cho đời nhiều vị giáo chủ.
3	Đức Vénitien	Thích nghi và nhã nhặn	Cung nầy thiên về khoa thiên văn.
4	Đức Sérapis	Mỹ lệ và điều hòa	Cung nầy của các nhà mỹ thuật.
5	Đức Hilarion, tiền kiếp là Jamblique (thế kỷ thứ tư	Khoa học	

	trước Chúa Giáng Sinh).		
6	Đức Jésus tiền kiếp là Apollonius de Tyane thế kỷ thứ I và cũng là Sri Râmanujacharya thế kỷ thứ 11).	Sùng tín	Cung của thầy tu. Huyền bí.
7	Đức Rakoczi, tiền kiếp là Comte de St. Germain thế kỷ thứ 18. Cũng là Francis Bacon thế kỷ thứ 17. Thầy tu Robertus thế kỷ thứ 16. Hunyadi Janos, thế kỷ thứ 15. Christian Rosenkreuz thế kỷ thứ 14. Roger Bacon thế kỷ thứ 13. Proclus thế kỷ thứ 5 và Saint Alban thế kỷ thứ 3.	Huyền thuật phù thủy	Cung của những người học huyền thuật và phù thủy, có những vị thiên thần theo phụng sự.

BẢY CUNG

Cung	Các Ngôi	Đặc Tính	Kiểu Mẫu	Lý tưởng	Sở Đắc
1	Ngôi thứ Nhứt	-Uy quyền -Ý chí -Can đảm -Hướng đạo -Đởm lược -Chỉ huy -Tự Trị -Sức mạnh	-Quân nhân -Vương tướng -Nhà Khai-phá -Nhà Thám hiểm -Nhà Lãnh Đạo -Nhà Tham hiếu -Chánh khách -Nhà Cầm quyền	-Uy lực -Chiến đấu	-Toàn năng -Toàn tài -Toàn lực
2	Ngôi thứ Nhì	-Minh triết -Bác ái -Trực giác -Vị tha -Phước thiện -Thông cảm -Thiện cảm về tinh thần -Họp tác	-Hiền Triết -Giáo Chủ -Giáo Sư -Đốc Học -Nhà cải lương Tôn giáo -Nhà phước thiện	-Cứu vớt -Giáo hóa -Dạy dỗ -Khai minh -Chia sớt -Phụng sự -Chữa bịnh	-Toàn giác -Toàn tri -Toàn thông
3	Ngôi thứ Ba	-Phát minh Quan niệm -Hiểu biết sâu rộng -Khôn khéo -Thích nghi -Nhã nhặn -Quyền biến -Oai nghiêm -Không tư vị	-Triết lý gia -Học giả -Sứ giả -Nhà ngoại giao -Nhà tổ chức -Nhà chiêm tinh -Chủ nhà băng -Nhà kinh tế -Quan tòa	-Dụng nhân lực tạo thời thế	-Toàn thông -Thiên văn -Đại lý và nhân sự

Cung	Các Ngôi	Đặc Tính	Kiểu Mẫu	Lý tưởng	Sở Đắc
4	Ngôi thứ Tư	-An định -Điều hòa -Phân minh -Mỹ lệ -Tiết điệu -Nhịp nhàng	-Nhà mỹ thuật -Nhà trọng tài -Nhà thông ngôn (interprète)	-Trau giồi và tô điểm cho được mỹ-lệ	-Điều hòa -Công bình -Họa thuật -Thấu đáo ý nghĩa -Mỹ lệ
5	Ngôi thứ Năm	-Trí phân tích và hợp lý -Đúng đắn -Nhẫn nại	-Nhà số học -Nhà khoa học -Trạng sư -Luyện đơn thuật sư (alchimiste)	-Phát minh tìm hiểu	-Hiểu biết
6	Ngôi thứ Sáu	-Nhiệt tâm -Hăng hái -Sùng đạo -Hy sinh với Tình Thương -Chân Thành -Trung trực	-Thánh nhân -Nhà thần bí -Nhà tử tiết vì đạo -Bạn trung thành -Nhà thuyết giáo -Nhà phụng sự	-Phụng sự -Kính yêu -Tôn sùng	-Hy sinh
7	Ngôi thứ Bảy	-Dịu dàng -Duyên dáng -Đúng đắn -Hành vi mỹ lệ và trật tự -Anh hùng -Khéo léo -Phẩm cách -Quí phái -Để ý từ chi tiết -Trật tự trong cử chỉ -Lộng lẫy	-Mục sư -Nghi lễ viên -Nghi thức viên -Nhà thuật sĩ -Tôn Sư lộng lẫy -Hiệp sĩ đạo -Nhà chánh trị (Politicien) -Nhà sản xuất	-Ăn mặc lộng lẫy -Tổng hợp -Biểu lộ	-Sự lộng lẫy có trật-tự

Cung	Các Ngôi	Phương Châm	Sở Đoản	Tối kỵ	Nhân vật
1	Ngôi thứ Nhứt	-Đè bẹp -Tiêu diệt -Chiến thắng -Độc tài	-Hành khổ -Áp chế -Kiêu mạn -Tự tôn -Độc tài -Chuyên chế -Ích kỷ -Dị kỳ	-Thất bại -Thoái bộ -Truất vị -Lưu đày -Bị hạ phẩm	-Nã-phá-luân -Hitler -César -Đại tá Henry Olcott
2	Ngôi thứ Nhì	-Tự giác -Thương thuyết -Bất đề kháng -Bất bạo hành	-Đa sầu -Đa cảm -Đa tình -Mơ mộng -Hy sinh -Mù quáng -Ảo huyền -Củng cố tinh thần và bỏ vật chất	-Thất tình -Cô độc -Cô lập -Bị gạt gẫm -Phản bội -Bất chánh	-Đức Thích-Ca -Đức Di-Lạc -Đức Jésus - Ông C. Jinarajadasa
3	Ngôi thứ Ba	-Hiểu đúng -Làm đúng -Dĩ nhu thắng cương -Dĩ nhược thắng cường	-Do dự -Trí trá -Lảnh đạm -Xảo quyệt -Độc ác	-Cơ mưu bại lộ -Mất phẩm cách -Vụng về	-Tô Tần -Trương Nghi -Hàn Tín -Khổng Minh - Robespierre
4	Ngôi thứ Tư	-Làm ra thảm kịch -Dùng sắc để thắng đạt	-Thay đổi -Lúc hăng hái, lúc ngã lòng. -Tự châm chế cho mình.	-Lường gạt -Phát biểu vụng về	-Raphael -Michel Auge -Leonard de Vincini

C	Các	Phương Châm	Sở Đoản	Tối kỵ	Nhân

ung	Ngôi				vật
5	Ngôi thứ Năm	-Suy gẫm -Tìm hiểu -Nghiên cứu -Quan sát -Nhẫn nại	-Duy vật -Phách lối -Chỉ trích -Tọc mạch -Chia rẽ -Cho sắc tướng là trọng -Bỏ những tinh thần	-Chê bai -Thua trí -Bị lộ tẩy sự đoán nhầm của mình	Einstein
6	Ngôi thứ Sáu	-Dùng sức mạnh tinh thần	-Đa sầu -Đa cảm -Xung động nhất thời -Không khoan dung -Mê tín -Tôn sùng cá nhân một cách mê tín.	-Bị người thương yêu và tin cậy phản bội -Bị hiểu lầm -Bị kết án lầm -Buồn bực	Sainte Thérèse
7	Ngôi thứ Bảy	-Tổng hợp trong trật tự	-Nghi thức -Ưa oai quyền và chức tước -Xem người như đồ vật. -Lạm dụng quan quyền. -Kỳ hoặc -Chuyên chế -Hành lễ trong từ chi tiết.	-Bị đè bẹp -Mất uy lực trước thế gian -Bị lường gạt -Bị kẻ dưới tay chỉ trích -Thiếu lễ độ -Cộc cằn	Comte de Saint Germain

Cung	Các Ngôi	Nghệ Thuật	Hành Tinh	Màu Sắc	Tôn Giáo
1	Ngôi thứ Nhứt	-Khiêu vũ	-Uranus (Thiên vương tinh)	-Đỏ son (vermillon) -Trắng đỏ	Bà-La-Môn
2	Ngôi thứ Nhì	-Âm nhạc	-Mercure (Thủy tinh) -Neptune (Thủy vương tinh)	-Vàng tươi (jaune d'or) -Xanh da trời (bleu d'azur)	Phật giáo
3	Ngôi thứ Ba	-Văn chương -Thi thơ	-Venus (Kim tinh)	-Màu lục tươi (émeraude)	Chaldéen
4	Ngôi thứ Tư	-Kịch trường	-Jupiter (Mộc tinh)	-Màu hung hung (faune) -Nâu (de brouze)	Cổ Ai Cập và Hy Lạp
5	Ngôi thứ Năm	-Hội hoạ	-Saturne (Thổ tinh)	-Màu vỏ chanh vàng (citron jaune)	Hỏa giáo
6	Ngôi thứ Sáu	-Kiến trúc	-Mars (Hỏa tinh)	-Màu đỏ chói (rose defeu)	Thiên Chúa giáo
7	Ngôi thứ Bảy	-Điêu khắc	-Thái Âm	-Màu tím (violet)	Franc-Maçonnerie

Cung	Các Ngôi	Chơn Sư	Ngọc Thạch	Tiêu Ngữ	Biểu Tượng
1	Ngôi thứ Nhứt	Đức Morya	Kim cương (diamant)	-Không tôn giáo nào qua sức mạnh	⊙
2	Ngôi thứ Nhì	Đức Kuthumi	Ngọc xanh hay lam xanh (Saphir)	-Không tôn giáo nào qua bác ái	†
3	Ngôi thứ Ba	Đức Vénitien	Ngọc bích (lục tươi) (Emeraude)	-Không tôn giáo nào qua chân lý	△
4	Ngôi thứ Tư	Đức Sérapis	Vân thạch (Jaspe)	-Không tôn giáo nào qua mỹ lệ	××
5	Ngôi thứ Năm	Đức Hilarion	Hoàng ngọc (Topaze)	-Không tôn giáo nào qua hiểu biết	✡
6	Ngôi thứ Sáu	Đức Jésus	Hồng ngọc (màu đỏ chói) (Rubis)	-Không tôn giáo nào qua phụng sự	
7	Ngôi thứ Bảy	Đức Rakoczy	Tử thạch anh (màu tím) (Améthyste)	-Không tôn giáo nào qua hành vi trật tự	

CHƯƠNG 40

NHỮNG LOÀI KHÁC TRONG VŨ TRỤ

Tinh linh hay Ngũ hành (Esprit de la Nature)

Những tinh linh có đường tiến hóa khác xa với đường tiến hóa của nhân loại.[14] Chúng nó cũng do đức Thượng Đế sanh ra, chúng nó cũng sanh, tử, mặc dầu chúng nó chẳng có xác phàm, vì chúng nó chẳng hề đầu thai vào hàng nhân loại. Đến ngày cuối cùng, các tinh linh cũng sẽ trở về hiệp nhứt với đấng «Từ Phụ» như chúng ra vậy. Trông vào đồ hình số 35, ta thấy sự sống tiến triển trên thang tiến hóa, trải qua các hình dạng bằng chất đặc, lỏng, hơi, tinh khí (matière éthérique), thanh khí (matière astrale) và thượng thanh khí (matière mentale). Trong đồ hình, ta thấy có 6 đường tiến hóa khác nhau; nhưng chỉ có một đường tiến hóa của nhân loại (đường thứ 6), còn 5 đường kia (đường thứ 1, 2, 3, 4, 5), của hàng Thiên

---

[14] Đường tiến hóa nhân loại: đi từ ba loài tinh hoa của ba cõi: thượng thiên, hạ thiên và trung giới đến loài kim thạch tại hạ giới; rồi trở lên làm cây, cỏ, thú cầm, mới đến loài người. Loài người bước từ bước một trên nấc thang tiến hóa, và lần lần đi đến địa vị Thánh, Tiên, Phật... vinh diệu phi thường.

Thần (Dévas). Song tất cả 6 đường đều qui về Tiên Thánh, hoặc Thiên Thần ở cõi vô sắc giới.

Tiên Thánh và Thiên Thần đều nhập vào hàng Đại Thiên Thần (Dhyan Chohans). Loài tinh linh tiến hóa khác với chúng ta rất nhiều. Chúng ta có liên lạc với các loài ấy, vì chúng ta tạm thời ở chung với họ trong một bầu hành tinh, tinh linh như láng giềng tạm của chúng ta.

Loài tinh linh có thể gọi là loài tinh hoa cũng được, chúng nó ví như loại cầm thú trên đường tiến hóa của nhân loại.

Ta nên nhớ rằng: nhân loại chỉ chiếm một phần nhỏ của địa cầu, những loài tinh linh thì đông hơn vô số: họ ở trên mặt và dưới đất, trên sông, đồng ruộng, trong không khí, đá, lửa, trùng trùng, điệp điệp. Bởi thế chúng nó làm bằng chất thanh khí, xuyên qua tất cả các chất hồng trần, nước, lửa, sắt, đá, đất, v.v… không gì làm trở ngại sự lưu thông của chúng được. Trong hình vẽ số 35, ta thấy có nhiều thứ tinh linh như: hỏa tinh, thủy tinh, vân tinh, thiên tinh, v.v... Các tinh linh cao ta gọi là các vị Thần. Tinh linh có vài đặc tính giống như đặc tính của các loài tinh hoa chất, nhưng phần đông tiến hóa cao hơn. Chúng nó chia làm 7 hạng chánh ở trong 7 chất hồng trần. Ấy là:

1) Hai hạng tinh linh của đất hay là thổ tinh hoặc thổ thần (Hình số 36 và 37).

2) Hai hạng tinh linh của nước hay thủy tinh (Hình số 38). Tinh linh tiến hóa gọi là thủy thần. Ông G. Hodson, có nhãn quang, thấy một vị thủy thần miền nam hải.

Vị thủy thần nầy ngự trị trọn vùng nam hải từ bờ biển Java đến Úc châu.

Ngài rút thần lực từ trên không trung vào mình rồi ban rải khắp nơi trên mặt biển, để ban rải lực cấu tạo cho mọi hình thức sinh hoạt dưới nước như cá, ốc, sò, hến và các thứ cây mọc dưới biển. Lực cũng kích động tâm thức của mỗi nguyên tử, tế bào các sinh vật li ti, nhỏ bé treo bám lơ lửng trong dòng nước mặn.

Vị thủy thần nầy hoạt động dưới sự chỉ huy của một vị Thần lớn hơn, cai quản tất cả mặt biển Thái Bình Dương. Ở trên còn một vị lớn hơn nữa, tức là Thủy Long Vương chỉ huy tất cả bốn biển đại dương trên địa cầu.

3) Một hạng tinh linh của không khí hay là vân tinh hoặc thiên tinh (hình số 39).

4) Hai hạng tinh linh của lửa hay hỏa tinh (đồ hình số 40).

Mấy hạng tinh linh nầy là những sinh vật thanh khí (entités astrales).

Một đôi khi người ta miêu tả loài tinh linh trong hang đá, nhứt là ở thời kỳ thượng cổ. Thể chất chúng nó là thanh khí, mắt phàm thấy không đặng, trừ hai trường hợp: Một là: Khi chúng nó hiện hình bằng cách rút chất khí hồng trần; hai là: khi người xem chúng nó có đôi chút uy lực thần bí thấy đặng chất thanh khí. Vả lại loài tinh linh hiện hình rất dễ, vì lẽ chúng nó ở cận tầm con mắt con người. Bởi vậy, người ta thường thấy chúng nó. Tinh linh ở hang đá tiến hóa cao, coi sóc một dãy núi, người ta gọi là sơn thần.

Tinh linh có nhiều hình dạng khác nhau thường hay lấy hình người, nhưng cơ thể nhỏ hơn. Chúng nó cũng như tất cả nhân vật và sinh vật ở cõi trung giới, có thể biến hình theo ý muốn. Mỗi hạng tinh linh đều đặt dưới quyền cai quản một vị Đại Thiên Thần mà người Ấn Độ gọi là: Indra, Agni, Pavana, Vanura, hay Kisshiti, như ta đã nói ở trên, loài tinh linh không tiến hóa theo đường của nhân loại, nghĩa là: không đầu thai làm cây cỏ, thú cầm, v.v… Tuy nhiên, cũng có nhiều trường hợp bất thường: một vài thứ nhập vào thảo mộc và thú cầm, trước khi tách qua đường khác. Tỷ như dưới biển, có loài tinh linh vừa thoát kiếp kim thạch, lại nhập vào hải thảo (algues) rồi sang qua san hô, bông đá và đầu túc loại (cépholopodes) mới đến loài cá lớn, để tẽ qua đường tiến hóa của thủy tinh (Đồ hình số 35). Có loài tinh linh của đất tức là thổ tinh, trước cũng đầu thai trong thảo mộc (nấm nhỏ) đến vi trùng, các loại sâu bọ, loài bò sát thứ nhỏ, rồi mới đến chim chóc xinh đẹp để tẽ qua đường tiến hóa của tiên nữ vui tươi (Hình số 41). Có loài tinh linh, cơ thể làm bằng chất tinh khí (gọi là tiểu sanh vật tinh khí) trước cũng đầu thai làm mễ cốc (loài thảo mộc), ong, kiến (loài thú vật) rồi mới tẽ qua đường tiến hóa của tiểu sanh vật tinh khí sống trên mặt đất. Chúng nó giống hình chim sâu, bay liệng trên bông hoa, cây cỏ (Hình số 42) để giúp cho loài thảo mộc nầy sanh sản và tiến hóa. Những tiểu sinh vật ngộ nghĩnh nầy không bao giờ đầu thai làm người. Về sau chúng nó lần lần tiến hóa mới lấy hình các tiên nữ xinh tươi, rồi mới chuyển di làm thiên tinh, nghĩa là cơ thể của chúng nó không làm bằng chất tinh khí nữa (matière éthérique), mà lại làm bằng chất thanh khí (matière astrale). Từ đây thiên tinh sẽ lần bước lên nấc thang thiên thần.

Ở đây nên phân biệt hai loài tinh linh lo giúp thảo mộc:

1 – Một loài là tiểu sinh vật tinh khí giống loài ong hay chim sâu như ta đã biết qua. Chúng nó có nhiều thứ khác nhau, chập chờn (agiter) trên những bông hoa đẹp.

2 – Một loài là những bóng hình tư tưởng của các thiên thần có bổn phận săn sóc thảo mộc. Mặc dầu loài tinh linh bằng tư tưởng nầy xinh đẹp, nhưng không thể gọi là sinh vật, vì chúng nó không phải là vật sống. Chúng nó hoạt động một thời gian, rồi tan rã trong không khí, không đầu thai.

Mỗi khi sự sống đi từ loại nầy sang loại khác, như lúc cây cỏ thành thú vật, thú vật thành loài người, v.v... thì ta thấy nhiều loài nhảy cấp, như học trò giỏi nhảy lớp vậy. Sự sống trong cây cỏ đầu thai làm thú vật, bắt đầu loài nhỏ đến loài to, nhưng không phải thế: Chơn Thần (tức là sự sống) ở trong loài cây to không bao giờ đầu thai làm thú vật nhỏ, mà làm thú vật nhà hoặc loại bò sát lớn. Cũng như Chơn Thần của cây da hoặc cây bồ đề không bao giờ đầu thai làm ruồi, muỗi hoặc chuột cùng các loài thú rừng nhỏ khác. Chính những hoa cúc và hoa bồ công anh (Pissenlit) sẽ thành mấy loài ấy? Những tiểu sinh vật như loại bò sát nhỏ, sâu bọ, không bao giờ bước sang qua loài người liền. Còn thú vật nhà mà tiến hóa cao, được thoát kiếp thú đầu thai làm người lần thứ nhứt, thì không cần phải bị bắt buộc lấy xác người dã man. Tuy lược đồ tiến hóa số 35 đã chỉ, nhưng sự tiến hóa chia ra biết bao nhiêu đường phụ thuộc, chẳng bao giờ tả hết. Song ta đã thấy tất cả đường tiến hóa đều gom về một mối, để đi đến bậc Đại Thiên Thần (Dhyan Chohan).

Tiên Thánh có trước mặt 7 đường tiến hóa, nhưng một trong 7 đường là con đường Đại Thiên Thần.[15] Tất cả 7 con đường ấy đều qui về đức Thượng Đế.

---

[15] Bảy đường tiến hóa của Chơn Tiên:

1 – Đường thứ nhứt: Các Ngài nhập vào cõi niết bàn hầu có thể trở nên, trong một bầu thế giới vị lai, một sự hóa thân của đức Thượng Đế. Tiếng Phạn gọi các Ngài là Dharmakayas.

2 – Đường thứ nhì: Các Ngài nhập vào cõi niết bàn đặng tiến hóa thêm nữa. Tiếng Phạn gọi các Ngài Sambhagakàyas.

3 – Đường thứ ba: Các Ngài không chịu nhập vào cõi niết bàn, vẫn ở cõi thấp, không giữ chức trên Thiên Đình, các Ngài lấy xác phàm, chỉ ban rải thần lực cho nhân loại. Tiếng Phạn gọi các Ngài là: Nirmanakàyas.

4 – Đường thứ tư: Các Ngài giữ xác phàm, ở cõi trần, giúp nhân loại và lãnh chức trong Thiên Đoàn.

5 – Đường thứ năm: Các Ngài hiệp sức với Thiên Thần lo tạo dãy hành tinh mới, khi một dãy hành tinh kia sắp bị tan rã.

Tinh linh mà thành được thiên thần là khi nào nó tiếp đặng luồng sóng sanh hoạt thứ ba của Ngôi thứ nhứt; cũng giống như thú vật muốn thành người thì cũng phải tiếp luồng sóng ấy mới có thể làm một cá nhân riêng biệt (xem đồ hình «Ba luồng sóng sinh hoạt» số 24).

Thú vật muốn thành người phải ở gần người; còn tinh linh, muốn thành thiên thần, cũng phải phụng sự thiên thần để biết nhiệm vụ các Ngài.

Tinh linh tiến hóa cao nhứt không hơn con người sống trong thể phách, hoặc vía, mặc dầu có khi nó hơn bậc thường nhân nhiều điểm, vì lẽ tinh linh chưa phải là một Chơn Thần riêng biệt; (nó ở vào trạng thái giống như trạng thái của thú vật trong hồn khóm). Nó cần phải tiếp luồng sóng sanh hoạt thứ ba, như đã nói ở trên, mới thoát ra khỏi khóm thành Chơn Thần riêng biệt. Vậy tinh linh có thể hơn một con thú sống trong thể phách hay vía mà thôi. Có thứ tinh linh chưa tiến hóa, trí khôn của chúng nó chỉ bằng trí khôn của chim sâu hoặc ong, bướm, mà chúng nó thường lấy hình giống hệt. Một vài loài tinh linh hình trạng mờ mờ dị kỳ giống như một quái vật, miệng há to, đỏ ối, trông rợn người! Chúng nó bám quanh các hàng thịt, nhứt là chỗ nào có mùi máu, thịt, vì chúng chỉ sống nhờ hưởng hơi hám những vật ghê tởm ấy. Trên những dĩa cá,

---

6 – Đường thứ sáu: Các Ngài nhập vào đường tiến hóa của các vị Đại Thiên Thần.

7 – Đường thứ bảy: Các Ngài phụng sự đức Thái Dương Thượng Đế, đem chỉ dụ đức Chí Tôn khắp mười dãy hành tinh.

tô thịt chúng bay liệng chập chờn không ngớt, như bầy ruồi xanh trên thây chết! Ông C. W. Leadbeater có huệ nhãn thấy chúng nó, mà Ngài gọi là bầy quỉ trùng. Ngài có tả chúng nó trong «Le côté caché des choses» (quyển I, trang 84).

Trong quyển II, trang 12, Ngài còn nói: «Tập quán ăn thịt cá thu hút một số tinh trùng ghê tởm, miệng đỏ loét, hả rộng, như để hút máu. Thật là một cảnh tượng não lòng, đau thương cho ai có thần nhãn trông vào một phụ nữ xinh tươi, diễm lệ (mà ta cho là tử tế và đức hạnh) đi vào một lò thịt để chọn lựa, rờ rẫm, vuốt ve những thây ma nhuộm đầy máu đỏ! Chúng nó là nạn nhân của con người vì vô minh, miếng ăn, trở thành hung bạo, đang tâm hành quyết các chơn linh ẩn trú trong hình hài thú vật!

Người phụ nữ kiều diễm nầy vô tình không biết mình đang bị bao vây bởi vô số tinh linh, hình thù quái dị, và ghê gớm! Chúng nó bay liệng xung quanh nàng dường như những con lằn xanh đậu trên miếng thịt ôi! Nàng có ngờ đâu: Một ngày kia, những ai đã nhúng tay vào sự sát hại các linh hồn thú vật ấy sẽ đứng trước mặt đấng Chí Tôn muôn đời, và sẽ kinh khủng nghe lời sấm của Ngài: «Các ngươi đã làm hại một đứa con Ta, quả thật các ngươi làm hại Ta vậy!»

Những tinh linh nầy cũng ưa đến những quán rượu, và tẩm mình trong hào quang (aura) của kẻ say rượu, hoặc hung tợn, dâm ô, tục tằn, giận dữ, ganh tị, v.v... Chúng nhảy múa, vui mừng, thỏa thích trong phách, và vía của những người bạc phước nầy! Nếu ai có nhãn quang trông vào cảnh tượng ấy sẽ dễ sợ biết bao! Người vô tình không biết mình đã bị bọn quỉ trùng phủ vây tứ phía, và chúng đang rán sức kích động dục vọng thấp hèn của nạn nhân, để được một cơn thỏa thích.

Nhìn bọn quỉ trùng nầy, chúng ta khó mà tưởng tượng chúng nó cũng cùng một loài với những tinh linh đẹp đẽ, thanh nhã mà ta sẽ nói đến: ấy là các vị tiên nữ (les fées).

Tiên nữ là những tinh linh thường ở trên mặt đất, mặc dầu có thể tự ý đi ngang qua ruột trái đất đặng, vì cơ thể làm bằng chất tinh khí (matière éthérique) – chất dễ nắn. Tiên nữ có thể dùng tư tưởng thay hình, đổi dạng rất dễ dàng. Hình thể tiên nữ giống hình thể con người, nhưng nhỏ hơn và thật xinh đẹp, hoặc có khi to thái quá. Tiên nữ lấy màu sắc và hình thể tùy theo đặc tính riêng; cũng như khi ta trông vào lông cánh, hình vóc và màu sắc của chim, ta biết nó thuộc loài nào.

Tiên nữ có biết bao nhiêu hạng, (Hình số 43) từ bực thấp tới bực cao giống như loài người và tùy theo tánh nết và trí hóa mà sống chung với nhau, như một dân tộc của một nước. Tiên nữ cũng như các loài tinh linh khác đều có sanh và tử. Có hạng sống lâu hơn loài người, có hạng sống chừng vài ba chục năm. Sự luân hồi của tinh linh không giống với sự luân hồi của loài người. Một tinh linh sanh ra với cơ thể hoàn toàn mở mang, y như loại côn trùng; dù đời của nó vắn hay dài, nó cũng không lộ vẻ gì mệt nhọc. Và khi gần chết, nó cũng chẳng hề già. Nhưng đến giờ phút cuối cùng, thì thần lực của nó dường như rút lần ra khỏi cơ thể, xác nó càng thêm trong trẻo, phai mờ trong chất thanh khí của cõi trung giới. Chừng ấy, nó sống chung với loài tinh linh thanh khí một ít lâu, rồi nhập vô hồn khóm, nếu nó chưa đủ điều kiện để thành một cá nhân riêng biệt. Ở với hồn khóm một thời gian, tinh linh lại muốn đầu thai. Chừng ấy ý muốn đầu thai của nó kích thích tinh chất (matière éthérique) và thanh chất (matière astrale) để làm ra cơ thể.

Ta đã thấy, sự sanh và sự tử của tinh linh thật hết sức giản dị và không hề đau đớn. Loài tinh linh không có nam nữ,

chúng không bịnh hoạn, không chiến đấu để mưu cầu sự sống, cho nên chúng nó thoát đặng đau khổ của người đời. Một hai khi, chúng nó cũng giận hờn, ghen ghét, nhưng chỉ trong chốc lát mà thôi. Chúng rất vui mừng thấy ánh sáng mặt trời, và ưa nhảy múa dưới trăng thanh (xem hình thần vui số 41). Chúng rất sung sướng khi giọt mưa thấm nhuần cây cỏ, sau cơn nắng gắt. Chúng cũng sung sướng, khi tuyết lả tả rơi và ưa ngã mình trên làn gió nhẹ thổi hiu hiu. Loài tinh linh thích xem hoa nở, ngắm cây lên và ưa nhìn cầm thú nô đùa. Nhân đó mà chúng có thiên trách điểm tô màu sắc và các loài giống thảo mộc, và thú cầm như thần cỏ (Hình số 42), thần hoa (Hình số 44).

Mặc dầu loài tinh linh không ăn uống, nhưng chúng nó cũng ưa hưởng mùi hoa thơm và hít tinh khí vào mình như người ăn vật thực vậy. Mùi hương thấm từ nguyên tử của cơ thể chúng, chẳng phải chỉ kích thích khứu giác mà thôi. Không có vật gì làm cho thân thể chúng bị thương tích, và nóng, lạnh không làm cho chúng nó đau khổ được. Có loài hỏa tinh còn ưa thích ngọn lửa là khác, chúng nó nhảy múa sung sướng trong lửa như con người tắm ở hồ tắm. (Hình số 40). Phần đông tinh linh không ưa con người, và tìm cách trốn tránh luôn, vì con người thường phóng trên không những luồng sóng nhục dục xấu xa luôn làm kích động chúng nó. Con người đối với chúng nó là một vị quỉ vương phá hại; bởi con người đi tới đâu là giết hại, chặt phá, gieo sự đau khổ đến đó. Họ đốn cây, ngắt hoa, vò nát, bắt thú cầm, banh da xẻ thịt để ăn, hủy hoại thiên nhiên để xây dựng những xưởng máy chạy rầm rầm ngày đêm không ngớt, cùng những nhà máy nhả khói mịt trời, làm ô nhiễm không khí. Vật gì mà loài tinh linh quí trọng, nâng niu, đều bị con người giày đạp, thảo nào chúng không ghê sợ, lánh xa. Như vậy chẳng phải nói loài tinh linh tiến hóa hơn loài người;

chúng chỉ như các trẻ con sung sướng, giản dị, vui vẻ và ngây thơ. Có khi chúng nó còn ít khôn ngoan hơn thú vật nhà của ta nữa; nhưng chúng có nhiều đức tánh thanh cao, mà người phàm chưa có. Nhờ năng lực quyến rủ, loài tinh linh thực hiện nhiều trò chơi tinh quái đối với con người rất dễ dàng. Nạn nhân chỉ thấy và nghe những điều chúng nó muốn, cũng như người bị thôi miên, chỉ cảm, thấy và nghe những điều ám thị. Loài tinh linh không đủ năng lực chế ngự ý chí của con người, trừ ý chí yếu đuối hoặc bị tê liệt, vì sợ hãi. Chúng nó có thể dẫn dụ giác quan của một số đông người. Nhiều trò ảo thuật của các nhà đạo sĩ Fakir Ấn Độ được thực hiện nhờ sự giúp đỡ của những tinh linh «mà mắt» khán giả xung quanh. Các vị bàng môn tả đạo thường sai khiến chúng nó bằng bùa chú, để thi hành điều bất thiện. Các vị Tiên Thánh thường dùng chúng nó trong việc giúp đời. Một khi chế phục đặng chúng nó rồi, thì chúng nó làm phận sự một cách trung tín và vuông tròn.

Trong vài rừng núi vắng vẻ, chúng nó «mà mắt» những lữ khách đi về trễ, làm cho các người nầy thấy nhà cửa, nhân vật bằng ảo ảnh, rồi cứ đi tới. Thời hạn ảo ảnh ấy không phải chỉ trong chốc lát, nó thường kéo dài rất lâu. Đến khi hết bị ám thị, người lữ khách cô đơn, bỗng nhiên kinh ngạc thấy mình đang ở giữa cảnh mồ hoang, cỏ lạnh, hoặc giữa cánh đồng tư bề vắng vẻ quạnh hiu!

Tuy chúng nó tinh quái và ưa giỡn cợt, nhưng ít khi có tánh hung ác, trừ ra khi nào bị khêu khích. Chúng nó thường tạo ra những hình dạng ghê gớm nhát những người vừa mới thức tỉnh trên trung giới. Nhưng nếu con người có đạo tâm vững chắc, và mạnh mẽ không kinh sợ, thì chúng nó sẽ rút lui ngay.

Một đôi khi tinh linh muốn kinh nghiệm sự sống của người đời, nên nhập vào một người đang sống ở cõi trần. Vì thế mới có những câu chuyện hồ ly, yêu quái v.v... Nhưng trường hợp nầy ít xảy ra, vì trình độ con người càng ngày càng cao, tinh linh không thể chế ngự hoặc ám hại đặng.

Đôi khi chúng nó cũng kết bạn thân mật với con người, và giúp đỡ con người tùy theo tài sức. Tình thân thiện như thế ít xảy ra. Chúng nó ưa chơi giỡn với linh hồn trẻ con vừa bỏ xác phàm. Có hạng tinh linh trang nghiêm hơn hết, được người đời thờ phượng, như thần rừng, thần đình, thần làng, thần gió, thần mưa, thần nông v.v... Các tinh linh nầy ưa sự tôn sùng của con người, nên sẵn sàng giúp ích tùy theo tài sức.

Hạng tinh linh tiến hóa cao hơn hết là những thiên tinh (sylphes) ở trong không khí. Thể thấp của chúng chẳng phải bằng tinh chất, (chất tinh khí (éther) thuộc về cõi phàm để làm ra thể phách), mà bằng thanh chất, tức là thể vía. Trí hóa của chúng nó cao hơn hạng tinh linh khác, và ngang hàng với trí hóa của con người, nhưng chúng nó chưa có linh hồn cá tính; chúng nó còn thuộc về hồn khóm. Bởi chúng nó tiến hóa khá cao, nên rán sức đoạt cho kỳ được một linh hồn riêng biệt vĩnh viễn, có thể luân hồi được, hầu trở nên một vị thiên thần.

Mỗi vị thiên thần ở cõi trung giới đều có một nhóm tinh linh theo hầu và chịu huấn lịnh.

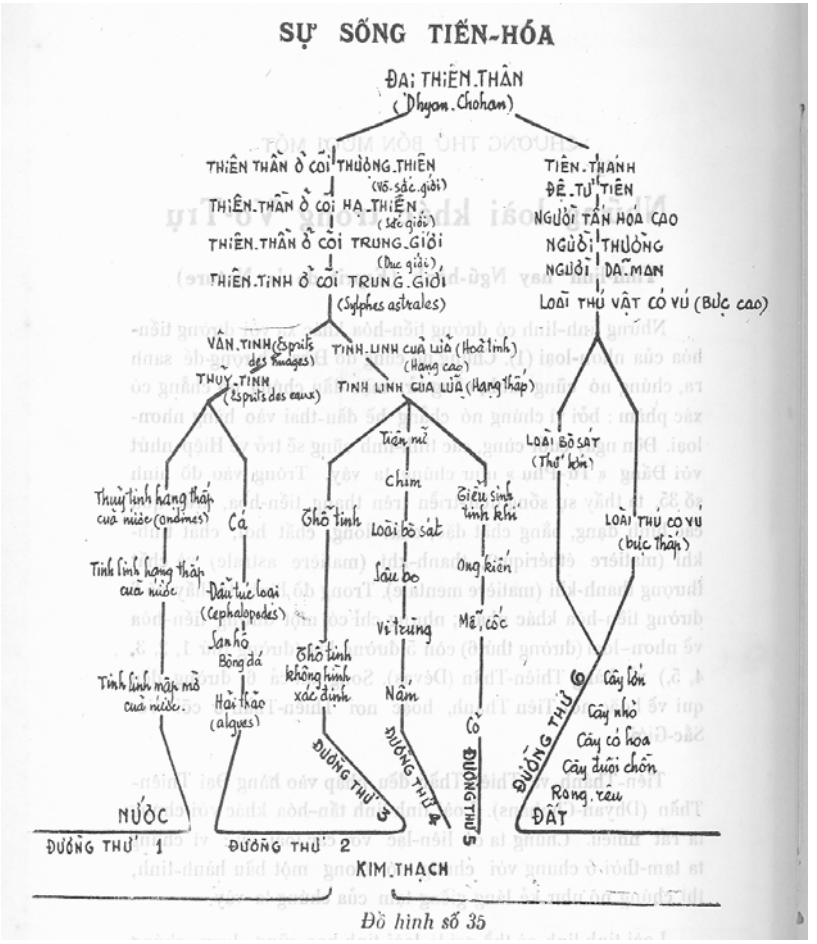
SỰ SỐNG TIẾN-HÓA
ĐẠI THIÊN THẦN
(Dhyan Chohan)
THIÊN THẦN Ở CÕI THƯỢNG THIÊN
(Vô sắc giới)
THIÊN THẦN Ở CÕI HẠ THIÊN
(Sắc giới)
THIÊN THẦN Ở CÕI TRUNG GIỚI
(Dục giới)
THIÊN TINH Ở CÕI TRUNG GIỚI
(Sylphes astrales)
TIÊN THÁNH
ĐỆ TỬ TIÊN
NGƯỜI TẤN HÓA CAO
NGƯỜI THƯỜNG
NGƯỜI DÃ MAN
LOÀI THÚ VẬT CÓ VÚ (BỰC CAO)
VÂN TINH (Esprits des Nuages)
THỦY TINH (Esprits des eaux)
TINH LINH CỦA LÚA (Hoả tinh) (Hạng cao)
TINH LINH CỦA LÚA (Hạng thấp)
LOÀI BÒ SÁT (Thở hơi)
LOÀI THÚ CÓ VÚ (bực thấp)
Tiên nữ
Chim
Thuỷ tinh hạng thấp của nước (onames)
Cá
Thổ tinh
Loài bò sát
Giếu sinh tinh khí
Tinh linh hạng thấp của nước
Đầu túc loại (Cephalopodes)
Sâu bọ
Ong kiến
Sanhô
Bọng dá
Vi trùng
Mễ, cốc
Tinh linh mặt trời của nước.
Hải thảo (algues)
Thổ tinh không hình xác định
Nấm
Cây lớn
Cây nhỏ
Cây có hoa
Cây dưới chõn
Rong, rêu
ĐƯỜNG THỨ 6
ĐƯỜNG THỨ 3
ĐƯỜNG THỨ 4
ĐƯỜNG THỨ 5
NƯỚC
ĐẤT
ĐƯỜNG THỨ 1
ĐƯỜNG THỨ 2
KIM THẠCH

Đồ hình số 35

Toát yếu – Nhìn vào đồ hình ta thấy sự tiến hóa chia làm 6 đường khác nhau: đường thứ 1, 2, 3, 4, 5, thì thuộc về hàng thiên thần, còn đường thứ 6 thì thuộc về nhân loại.

Tuy con đường tiến hóa khác nhau, nhưng tất cả đều gom về một mối là trở thành các bậc Đại Thiên Thần (Dhyan Chohans) và cao nữa.

Xin lưu ý – Nhân loại chỉ chiếm một phần nhỏ của địa cầu, chớ những loài tinh linh thì đông hơn vô số, lan tràn khắp sông, núi, nước, lửa, đất, khí trùng trùng, điệp điệp, chun ngang qua tất cả các chất hồng trần.

TINH LINH THỔ ĐỊA
Đồ hình số 36

Tinh linh thổ địa thường sống trong cái phách của quả địa cầu. Hình dáng ốm nhom, coi dị kỳ, giống như thây ma.

Tinh linh có vẻ mặt già khằn, tay chân dài quá độ, da mặt nhăn, mắt nhỏ và đen hoi xếch hai bên.

Vị Tinh linh nầy (Hình số 36) dường như tượng trưng giống người Lê-mu-rien[16] (Lémurien cổ thời).

Tinh linh thổ địa không phải thuộc về loại dễ chịu.

(Theo nhãn quan của ông G. Hodson)

---

[16] Muốn biết giống dân Lê-mu-riên xin đọc đoạn «mấy giống dân» phần trước.

Tinh-Linh Thổ-Địa

Hình số 37

Vị tinh-linh Thổ-địa này dường như lấy hình người Lê-mu-rien là người thuộc về giống dân chánh thứ ba.
(Theo nhãn-quang của ông G. Hodson).

Thủy-Tinh ở hồ Thirlmere

Hình số 38

Vị thủy tinh nầy ngụ tại hồ Thirlmere cao lối 2 thước 13. Thần thường bay lượn trên mặt nước, có khi thần cũng bay chơi trên mặt đất nữa. Trông thần giống như con chim to lớn bay thật mau. Mặt mũi thần thấy không rõ, chỉ thấy vùng hào quang sáng rực mà thôi.

(Theo nhãn quan của ông G. Hodson)

Tinh-linh trong không khí hay là thiên-tinh (sylphes)

Hình số 39

Vị thiên tinh nầy ở tại Lancashire lấy hình người. Thiên tinh hay bay từng đoàn rất mau trên không khí, kêu gọi nhau giống như tiếng gió reo. Thiên tinh có cặp cánh to, dài và đẹp đi từ vai tới chân.

Ông Hodson nói rằng: «Tôi có nhìn xem một đoàn thiên tinh bay thật mau trên vòm trời xanh thẫm, màu sắc chói ngời, biến đổi luôn luôn, nhưng hầu hết đều có những màu đại khái như sau: xanh dợt, hường, xám, vàng….

Tôi trông thấy tại triền núi Helvellyn một đoàn thiên tinh bay trước một vầng mây đen kịch, triệu chứng bão tố. Nhiều thiên tinh đổi màu đen, vẻ mặt khó nhìn, dường như họ đem đến cho ta cái cảm tưởng sấm sét, dữ dằn.

(Theo nhãn quan của ông G. Hodson)

HỎA THẦN
Đồ hình số 40

Thần lửa không có hình dáng nhứt định, luôn luôn thay đổi, biến hóa, nên rất khó mô tả cho rõ ràng. Tuy nhiên gương mặt có thể thấy rõ. Mặt thần lửa giống như mặt người, khi nào không bị hào quang của ngọn lửa che lấp. Vì lửa là một yếu tố phá hoại, nên gương mặt hỏa thần đôi khi hiện ra sát khí, và đôi mắt long lanh một tia sáng độc ác. Tuy hình dáng giống người, nhưng toàn thân của thần lửa sáng rực như một hỏa lò, và mỗi tế bào trong châu thân dường như làm bằng chất lửa, với những ngọn lửa hồng luôn luôn bao phủ quanh mình.

(Theo nhãn quan của ông G. Hodson)

THẦN VUI
Hình số 41

Thần vui cao lối 1 thước 22.

Hình dáng mảnh mai, dịu dàng. Thần dòm chúng ta với cặp mắt vừa mơn trớn, vừa vuốt ve, đượm vẻ vui mừng trong nụ cười khả ái. Hào quang của thần sáng lòa rực rỡ, màu sắc pha lẫn nhau xem rất đẹp. Người ta thấy có màu xanh da trời lộn với màu hường dợt, xám tro.

Hễ thần ở gần ai thì, tự nhiên chuyển điển vui cho họ
(Theo nhãn quan của ông G. Hodson).

THẦN CỎ HAY THẢO THẦN

Hình số 42

Trên đồng cỏ có biết bao nhiêu là tinh linh bay liệng vởn vơ; yểu điệu, dịu dàng. Tinh linh thường lấy hình tiên nữ với vẻ mặt kiều diễm và ngây thơ, khả ái như trẻ con. Thần cỏ thường bay từng đoàn, mặc y phục thướt tha, màu hồng lợt hay trắng tinh. Cả thảy đều vui vẻ xinh tươi.

(Theo nhãn quan của ông G. Hodson).

MỘT VÌ TIÊN NỮ
Hình số 43

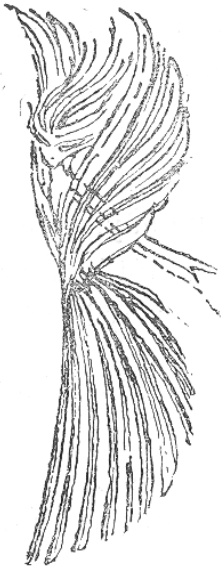

Tiên nữ với vẻ đẹp tuyệt vời. (Theo nhãn quan của ông G. Hodson).

THẦN HOA HỒNG
Hình số 44

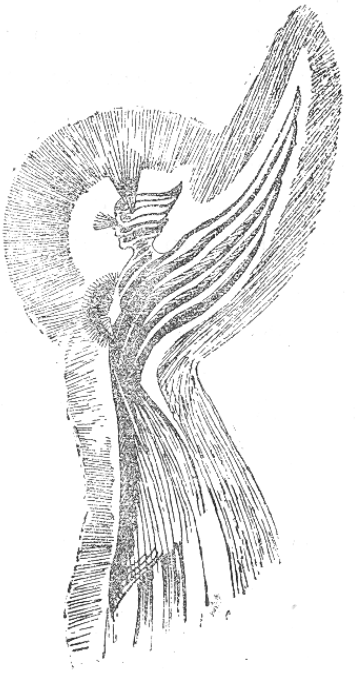

Thần hoa hồng có hào quang hồng pha vàng. Thần hoa có nhiều huyệt bí yếu tập trung nơi đầu, mũi, ngực chói loà ánh sáng. Vùng ánh sáng nầy tỏa ra giống như nhụy hoa.

Vị Thần hoa hồng nầy cao độ 3 thước 65 tượng trưng tình bác ái thiêng liêng.

(Theo nhãn quan của ông G. Hodson).

CHƯƠNG 41

THIÊN THẦN

(Dévas)

Người Ấn Độ gọi Thiên Thần là Dévas, hoặc Suras, hay là «quang thần» (êtres lumineux). Gia Tô giáo gọi các Ngài là Thiên Thần (Anges) và Đại Thiên Thần (Archanges). Hỏa giáo gọi các ngài là Péristhas. Tiền kiếp các Ngài là tinh linh, nên đường tiến hóa khác hẳn với đường tiến hóa của nhân loại. Các ngài không bị bắt buộc ở mãi một dãy hành tinh nào. Con đường tiến hóa của các Ngài là phải vượt qua một hệ thống vĩ đại gồm bảy dãy hành tinh.

Có nhiều hạng thiên thần:

a) Thiên thần ở cõi trung giới (dévas de l'astral) tiến hóa cao hơn người dã man, nhưng kém hơn nhân loại bậc thường.

b) Thiên thần ở cõi hạ thiên (dévas du mental inférieur) tiến hóa ngang hàng với nhân loại bậc cao.

c) Thiên thần ở cõi thượng thiên (dévas du mental supérieur) tiến hóa ngang hàng với những đệ tử Chơn Tiên được hai hoặc ba lần điểm đạo.

Hai cõi trên: niết bàn và bồ đề cũng có thiên thần. Song các ngài tiến hóa hơn các thiên thần ở cõi dưới nhiều.

Các Ngài ở cõi nào thì dùng chất khí cõi ấy làm một thể để hoạt động, nhưng luôn luôn có năng lực tạo ra một thể ở cõi thấp tạm thời. Tỷ như thiên thần ở cõi thượng thiên có thể lấy chất cõi hạ thiên để làm một thể tại cõi ấy. Cho nên thiên thần có vô số hình dạng.

Một phần rất ít nhân loại trí hóa cao, có năng lực nhập vào hàng thiên thần.

Có cả thảy 330 triệu thiên thần chia làm ba hạng:

1) Thiên thần cõi dục giới (kamadévas) hay là cõi trung giới.

2) Thiên thần cõi sắc giới (rupadévas).

3) Thiên thần cõi vô sắc giới (arupadévas) hoạt động ở các cõi thượng thiên, bồ đề và niết bàn.

Ấn Độ cũng chia thiên thần làm ba hạng chánh, mỗi hạng chánh gồm ba hạng nhỏ. Cả thảy là chín hạng.

Cơ Đốc giáo chia thiên thần làm chín phẩm Thiên Sứ.

Đạo giáo gọi là cửu phẩm Thần Tiên.

Phật giáo gọi là cửu phẩm Liên Đài.

Thiên thần có 5 đường tiến hóa, mục đích cuối cùng là hiệp nhứt với đức Thượng Đế, cũng như loài người khi đắc

quả rồi cũng được phản bổn huờn nguyên hiệp nhứt với Ngài vậy.

Bởi thân thể thiên thần làm bằng tinh chất của cõi các Ngài đang hoạt động, nên sáng lòa và rực rỡ muôn màu. Thiên thần có thể dùng ý chí đổi màu sắc và hình thể dễ dàng. Nếu thể nầy không đẹp, thì các Ngài bỏ tức thì, và rút tinh chất khác thanh đẹp hơn để làm ra thể mới tinh xảo và chói sáng hơn.

Ở cõi thượng thiên, thiên thần làm ra tinh chất hạp với những tư tưởng trừu tượng, và cao thượng.

Ở cõi hạ thiên, các ngài tạo ra tinh chất hạp với những tư tưởng cụ thể.

Ở cõi trung giới, các ngài tạo ra tinh chất hạp với dục vọng.

Đại Thiên Thần là những Đấng cao siêu hơn hết. Các Ngài ở thái dương hệ khác qua giúp thái dương hệ của ta. Các Ngài cai quản tất cả thiên thần khác từ những thiên thần của ngũ hành cho tới thiên tinh, tinh linh và các loài tinh hoa.

Có 7 vị Đại Thiên Thần, nhưng chỉ có 5 vị hoạt động trong thái dương hệ mà thôi. Năm vị ấy là:

1) – Indra, Đại Thiên Thần của tinh khí.

2) – Agni, Đại Thiên Thần của lửa.

3) – Vayau hay Pavana, Đại Thiên Thần của không khí.

4) – Vanura, Đại Thiên Thần của nước.

5) – Kishiti, hay Kubira, Đại Thiên Thần của đất.

Toàn thể thái dương hệ là trường tiến hóa của các Ngài, mà các Ngài có bổn phận dìu dắt.

Kế Đại Thiên Thần là thiên thần kiến trúc ở ba cõi thượng thiên (vô sắc giới), hạ thiên (sắc giới) và trung giới (dục giới).

Thiên Thần cõi vô sắc giới có nhiệm vụ cai quản các thế giới, các giống dân hay các quốc gia.

Thiên Thần cõi sắc giới lo lắng sự cấu tạo hạ trí. Trong hạng Thiên Thần cõi sắc giới có những nhạc sư, và vũ sư thiêng liêng, điều khiển sự điều hòa và tiết điệu.

Thiên Thần ở cõi dục giới lo lắng về sự cấu tạo của loài kim thạch, thảo mọc, thú cầm và loài người. Các Ngài tiến hóa cao hơn nhân loại rất nhiều. Nhưng người tu hành cao siêu có thể tiến hóa cao hơn một vài thiên thần ở cõi dục giới. Kế Thiên Thần kiến trúc là Thiên Thần coi về nhân quả. Các Ngài lo lắng về sự tiến hóa của các quốc gia và con người. Người ta gọi các Ngài là Seigneurs Lipikas hay là những vị Nam Tào Bắc Đẩu. Dưới quyền chỉ huy của các Ngài có bốn vị Đại Thiên Vương (thật ra có 7 vị) ấy là:

a) – Đại Thiên Thần trông nom phương đông (Dhritarashtra).

b) – Đại Thiên Thần trông nom phương nam (Virudhaka).

c) – Đại Thiên Thần trông nom phương tây (Virupaksha).

d) – Đại Thiên Thần trông nom phương bắc (Vaishravana).

Các Ngài trông nom vận mạng con người, và cho con người cơ hội tiến hóa mau lẹ trên đường đạo.

Thân thể của Thiên Thần thu giãn rất dễ dàng. Hào quang các Ngài phóng ra ngoài – từ đường trực kính 300 thước đến 3.000 thước (Hình số 45-46).

Hào quang của con người giống đám mây nhẹ nhàng và chói sáng, còn hào quang của Thiên Thần, thì rực rỡ như ngọn lửa hồng, muôn ngàn màu sắc khác nhau và biến đổi mãi giống như cầu vòng xinh đẹp vô cùng (Hình số 47). Ở trung tâm hào quang của Thiên Thần có hình dạng một con người. (Hình số 48).

Có khi Thiên Thần hiện ra hình người cao lớn phi thường. (Hình số 49). Các Ngài làm việc một cách cẩn thận, và tinh xảo đúng qui tắc, khi tạo hình: như hình ảnh bé nhỏ cở chân con bọ chét hay to lớn bằng bầu hành tinh. Các Ngài điều khiển vạn vật, và lo thực hiện những hiện tượng thiên nhiên một cách đều đặn và đúng đắn không thể tưởng tượng được. Các Ngài có phận sự dìu dắt sự tiến hóa cho phù hạp với Thiên cơ và giúp đỡ những người tiến xa trên đường đạo. Các Ngài lo tạo dựng những hình dạng cần thiết cho sự biểu lộ của đời sống.

Thiên Thần giúp các linh hồn đầu thai, bằng cách làm ra xác thân, vía, trí cho con người. Người Việt Nam gọi các Ngài là «Mụ Bà» (Hình số 50). Các Ngài đưa đến cho linh hồn những vật liệu cần ích làm ra xác thân, rồi giúp cho linh hồn biết cách sử dụng. Linh hồn tiến hóa nhiều chừng nào, thì Thiên Thần ít khổ công chừng nấy. Đối với loài cầm thú, thì Thiên Thần chu toàn gần hết mọi việc. Còn đối với loài kim thạch và thảo mộc, thì mọi việc đều tự chúng làm hết.

Xem thế, Thiên Thần là «Tôi đắc lực» của đức Thượng Đế: thi hành Thiên lịnh từ chi tiết, giúp muôn triệu sinh linh trên đường tiến hóa, bằng cách tạo vật liệu cho linh hồn làm ra cơ thể mình.

THIÊN THẦN MỎ VÀNG TẠI NAM PHI CHÂU

Hình số 45

Vị Thiên Thần mỏ vàng nầy có dáng người phụ nữ, màu sắc tốt đẹp phi thường. Những lằn sáng là những đường thần lực. Hào quang của Thiên Thần hẹp bề ngang, mà nở bề đứng. Hình dạng Thiên Thần (nơi trung tâm) xem rất nhỏ đối với hào quang to lớn. Song kỳ thật, Thiên Thần mỏ vàng có một cái thân vĩ đại.

Geoffrey Hodson
(The Kingdom of the Gods)

MỘT VỊ THIÊN THẦN TẠI NÚI CATLE ROCK CAPE PROVINCE

Hình số 46

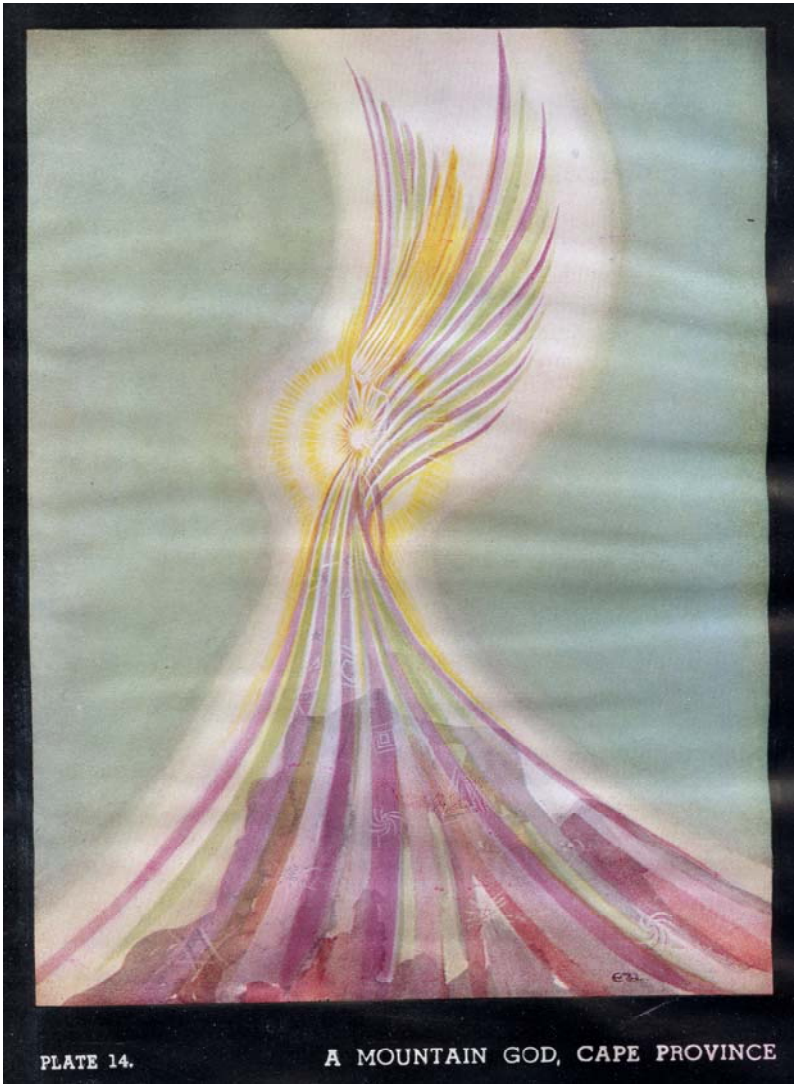

Tôi thấy vị Thiên Thần nầy ngự trị tại dãy núi Catle Rock thuộc vùng bán đảo Le Cape ở nam Phi châu.

Ngài có phận sự chỉ huy sự tiến hóa của loài kim thạch ở dãy núi ấy. Tinh lực sáng tạo của vũ trụ, do hào quang của Ngài phóng ra, cấu tạo những hình thể theo qui mô phép tắc kỷ hà học, để cho loài khoáng vật và cả loài thảo mộc trên dãy núi nương theo đó mà sanh hoạt và biểu lộ tánh chất của chúng.

Geoffrey Hodson
(The Kingdom of the Gods)

THIÊN THẦN CỦA CAPE PROVINCE TẠI NAM PHI CHÂU

Hình số 47

Vị ThiênThần nầy có hào quang tỏa ra rộng lớn phi thường, có thể bao trùm nhiều ngàn dặm thước vuông. Ngài ngự tại vùng cận bắc với bãi sa-mạc Karoo. Ảnh hưởng của Ngài to tát vô cùng. Ngài làm trung gian cho luồng thần lực từ nam cực đến nam Phi châu. Thiên Thần nầy có hai trọng trách. Ngài trợ giúp sự nảy nở hình hài, và tâm thức của loài kim thạch tại sa-mạc, đồng nội, và núi non. Đồng thời, Ngài bảo tồn và đưa thần lực từ nam cực đến các sinh linh dưới quyền bảo trợ của Ngài. Tôi thấy bề cao của Thiên Thần nầy ít nhứt là 30 thước 48 phân, trong khi hào quang của Ngài có thể nới giãn ra xa muôn dặm.

Geoffrey Hodson
(The Kingdom of the Gods)

THIÊN THẦN MIỀN NAM THÁI BÌNH DƯƠNG

Hình số 48

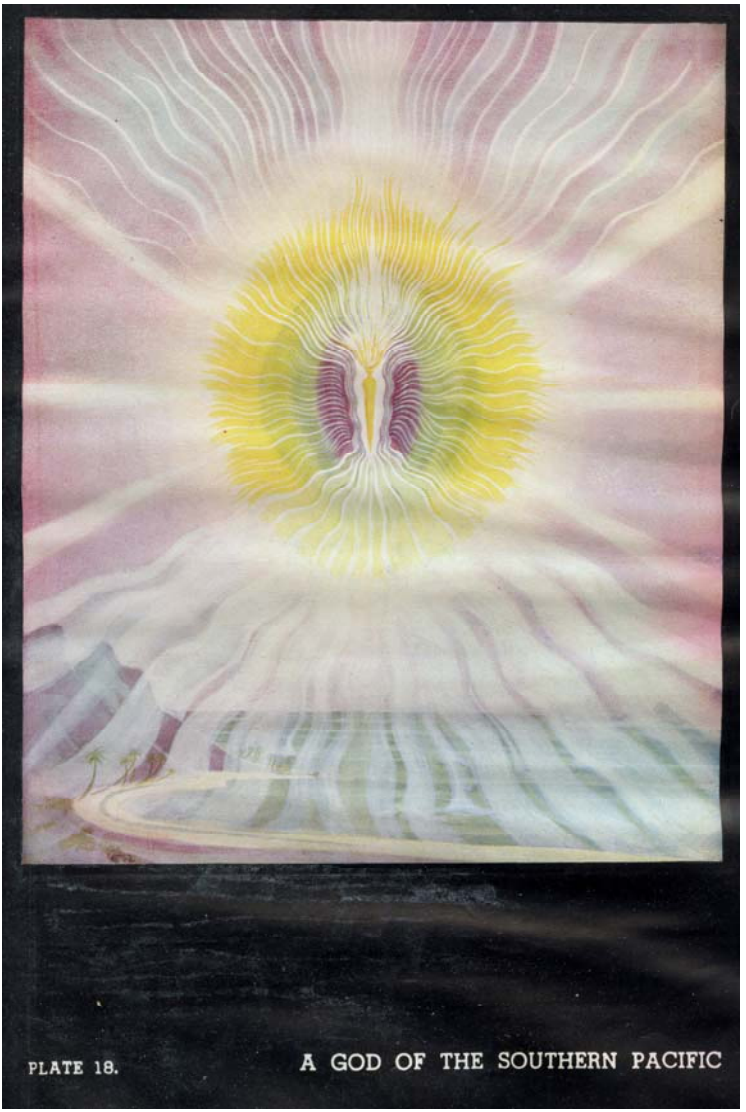

Vị Thiên Thần biển cả (đại hải) nầy được trông thấy tại bờ biển Java. Hào quang của Ngài bao trùm đại hải thái bình dương từ Java đến Úc châu.

Vị Thiên Thần nầy rất cao lớn. Những lằn sáng trong hào quang là những luồng thần lực thiêng liêng xạ xuống Ngài, rồi xuyên qua Ngài chuyển xuống biển đại hải, để các loài thủy tộc sinh sống.

Dưới nhiều đáy biển, tôi thấy những vị tinh linh to lớn phi thường, giống như loài cá voi.

Thủy quốc thật là mênh mông; tất nhiên có phải có một vị Thủy Vương cai quản.

Geoffrey Hodson
(The Kingdom of the Gods)

THIÊN THẦN Ở JAVA

Hình số 49

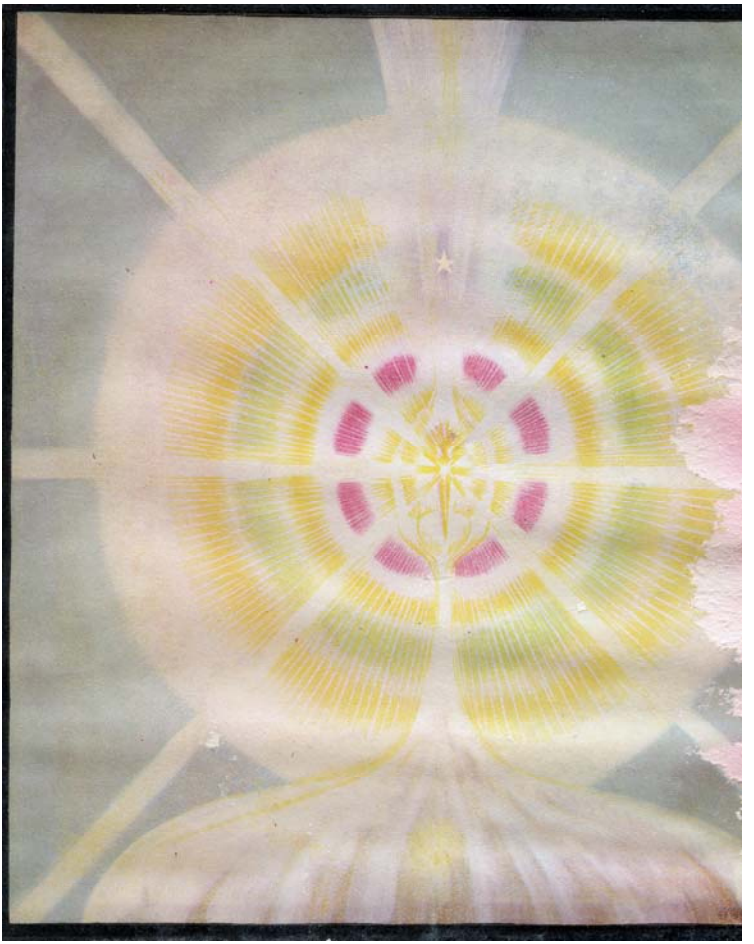

Tại cù lao Java có một cái chùa linh diệu phi thuờng, gọi là Borobudor. Chùa ấy đã cất hơn 1800 năm. Nó là một tảng đá khổng lồ, có nhiều gian phòng tốt đẹp. Hai bên vách của bốn hành lang rộng lớn, người ta chạm trổ nhiều hình nổi tuyệt đẹp, diễn tả lại những khoảng đời sống của đức Phật Thích Ca. Chùa nầy nay là một kỳ quan thánh địa hành hương. Nhiều người xem nó là trung tâm uy lực siêu linh.

Theo sự tham cứu của tôi, tôi thấy một vị tối đại Thiên Thần dùng hào quang rực rỡ của Ngài bao trùm chùa ấy.

Ngài có trách nhiệm bảo tồn và phân phát thần lực cho chùa. Ngài cũng là nguồn Thiên lực phóng tỏa từ chùa lan ra khắp đảo Java và bao trùm các biển chung quanh.

Geoffrey Hodson
(The Kingdom of the Gods)

THIÊN THẦN VỚI SỰ SANH SẢN

Hình số
50

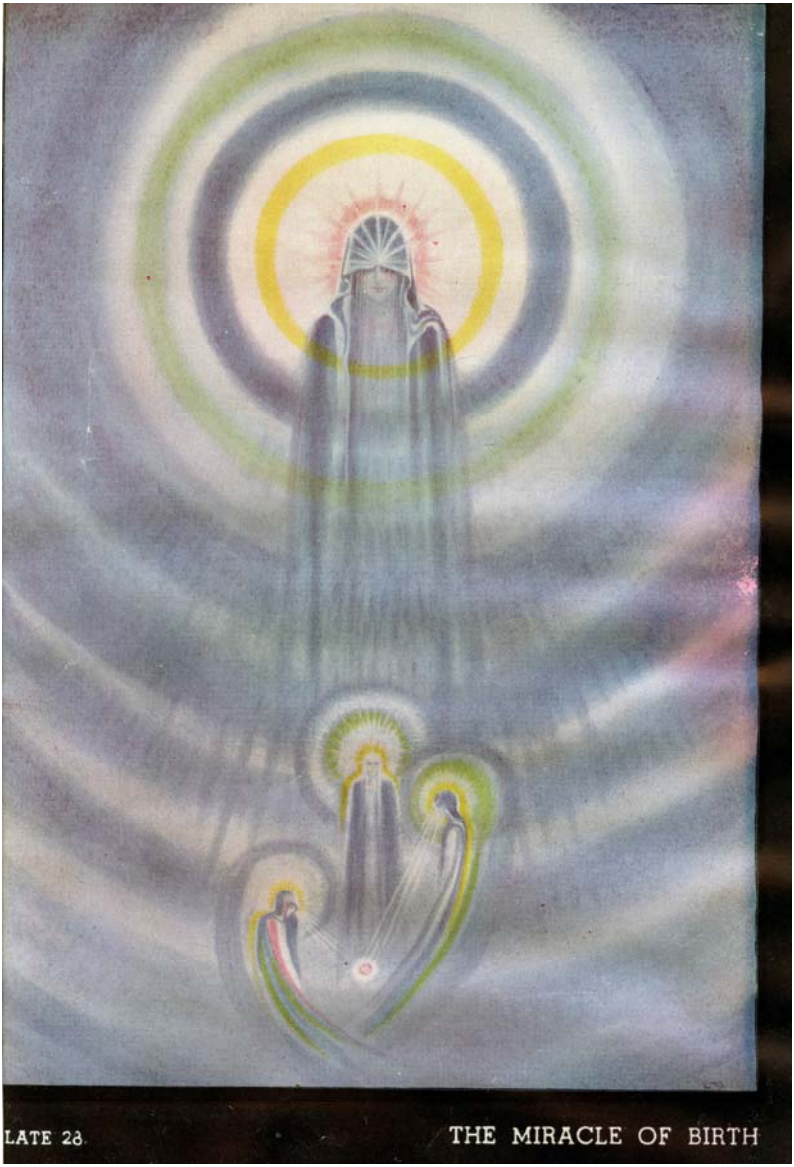

Mỗi khi tôi thâm cứu về sự sanh sản, thì luôn luôn tôi thấy có một nhóm Thiên Thần (mà người Việt gọi là Mụ Bà) đảm nhiệm hai trọng trách:

1) – Các Ngài làm các thể mới: phách, xác, vía, trí cho thai nhi.

2) – Các Ngài đưa linh hồn đến nhập xác.

Dù tôi không thể theo dõi đặng linh hồn từ lúc mới phát sinh cho đến lúc đi đầu thai, lấy thể xác, nhưng tôi tưởng các vị Thiên Thần nầy có hữu trách đối với sự tiến triển của giống dân.

Dò xét kỹ về sự hoạt động của các Ngài, tôi nhận thấy các Ngài là Thiên sứ để lo việc sanh sản của Tạo Vật. Theo triết lý bí truyền, thì các Ngài là những vị phụ trách cho đức Mẹ thế giới.

Geoffrey Hodson
(The Kingdom of the Gods)

Hình số 51

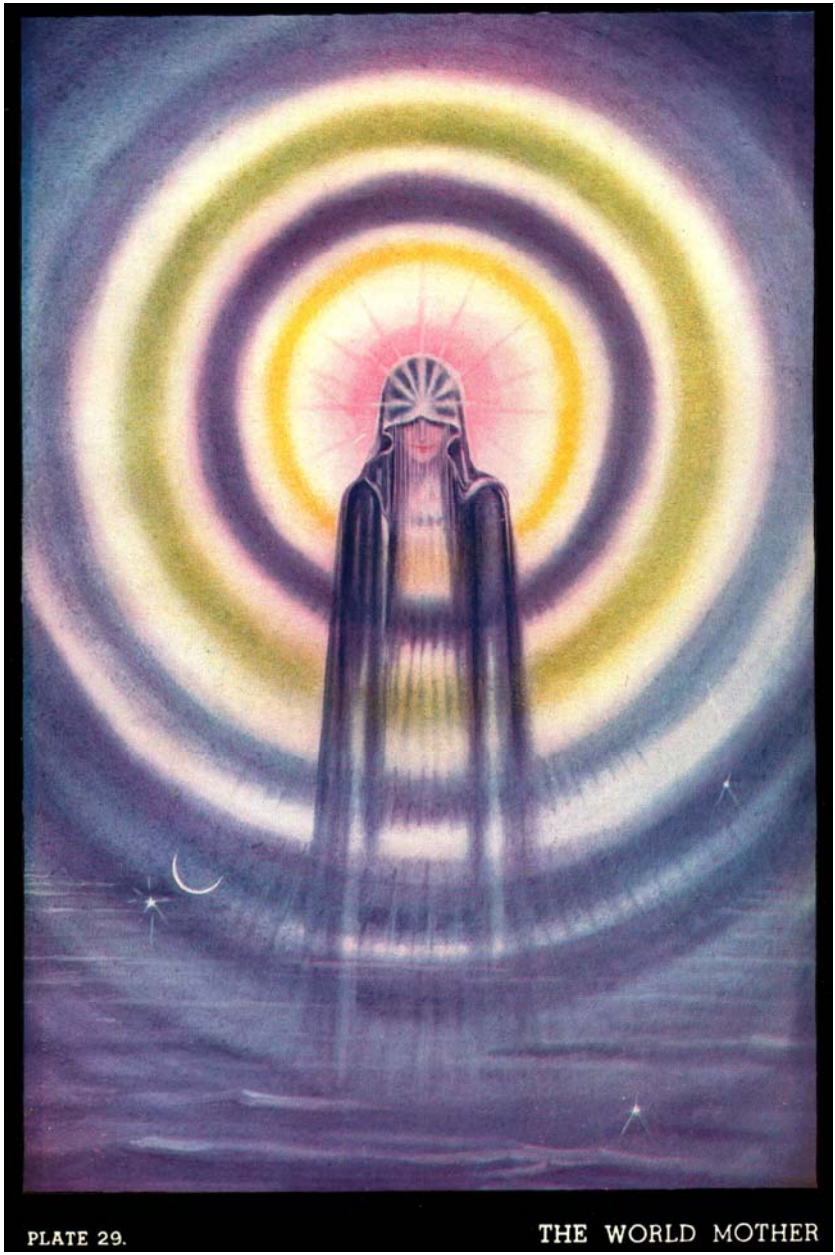

ĐỨC MẸ THẾ GIỚI

(La Mère du Monde)

Đức Mẹ thế giới (Hình số 51) là một trạng thái Ngôi thứ hai của đức Thượng Đế. Ngài có nhiều danh hiệu khác nhau. Bên phương tây, người ta kính Ngài là đức Mẹ Đồng Trinh Maria. Trong kinh Devi Bhagavata (Ấn Độ) người ta xưng tụng Ngài là đức Devi Bhagava, hay Javadambâ hay Avalokiteshvara. Bên phương đông, Ngài được tôn là đức Quán Thế Âm Bồ Tát. Cao Đài giáo tôn Ngài là đức Diêu Trì Thánh Mẫu. Ngài thường liên lạc chặt chẽ với đức Phật và đức Di Lạc. Đối với người Ấn Độ, đức Mẹ thế giới chẳng những là hiện thân chí thượng của tâm sâu đậm và kỳ diệu nhứt, mà cũng là Đấng quyền lực vô song và uy nghiêm cực kỳ. Tâm Ngài luôn luôn là nguồn giác tuệ, chứa chan bác ái, từ bi, cảm ứng nhanh những tiếng kêu cầu của chư thiên và nhân loại.

Đức Mẹ thế giới là chúa tể các vị thiên thần. Ngài ngự trong thâm tâm của các môn hạ Ngài. Trong mỗi tầng đẳng cấp cõi trời và cõi phàm, Ngài đều có đại diện. Hình số 52 chỉ cho ta thấy một vị thiên thần đang thọ lịnh Ngài để ban ân huệ cho một đứa trẻ yếu đuối. Quyền lực của Ngài rất bao la, trí phàm không thể tưởng tượng nổi. Dù nhiệm vụ của Ngài là giúp đỡ tất cả sinh linh, nhưng Ngài đặc biệt chú tâm đến thiếu nhi và phụ nữ, nhứt là lúc sanh sản, vì hai hạng nầy yếu đuối cần phải bảo bọc và thương yêu nhiều. Đức Mẹ thế giới luôn luôn ôm ấp họ và ban cho họ sự che chở, sự nương nhờ cần kíp, để đánh tan những nguy nan, sầu khổ đang bao vây họ.

Nguyện những bạn đạo tâm biết có ai đau khổ, khi tham thiền xong, cầu xin Ngài giúp đỡ người đó. Muốn biết thêm về đức Mẹ thế giới, nên đọc quyển «Le Feu créateur» của Vander-Leuw.

BÀI CẦU NGUYỆN

Khấu đầu quỳ dưới bệ tiền,

Tâm thành kính lạy Mẹ hiền tối cao.

Hào quang muôn trượng làu làu.

Cung Tiên Mẹ rải xiết bao lòng từ.

Độ người khuya sớm sầu tư,

Độ người thoát khổ, diệt trừ nghiệp căn.

Ví như bóng nguyệt đêm rằm,

Vàng gieo khắp chốn, đâu rằng trược thanh.

Miễn sao sung sướng mạnh lành,

Là lòng Mẹ được thỏa tình mến yêu.

Mẹ ơi! Thương Mẹ trăm chiều,

Làm sao giúp Mẹ dắt dìu trẻ thơ?

Phải chăng lòng chẳng chần chờ,

Trước cơn đau khổ, mắt mờ lệ châu.

Ra tay đập ngã thành sầu,

Cho đời đau khổ nhuộm màu vui tươi.

Như hoa muôn nét xuân cười,

Trong nghìn tia sáng, dưới trời quang minh.
Con xin hiến trọn thân mình,
Làm «tôi» cho Mẹ oai linh đời đời.
Nguyện cầu đức Mẹ chứng lời,
Điễn linh ban xuống tăng thời chí con.
Dù cho biển cạn, non mòn,
Chông gai há nệ, lòng son một bề.

Nguyện cầu già trẻ đề huề,
Làm lành, lánh dữ hướng về cảnh Tiên.
Trần ai giũ sạch bụi phiền;
Tiêu diêu theo Mẹ, nghiệp duyên dứt rồi.

Nguyện cầu thế giới nơi nơi,
An cư lạc nghiệp đạo Trời lần phăn.
Hiệp hòa huynh đệ lòng hằng,
Nâng niu, dạy dỗ, trăm phần xót thương.

Nguyện cầu bịnh khổ tai ương,
Nhành dương Mẹ rưới khỏi vương họa sầu.
Mạnh lành, tiến bước đạo mầu,

Đường tu mở lối, hoàn cầu chuyển lây.
Nguyện cầu dạ đói được đầy,
Lộc trời no ấm, thân gầy nở nang.
Cung Tiên, cảnh Phật một đàng,
Thái bình, lạc thú, an nhàn thiên thu.

Nguyện cầu người ở ngục tù,
Tự do sớm được, ngút mù tỏ lên.
Ví như đêm tối có đèn,
Quang minh sáng tỏ, lòng liền ăn năn.
Nguyện cầu những kẻ cô thân,
Có người đùm bọc, đỡ nâng bước đường.
Có Thần Tiên giúp qua truông,
Đặng sau có dịp tìm đường về Ngôi.
Mẹ ơi lạy mẹ cung trời,
Xét thương trần thế chơi voi bể sầu,
Hướng về đức Mẹ vọng cầu,
Mong chừa lỗi trước, đạo mầu lần đi.

Mẹ lành bác ái, từ bi,
Cam lồ nước Nhược giải nguy người đời.

Làm cho thấy được cơ Trời,

Lý chân sáng tỏ, tan thời ngút mây.

Con xin nguyện giúp một tay,

Gánh trần nhẹ đỡ, một vài đôi phân.

Đường xa vui bước rán lần,

Trong hào quang Mẹ muôn phần đẹp thanh…

THI RẰNG:

Ngọc khiết, băng thanh, đẹp tuyệt vời,

Mẹ lành chói rạng khắp nơi nơi.

Từ bi vô lượng gồm non nước,

Bác ái bao la chứa đất trời.

Vạn vật gội nhuần ơn cứu thế,

Sinh linh bái phục đức thương đời.

Diêu Cung Mẹ mãi chờ con trẻ,

Thoát gánh trần ai sớm phản hồi.

THIÊN THẦN BAN SỨC KHỎE

Hình số 52

PLATE 23. A HEALING ANGEL

Ta thấy một vị Thiên Thần đang ban sức khỏe cho đứa trẻ yếu đuối ngồi chơi dưới đất. Phương pháp thông thường của Ngài là trước nhất đem thần lực xạ ngay vào hào quang của đứa bé đau yếu ấy, làm cho tản mất những vết ứ động xấu xa trong phách và vía của nó. Ngài đuổi ra ngoài những chất hại cho sức khỏe và làm cho thể xác và các thanh thể điều hòa. Việc làm của Ngài tựa như các nhà thôi miên (thuật truyền thần). Việc nầy được hiệu quả nhiều là khi con người hữu ý trợ lực hợp sức với Ngài.

Geoffrey Hodson
(The Kingdom of the Gods)

CHƯƠNG 42

TRỌNG TRÁCH CỦA THIÊN THẦN

Thiên Thần có trọng trách đối với Chơn Thần tại cõi đại niết bàn.

Như ta thấy các chương trước, Chơn Thần có ba trạng thái: Ý Chí, Minh Triết, và Hoạt Động.[17] Khi thì giờ tiến hóa đã

---

[17] Xin chú ý: Ba trạng thái của Chơn Thần có thể gọi là: « Ý Chí, Minh Triết và Bác Ái», chúng nó cũng chỉ ba trạng thái của tam thể thượng. Nhưng trong ba trạng thái nầy, tôi (bà A. Besant) thấy trạng thái Hoạt Động lại bị bỏ rơi, và trạng thái Bác Ái lặp lại hai lần, chỉ trừ khi nào người ta hiểu Bác Ái và Hoạt Động là Một, bởi thật ra Bác Ái quả là Hoạt Động vậy.

Nhưng theo ý tôi tưởng thì: Minh Triết và Bác Ái **chỉ là một trạng thái mà thôi,** vì biểu tượng của Minh Triết là Bác Ái; Bác Ái có uy lực gom các sự phân ly về hiệp nhứt (rút trong quyển «Etude sur la Conscience» của bà A.Besant nơi trang 7).

đến, Chơn Thần phân thân bằng cách phóng tia sáng xuống cõi dưới làm rung động những nguyên tử trong ba cõi kế là: Niết bàn, bồ đề và thượng giới (Atma, Buddhi, Manas).

Thiên Thần, có trách nhiệm lo về việc phân thân. Các Ngài đã có kinh nghiệm nầy rồi, từ khi còn ở dãy hành tinh khác; các Ngài mới đưa làn điễn trạng thái thứ nhứt của Chơn Thần là Ý Chí, hiệp với nguyên tử Atma của cõi niết bàn. Nguyên tử Atma mới dính liền với Chơn Thần, thành hột nguyên tử trường tồn Atma; (nó trường tồn là vì nó chẳng bao giờ bị tiêu diệt, mặc dầu trải muôn triệu kiếp luân hồi).

Khi một nguyên tử Atma đã thành hình, Thiên Thần mới đưa làn điễn thuộc về trạng thái thứ nhì của Chơn Thần là Minh Triết hiệp với nguyên tử Buddhi của cõi bồ đề. Nguyên tử Buddhi liền với Chơn Thần hóa ra hột nguyên tử trường tồn Buddhi.

Khi hột nguyên tử Buddhi đã kết thành, Thiên Thần mới đưa làn điễn thuộc về trạng thái thứ ba của Chơn Thần là Hoạt Động hiệp với nguyên tử Manas của cõi thượng giới. Nguyên tử Manas mới hợp với Chơn Thần hóa ra hột nguyên tử trường tồn Manas (thuộc về thượng trí).

Tóm lại, người ta có thể gọi ba trạng thái cao là: «Ý Chí, Minh Triết và Hoạt Động» hay là Ý Chí, Minh Triết và Bác Ái» tùy theo ý nghĩa người ta hiểu mỗi trạng thái.

Nhân đó mà người ta gọi «Atma – Buddhi – Manas» là «tia sáng của Chơn Thần» xạ xuống ba cõi dưới là: Niết bàn, bồ đề và thượng giới (đồ hình số 53).

Tia sáng «Atma – Buddhi – Manas» được gọi bằng nhiều danh từ là:

Ba ngôi cao của Chơn Thần.

Tam thể Thượng

Ba ngôi Trí Huệ

Atma – Buddhi – Manas

Jivâtmâ

Chơn tâm

Chơn ngã

Chơn Thần

Thiên tánh

Anh hồn

Chơn nhơn

Chơn Thần ở mãi trên cõi đại niết bàn và sinh sống ở các cõi dưới nhờ tia sáng «Atma – Buddhi – Manas».

Tại sao Chơn Thần không tự mình xuống ba cõi dưới lại phóng tia sáng xuống mà thôi? – Vì bản thể Chơn Thần quá tinh anh, không chịu nổi những sự rung động không được thanh của các cõi thấp.

Tia sáng «Atma – Buddhi – Manas» hay là Chơn Nhơn có tánh chất giống hệt với Chơn Thần, nhưng kém mãnh lực hơn (đồ hình số 54).

Trên cõi đại niết bàn, Chơn Thần đủ thần lực, ý thức và linh hoạt; nhưng ở ba cõi dưới, nó chỉ là một hột giống, một bào thai vô tri giác, bị bỏ rơi và bất lực. Nó chỉ sống và hành động bằng ba hột nguyên tử trường tồn «Atma – Buddhi – Manas» đã thành hình.

Như thế Chơn Thần toàn tri toàn năng ở cõi đại niết bàn, nhưng khi xuống ba cõi dưới thì chỉ là một hột giống yếu ớt, vụng về. Bị chất nặng trược cõi dưới áp lực, nó phải tự vùng vẫy, chuyển hóa lần lần để thành hình, có khả năng tạo một bầu vũ trụ như đức Thượng Đế vậy.

TIA SÁNG CỦA CHƠN THẦN ĐI XUỐNG BA CÕI DƯỚI ĐỂ TẠO RA CHƠN NHƠN

Đồ hình số 53

CHƠN THẦN VÀ CHƠN NHƠN

Đồ hình số 54

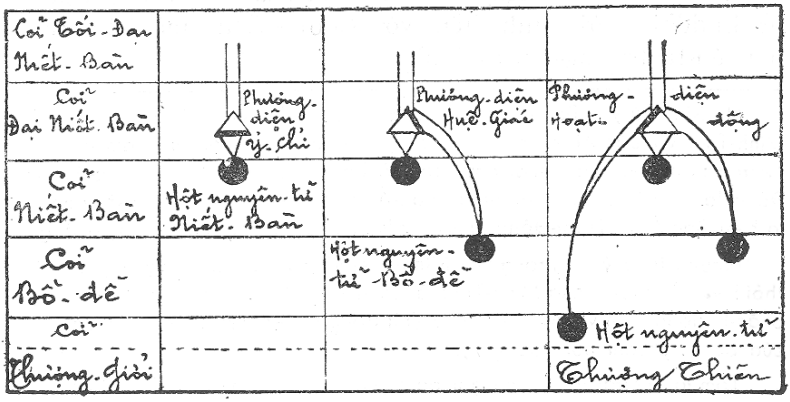

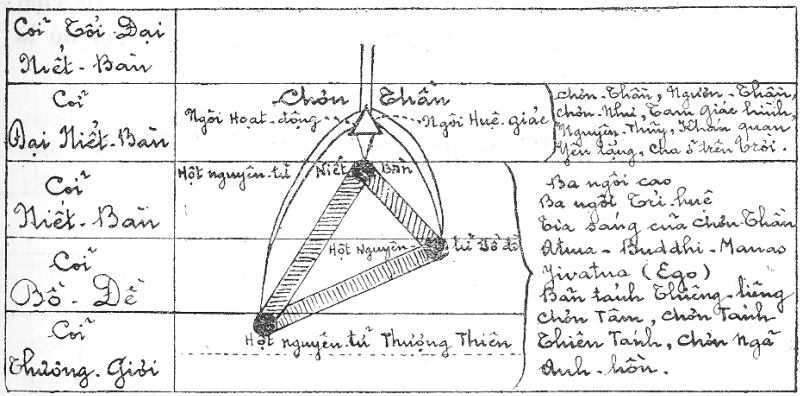

CHƯƠNG 43

PHÀM NHƠN HAY LÀ TAM THỂ HẠ

Một khi Tam Thể Thượng (hay là Chơn Nhơn) đã thành hình xong rồi, nó bắt đầu rung chuyển dưới khí nóng của hư vô. Sau khi vận chuyển một thời gian khá lâu, chơn nhơn mới phóng các tia sáng xuống ba cõi dưới là: Hạ thiên, trung giới và hồng trần).

Các tia sáng nầy được bao bọc chất khí của cõi bồ đề (là chất thái thanh khí) màu vàng chói phi thường, nên ta gọi nó là kim quang tuyến hay là Sûtrâtma. (Đồ hình số 55).

Sợi chỉ Sûtrâtma xâu các hột nguyên tử trường tồn (hay là lưu tánh nguyên tử) như một dây chuỗi. Ban đầu nó phất phơ trong bảy luồng sanh lực, chưa bám vào đâu. Các vị Thiên Thần mới ra tay giúp đỡ, cũng như trường hợp của Ba Thể Thượng. Các Ngài mới gom chất khí cõi hạ trí (từ cõi thứ tư) cho nhập vào đường kim quang tuyến Manas (thượng trí) làm ra hột nguyên tử trường tồn hạ trí (manas).[18]

---

[18] Xin lưu ý: Manas viết bằng chữ hoa nghĩa là thượng trí, còn manas viết bằng chữ thường là hạ trí.

Chung quanh hột nguyên tử hạ trí ấy là tập hợp những tinh chất của loài tinh hoa thứ nhì, tinh chất nầy gom lại rồi rã đi, cứ luân lưu như thế mãi. Nhờ sự chuyển động đó mà hột nguyên tử hạ trí mới rung chuyển, trí thức mới lần khai mở, hầu đem những tư tưởng của hạ trí lên thượng trí (Manas). Với bao nhiêu nhọc nhằn, trong một thời gian vô lượng, **hạ trí** mới cùng rung động theo **thượng trí.** Muốn thực hiện điều nầy, phải nhờ sự giúp đỡ của thiên thần thuộc về loài tinh hoa thứ II. Các Ngài đưa đến hạ trí những rung động thích hợp có khả năng thọ cảm, và bao bọc nó bằng chất tinh hoa rút trong thể xác của các Ngài giúp nó mau tiến hóa.

Mỗi hạng hồn khóm trong (7 hạng chánh) đều được phân cách nhau bởi một tấm vách rất mỏng manh làm bằng chất tinh hoa thứ II. Ấy là tấm vách tương lai thứ nhứt của hồn khóm (đoạn nầy sẽ nói sau).

Đường kim quang tuyến do ngôi Buddhi (bồ đề) đi xuống nhập với nguyên tử hạ trí.

Như thế, sợi dây kim quang tuyến ấy, dính theo nguyên tử hạ trí, mới xuống tới cõi trung giới. Thiên Thần bèn đem hột nguyên tử thanh khí gắn vào sợi dây ấy, để làm trung tâm vĩnh viễn của nó trên cõi trung giới. Trung tâm đó là hột nguyên tử trường tồn của thể vía. Cũng như hột nguyên tử trường tồn hạ trí, hột nguyên tử nầy nhờ Thiên Thần đem tinh chất của loài tinh hoa thứ ba bao bọc chung quanh. Tinh chất nầy, khi tan khi hợp, vận chuyển không ngừng; và nhờ đó mà cái thức tâm của hột nguyên tử trường tồn thể vía mới khởi chuyển động những cảm giác còn mập mờ thức tỉnh dần thành

hột giống bồ đề. Trải qua một thời gian vô lượng, hột nguyên tử trường tồn thể vía tập rung động đồng nhịp với cảm giác bồ đề và sau cùng thực hiện đặng cảm giác nầy.

Mỗi hạng hồn khóm trong 7 hạng chánh đều được phân cách nhau bởi một tấm vách rất mỏng mảnh làm bằng chất tinh hoa thứ III. Ấy là tấm vách tương lai thứ nhì của hồn khóm.

Phương pháp nầy còn diễn lại một lần nữa, khi làn sóng sinh hoạt xuống tới cõi trần.

Bấy giờ đường kim quang tuyến ở tại cõi trung giới có hai hột nguyên tử trường tồn thể vía và hạ trí, lại xuống tận cõi trần chiếm thêm hột nguyên tử trường tồn hồng trần để làm trung tâm vĩnh viễn của nó ở cõi trần. (Đồ hình số 56). Chung quanh hột nguyên tử nầy, chất tinh khí cũng kết hợp như trước. Nhưng chất hồng trần nặng nề và kết hợp chặt chẽ với nhau hơn chất khí mảnh mai của cõi trung giới và thượng giới, nên xác thịt con người sống lâu hơn thể vía và trí. Bấy giờ tại cõi hồng trần, lại có thêm tấm màn thứ ba nhập vô tấm vách ngăn hồn khóm.

Rồi trong khi thể phách của các thứ kim loại khoáng thạch, những nguyên tố không thuộc loại kim, đã tạo thành, các vị Thiên Thần, ở cõi tinh khí hồng trần, mới nhận những hột nguyên tử trường tồn hồng trần vào trong 7 hạng kim thạch phù hợp với chúng nó.

Đến đây, hột lưu tánh nguyên tử hồng trần khởi đầu tiến hóa.

Tóm lại, tam thể hạ hay là phàm nhơn được sanh ra với ba hột lưu tánh nguyên tử là: «Manas – Kâma – Sthûla». (Đồ hình số 57).

ĐƯỜNG KIM QUANG TUYẾN SÛTRÂTMA

Đồ hình số 55

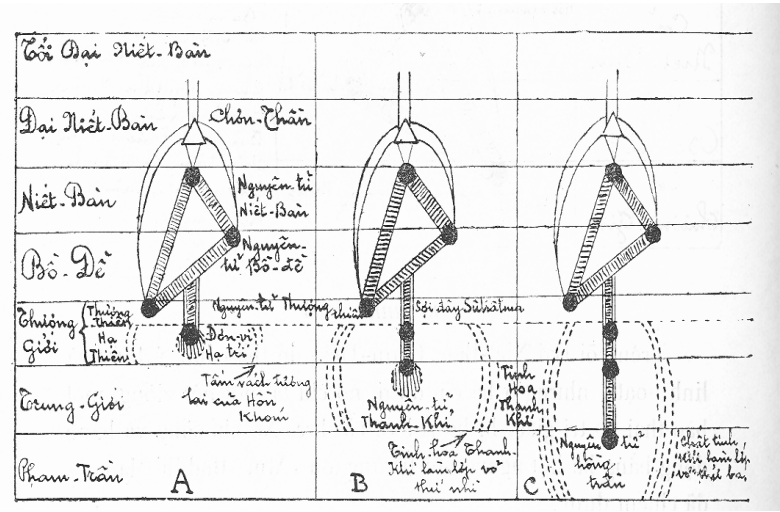

CÁCH TẠO 3 HỘT NGUYÊN TỬ TRƯỜNG TỒN: TRÍ, VÍA, XÁC

Đồ hình số 56

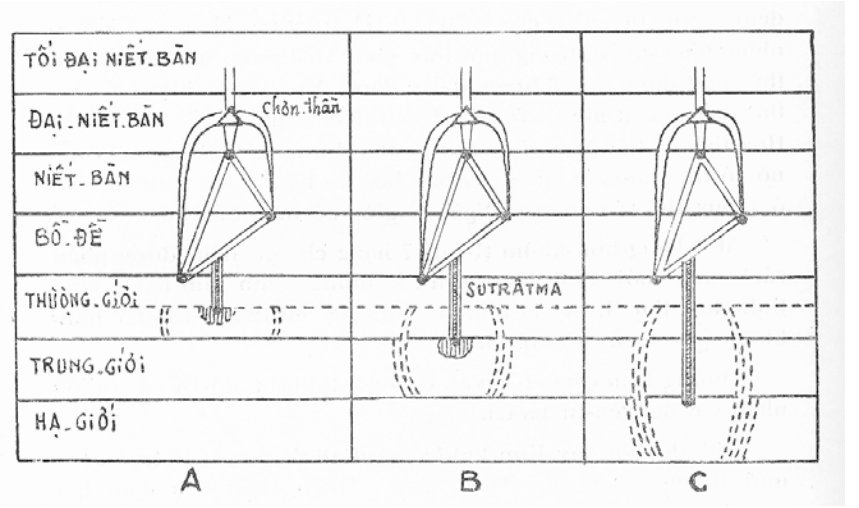

Toát yếu: Sợi chỉ màu vàng chói bằng chất bồ đề là sợi Sûtrâtma hay là đường kim quang tuyến. Nó xâu 3 hột nguyên tử trường tồn. Ban đầu sợi kim quang tuyến bay phất phơ chưa bám vào đâu. Nhờ Thiên Thần gom chất khí cõi hạ thiên cho nhập vào đường kim quang tuyến tạo ra hột nguyên tử trường tồn hạ trí (manas).

Sợi kim quang tuyến xuống tận cõi trung giới, Thiên Thần bèn đem chất thanh khí gắn vào sợi dây ấy để làm hột nguyên tử trường tồn của thể vía.

Thế rồi sợi kim quang tuyến mãi dẫn xuống cõi trần. Thiên thần mới đem chất tinh khí (thuộc thể phách) gắn vào sợi kim quang tuyến để làm hột nguyên tử trường tồn của thể xác.

Đồ hình số 57

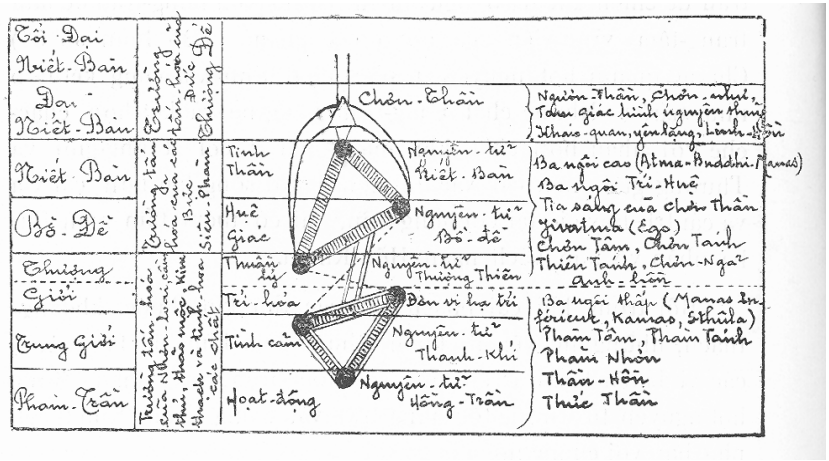

Toát yếu: Trong đồ hình ta thấy 7 cõi chia làm 3 giới tiến hóa: a) Giới tiến hóa của các đấng Thượng Đế. b) Giới tiến hóa của các đấng Siêu Phàm. c) Giới tiến hóa của nhân loại, cầm thú, thảo mộc, kim thạch và tinh hoa các chất. Chơn Thần ở cõi đại niết bàn phân thân xuống ba cõi dưới là (niết bàn, bồ đề và thượng giới). Nơi đây Chơn Thần lấy tên là chơn nhơn hay là chơn ngã, v.v.. chơn nhơn xuống cõi thấp nữa không được, mới phân thân xuống 3 cõi dưới kế đó là: hạ thiên tức là (4 cõi thấp của thượng giới), trung giới và hồng trần. Nơi đây chơn nhơn lấy tên là phàm nhơn.

Phàm nhơn và chơn nhơn nối liền nhau bằng một dây từ điễn, màu vàng, chói lòa; ấy là đường kim quang tuyến (Sûtrâtma).

CHƯƠNG 44

HỒN KHÓM – TỔNG QUÁT

Trong mấy bài trước, ta đã thấy mỗi Chơn Thần đều có Tam Thể Thượng (Triade supérieure) hay là Ba Ngôi Cao nghĩa là có ba hột nguyên tử trường tồn hay là ba hột lưu tánh nguyên tử ở cõi niết bàn (Atma), bồ đề (Buddhi) và thượng thiên và Tam Thể Hạ (Triade inférieure) hay là Hồn thơ, hay là Ba Ngôi Thấp gồm có ba hột lưu tánh nguyên tử của cõi hạ thiên, trung giới và hồng trần. Những hột lưu tánh nguyên tử nầy giúp Chơn Thần liên lạc với các cõi dưới bằng «tia sáng» của nó, và nhờ sự liên lạc nầy, Chơn Thần mới làm ra các thể hầu kinh nghiệm và hoạt động được ở các cõi thấp. Muốn hiểu rõ điều nầy, ta cần hiểu biết «hồn khóm».

Vậy hồn khóm là gì?

Hồn khóm là một nhóm hồn thơ, chưa tiến hóa (Hồn thơ cũng có thể gọi là Tam Thể Hạ) ở trong một cái bọc làm bằng ba tấm màn mỏng do chất tinh hoa kết thành (xin xem đồ hình số 56).

Ta thấy rằng: Tam Thể Thượng nối liền với Tam Thể Hạ bằng một đường kim tuyến chất bồ đề gọi là Sutrâtma. Khi đường Sutrâtma xuống tới ba cõi dưới, thì có nhiều chất kết thành ba lớp bọc để chia ra từ khóm. Ba lớp bọc ấy làm bằng

chất tinh hoa thượng thanh khí, tinh hoa thanh khí và chất tinh khí hồng trần. Chúng nó là những tấm vách ngăn đặc biệt của hồn khóm. Cả thảy hồn khóm chỉ tồn có 7 hạng, hay 7 khóm chánh thuộc về 7 cung của Chơn Thần. Bảy khóm chánh nầy chia ra vô số khóm nhỏ khác, và phải trải qua nhiều kinh nghiệm đặng tiến hóa. Chúng nó vẫn sống riêng biệt và khác hẳn nhau.

Bảy hạng hồn khóm chánh có những hình dạng mập mờ, trôi nổi bình bồng trong bầu khí quyển như những bong bóng nổi trên mặt biển. Người có thần nhãn thấy chúng nó trên cõi thượng thiên, nhưng không mấy rõ rệt, thấy rõ hơn ở cõi trung giới, và càng rõ hơn nữa khi chúng nó xuống tới cõi phàm trong chất dĩ thái (éther).

Mỗi khóm chánh trôi nổi trong sinh lực của lượn sóng sinh hoạt thứ nhì.

Nếu ta xem kỹ mỗi khóm, ta sẽ thấy vô số Tam Thể Hạ. Mỗi Tam Thể Hạ nối với Tam Thể Thượng bằng một sợi dây bồ đề (sutrâtma). Tất cả Tam Thể Thượng đều chịu mạng lịnh của Chơn Thần nào có đặc quyền với chúng. Trước khi hồn khóm chưa đầu thai làm loài kim thạch, ta không thấy cái bọc vàng mỏng bao quanh Tam Thể Hạ. Nhưng khi hồn khóm nhập vào loài kim thạch, thì cái bọc mỏng ấy mới bắt đầu biểu hiện.

Ta đã nói hồn khóm có ba bọc, mà bọc trong hết làm bằng tinh chất cõi phàm, nghĩa là làm bằng nguyên tử hồng trần có sinh lực của Ngôi thứ nhì đem sự sống nuôi dưỡng. Bọc

thứ nhì làm bằng tinh chất cõi vía (trung giới), còn bọc thứ ba làm bằng tinh chất cõi trí (thượng giới). Ba bọc nầy đem sinh lực nuôi dưỡng và che chở các hồn ở trong, y như cái kén che chở con nhộng. (Đồ hình số 58)

Bảy nhóm chánh của Hồn Khóm

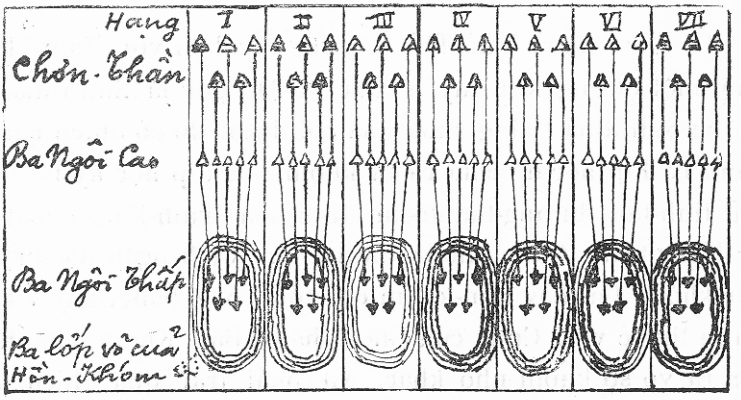

Đồ hình số 58

Trong hình nầy vì thiếu chỗ, nên chỉ vẽ có 5 hồn thơ (Tam Thể Hạ) trong một khóm mà thôi, thật ra còn biết bao là hồn thơ trong ấy. Mỗi khóm chánh chia ra nhiều khóm phụ, những khóm phụ cũng đồng một tánh với khóm chánh. Tỷ như hồn khóm chánh kim thạch của mỏ vàng ở Úc châu cần phải chia ra làm khóm nhỏ để nhập vào mỏ vàng ở Mỹ châu, xa Úc châu tít mù. Bởi thế, trong một cục đá, ngọn cây hay con thú chưa tiến hóa, ta không thấy một hồn thơ duy nhứt, mà một khối hồn thơ.

Cả thảy hồn thơ hay Tam Thể Hạ đều phải nhập vào loài kim thạch là chất nặng hơn hết tại cõi trần. Nơi đây hồn thơ mới tập mở lần lần «tri thức» nhờ bởi những rung động bên ngoài và va chạm với mọi vật chung quanh.

Người ta ví hồn khóm như nước trong thùng. Nếu lấy ly múc một ít nước, thì nước trong ly là một hoặc nhiều hồn, hoặc một phần hồn. Nước trong ly riêng biệt hẳn với nước trong thùng, song nó lấy hình cái ly.

Theo cách đó một phần hồn khóm có thể nhập vào một khối đá, một loại cây hay một con thú.

Lúc sống dưới trần, và một thời gian trên cõi trung giới, con thú có hồn riêng biệt như con người, nhưng sau khi mãn hạn sống trên trung giới, hồn thú không còn riêng biệt nữa, lại nhập vào hồn khóm, nghĩa là vào một cái bọc chung.

Con thú chết rồi, cũng tỷ như lại đổ ly nước vào thùng; nước trong ly sẽ túa ra và hòa với nước trong thùng. Hồn thú cũng vậy, khi nó nhập vào hồn khóm, nó sẽ hoàn toàn hòa đồng với các phần tử của khóm. Lại nữa, tỷ như ly nước múc trong thùng ra, được cho màu vào; nếu ta đổ nó lại thùng, tự nhiên nước trong thùng sẽ đổi màu. Màu ấy có thể ví với những kinh nghiệm con thú đã đoạt được. Khi hồn của con thú nhập về hồn khóm, thì các kinh nghiệm nầy sẽ phân phát đồng đều cho mỗi phần tử của khóm. Thành thử mỗi phần tử đều thọ lãnh kinh nghiệm nói trên, nhưng với một mãnh lực nhẹ, kém yếu, vì đã bị phân chia. Bởi vậy một con chó có tính trung tín khi thác rồi, nó nhập vào hồn khóm, và tính trung tín ấy sẽ

thành tính trung tín chung. Nhưng đức tính ấy kém yếu hơn lúc còn ở trong một con thú. Do đó mới có bản năng sinh tồn của động vật.

Cái bọc hồn khóm nuôi những hồn thơ (Tam Thể Hạ) sánh như tử cung nuôi bào thai vậy. Hồn khóm chia cho toàn thể kinh nghiệm của mỗi phần tử, thì sinh lực của người mẹ thấm nhuần tế bào của thai nhi cũng y như vậy.

Con thú còn nhỏ, con người còn bé chưa tự sống được, phải nhờ ơn cúc dục của mẹ cha, tới chừng nào trở nên cứng cát, biết tự động, tự túc một mình mới thôi. Vì vậy mà những hồn thơ của loài kim thạch, thảo mộc và cầm thú đều nhờ sự bảo dưỡng của lớp vỏ (bọc) bằng chất tinh hoa rung chuyển, làm trung gian tiếp dẫn thần lực của đức Thượng Đế xạ xuống.

Sự tiến hóa buổi đầu của hồn khóm phải tùy thuộc ba yếu tố nầy:

a) Trước hết, sự sống của đức Thượng Đế bao phủ và nuôi nấng.

b) Sự hợp tác của những thiên thần.

c) Sự kháng cự vô ý thức của những hồn khóm đối với cái bọc bên ngoài.

Nhờ ba yếu tố nầy mà những nguyên tử của hồn thơ mới rung chuyển. Luồng sóng sinh hoạt thứ nhì của ngôi thứ nhì nuôi sống cái bọc hồn khóm và làm cho những hột nguyên

tử tinh khí thuộc về thể phách được mạnh mẽ hơn. Các vị thiên thần sẽ đem những hột nguyên tử thể phách vào loài kim thạch; và nơi đây mỗi hột nguyên tử thể phách rút vào mình nhiều hột nguyên tử kim thạch. Những cảm giác về sự nóng, lạnh, sự va chạm, sự đè ép, sự rung chuyển làm cho hột lưu tánh nguyên tử, trong kim thạch bị kích thích, và chúng sẽ chuyển động theo. Nhờ đó mà «tâm thức» của kim thạch mở lần lần.

Khi vận chuyển những hột lưu tánh nguyên tử nầy đã thâu thập một mớ cảm giác mới mẻ, hoặc khi kim thạch đã tan rã từng nguyên tử, thì hồn khóm lập tức rút vào lòng hột lưu tánh nguyên tử tinh khí (thuộc về cõi hồng trần).

Sự kinh nghiệm của hột lưu tánh nguyên tử tồn tại bằng cách rung động. Kim thạch tiến hóa nhiều, thì cảm biết đặng nhiều rung động bên ngoài. Có khi một hơi gió thoảng cũng có thể làm cho nó biết là mùa đông hay mùa hạ sắp đến.

Ta đã nói: Khi lìa khỏi kim thạch, thì hột lưu tánh nguyên tử rút về hồn khóm của nó. Nơi đây, nó lặp lại cách rung động của nó đã kinh nghiệm được. Những luồng rung động nầy xuyên qua lớp vỏ của hồn khóm và chạm đến những hột lưu tánh nguyên tử khác cùng ở trong một bọc. Vì vậy mà hột nguyên tử nầy cảm kích và tương trợ những hột nguyên tử kế cận. Bấy giờ lại xảy ra một hiện tượng quan trọng khác: những hột lưu tánh nguyên tử cùng kinh nghiệm đồng hóa nhau lại thích nhau nhiều hơn với những hột lưu tánh nguyên tử khác biệt. Cho nên, nhiều nhóm nhỏ đồng tánh, mới thành lập và cách biệt nhau bằng một tấm màn mỏng từ cái bọc của

hồn khóm chánh. Nhưng ta hãy nhớ rằng: những nhóm hồn khóm nhỏ, hay hồn khóm phụ nầy, vẫn cùng chung một bọc.

Sau một thời gian tiến hóa, những nhóm hồn khóm phụ sẽ có nhiều ý thức cá biệt, nhưng vẫn giữ vài đặc tánh của hồn khóm chánh. (Đồ hình số 59)

Bây giờ ta hãy xem qua sự biến chuyển trong bọc, một khi các phần tử đã tiến hóa lần lần. Trong lúc hồn khóm nhập vào kim thạch, nó có cái bọc hồng trần bằng chất tinh khí hay dĩ thái (éther) nặng nề và thô kịch nhứt. Nhưng chính tại cõi trần, hồn khóm mới hoạt động nhiều hơn hết. Khi những phần tử trong bọc hồn khóm nhập vào thảo mộc để nối bước trên đường tiến hóa, thì tấm màn bằng tinh chất ấy sẽ dần dần tan mất, vì nó bị các phần tử trong bọc hút vào trong để nuôi thể phách. Bấy giờ những phần tử còn trong bọc phải sống trên cõi trung giới, chúng nó được hồn khóm tận tâm nuôi dưỡng. Khi các phần tử nầy tới thời kỳ đầu thai vào loài cầm thú, thì tấm màn bằng chất thanh khí cũng tan mất, giống như trước. Bấy giờ năng lực hoạt động của hồn khóm liền dồn về cõi thượng giới đặng nuôi thể trí của hồn thơ còn mập mờ, bằng cách làm cho hình thức thể trí được rõ rệt hơn. Khi nào trong bọc hồn khóm chỉ còn một phần tử, tức là một hồn thơ, đang sửa soạn tiếp luồng sóng sanh hoạt thứ III của Ngôi thứ I đặng thành hồn người, thì cái bọc sẽ rã ra từng nguyên tử nơi cảnh thứ III cõi thượng giới để tạo thành chơn thân (corps causal) cho hồn người.

Chúng ta đã học đại khái về hồn khóm, và cách sinh hoạt của nó. Chúng ta hãy học tỉ mỉ hơn. Hồn khóm trong loài kim thạch, kế đến trong thảo mộc, rồi đến trong cầm thú.

Hồn-khóm phụ

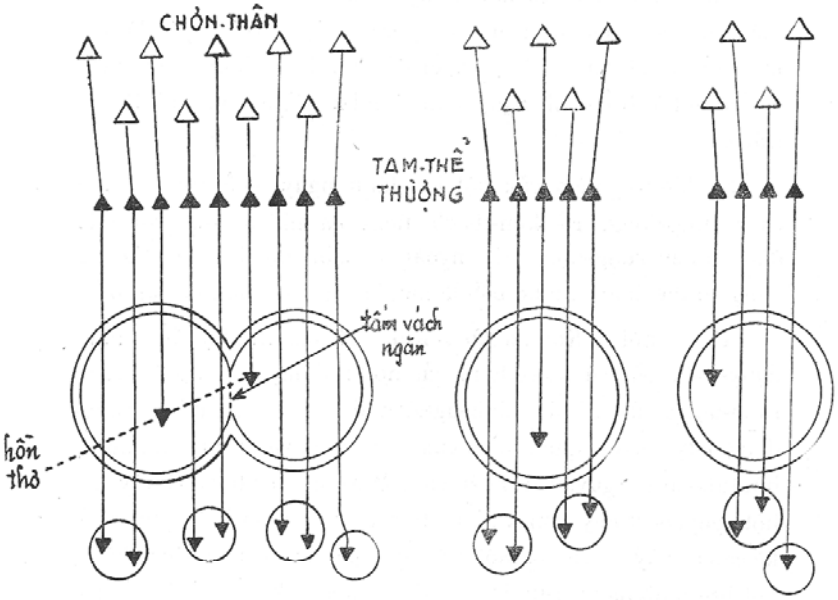

Đồ hình số 59

TOÁT-YẾU.— Khi một con thú thát rồi, nó đem sự kinh-nghiệm riêng của nó về bọc hồn-khóm, để chia điều cho đồng-chũng. Nhưng có phần-tử thì thích-hợp với sự kinh-nghiệm ấy, có phần-tử lại không, nên chúng nó mới thành-lập những nhóm nhỏ «bất đồng-tánh» do tấm màn mỏng của khối (hay là hồn-khóm chánh) thòng xuống. Trong đồ hình số 59, ta thấy tấm vách ngăn đó rõ ràng. Những khóm nhỏ ấy gọi là những hồn-khóm phụ. Điều đáng lưu-ý là những hồn-khóm phụ tuy rằng có nhiều ý-thức riêng-biệt, nhưng vẫn còn ở trong một bọc chánh, và vẫn giữ vài đặc-tánh của hồn-khóm chánh. Sau lần lần, hai bọc nhỏ nầy xa hẳn nhau. Trong đồ hình, ta thấy hồn-khóm chánh chia ra hai hồn-khóm phụ riêng-biệt. Hồn-khóm phụ thứ nhứt có 5 hồn thơ : 4 hồn thơ đã đầu-thai, 1 hồn thơ còn trong bọc Hồn-khóm phụ thứ nhì có 4 hồn thơ : 3 hồn đã đầu-thai, 1 hồn còn trong bọc.

CHƯƠNG 45

HỒN KHÓM TRONG LOÀI KIM THẠCH

Trong đồ hình số 60 ta thấy hồn khóm ở loài kim thạch, và ba lớp vách ngăn nó: a) Lớp ngoài làm bằng chất nguyên tử cõi phàm; b) Lớp giữa, chất tinh hoa chơn thần thanh khí (cõi trung giới); c) Lớp trong, chất tinh hoa thượng thanh khí của cảnh thứ tư (cõi thượng giới).

Vậy hồn khóm trong kim thạch tức là một nhóm hồn thơ ở trong cái bọc có 3 lớp. Trong bọc ta thấy mỗi hồn thơ đều dính liền với Tam Thể Thượng. Còn Tam Thể Thượng lại dính liền với Chơn Thần. Những hồn thơ còn ở trong bọc là những hồn chưa nhập vào loài kim thạch.

Dưới cái bọc hồn khóm, ta thấy vài hình dạng không đều đặn, đó là những khối kim thạch khác nhau. Trong vài khối ấy có nhiều hồn thơ.

Bên phải cái hình, ta thấy một khối đá bị vỡ ra từng mảnh; vì hồn thơ đã nhập vào đó, sắp trở về hồn khóm.

Mỗi hồn thơ phải khởi đầu nhập vào kim thạch tại cõi phàm trong một thời gian. Chất cõi phàm thô kịch nhứt, và cõi phàm cũng là nơi sinh hóa của đức Thượng Đế. Luồng Sóng Sinh Hoạt của Ngôi Lưỡng Nghi xuống thấp hơn hết, rồi lần hồi trở lên.

Tâm thức hồng trần của loài kim thạch phải được mở mang và được đánh thức trước nhứt. Chính tại cõi phàm cái tâm thức phải tỉnh dậy để tiếp xúc với những sự rung động bên ngoài. Nó cần phải nhận định những mối cảm xúc do ngoại giới đem đến. Lần lần tâm thức của loài kim thạch mới hiểu biết năng lực sống nơi mình do những biến chuyển của các cảm xúc. Hay là nói cách khác, tại cõi phàm, tâm thức bắt đầu ý thức cái tự ngã.

Nhờ kinh nghiệm nhiều lần, tâm thức có thể do những khích động ở ngoài mới cảm giác được vui khổ; đồng thời nó khởi biết những điều rung động bên ngoài không phải «Ta».[19] Đó là sự phân biệt đầu tiên của loài kim thạch về «cái Ta» với «cái không phải là Ta». Lần lần, càng kinh nghiệm, tâm thức càng biết phân biệt rõ ràng hơn, và tự nhiên nó đem «cái Ta» vào trong và xô đẩy «cái không phải là Ta» ra ngoài.

Tóm lại, tâm thức đã bắt đầu nảy nở từ cõi phàm. Sự kinh nghiệm thu vào hột lưu tánh nguyên tử. Chính trong hột lưu tánh nguyên tử ấy, cái tâm thức sơ khai kia đang «mơ màng giấc điệp» – nếu ta có thể nói như vậy – Nó cần có sự

---

[19] Cái Ta là cái tâm thức đang suy nghĩ, đang cảm, đang làm, còn cái «không phải là Ta» là cái gì bị tâm thức đem ra suy nghĩ, cảm xúc và thi hành.

biến đổi bên ngoài đặng đánh thức nó dậy, sốt sắng tỉnh táo lên một chút, để bước qua giai đoạn nhập vào loài thảo mộc. Người ta còn ví «tâm thức» trong kim thạch là trạng thái của người «ngủ không chiêm bao» và cái tâm thức trong thảo mộc là trạng thái của người «ngủ có chiêm bao».

Tâm thức của loài kim thạch phản ứng rõ rệt với những mối xúc động bên ngoài, mà người ta thường không để ý. Như những nguyên tố hóa học tự phản ứng với nhau rõ ràng và chúng nó thường bị tan rã, khi có một nguyên tố thứ ba xen vào. Tỷ như hai nguyên tố khác nhau, hóa hợp rất khắng khít, làm thành chất ngân diêm. Nếu người ta chế vào đó chất thứ ba là lục thủy toan thì cái hợp chất hòa ấm ấy sẽ tan rã: hai nguyên tố sẽ phân ly lập tức. Chất ngân sẽ hóa hợp với chất lục tố mà nó thích, để lập một hỗn hợp khác là lục tố ngân; để lưu lại chất khinh khí bơ vơ! Túng thế, khinh khí phải hóa hợp với chất còn dư lại, để lập nên hợp chất thứ hai.

Ở trước ta đã nói: hồn khóm chánh có thể chia ra nhiều hồn khóm phụ do nhiều kinh nghiệm khác nhau. Càng bị kích thích nhiều chừng nào, thì càng được nhiều kinh nghiệm chừng nấy. Tỷ như đá ở trong núi phun lên trên không: lớp thì trở thành phún thạch, lớp thì văng ra xa rồi nguội lần, lớp thì nát biến hợp với loại kim chảy (vì lửa trong hỏa diệm sơn làm chảy) rồi trở lộn vào ruột trái đất mà sôi lên, lớp thì rớt vào biển bị sóng đánh ngày đêm và bị đùa ra bờ. Biết bao là sự kích thích bên ngoài: khi bị đập, bị đốt, bị nghiền, khi bị lạnh buốt khiến cho tâm thức còn say ngủ kia phải tỉnh dần và tập rung động theo bên ngoài.

Khi xảy ra biến chuyển với những hợp tan đột ngột, hột lưu tánh nguyên tử thể vía bị lay động chút ít. Nếu sự biến chuyển ấy thường xảy ra thì hột lưu tánh nguyên tử thanh khí (thuộc về thể vía) càng mau thức tỉnh và nó khởi sự rung động. Nhân đó tình cảm của nó được đánh thức chút ít. Sự rung động của hột lưu tánh nguyên tử thể vía hấp dẫn những hột thanh khí chung quanh thành đám mây mờ bao phủ châu vi không rõ ràng, khí chất mảnh mai và rất bở. Vậy loài kim thạch có thể vía mới sanh, và chưa có thể trí.

Sau một thời gian dài đăng đẳng ở trong loài kim thạch, hồn khóm đã thâu nhặt bao nhiêu kinh nghiệm về cách cảm ứng với những sự rung động tại cõi trần, bấy giờ hồn khóm mới nhờ thiên thần dẫn dắt cho nhập vào loài thảo mộc.

Đồ hình số 60

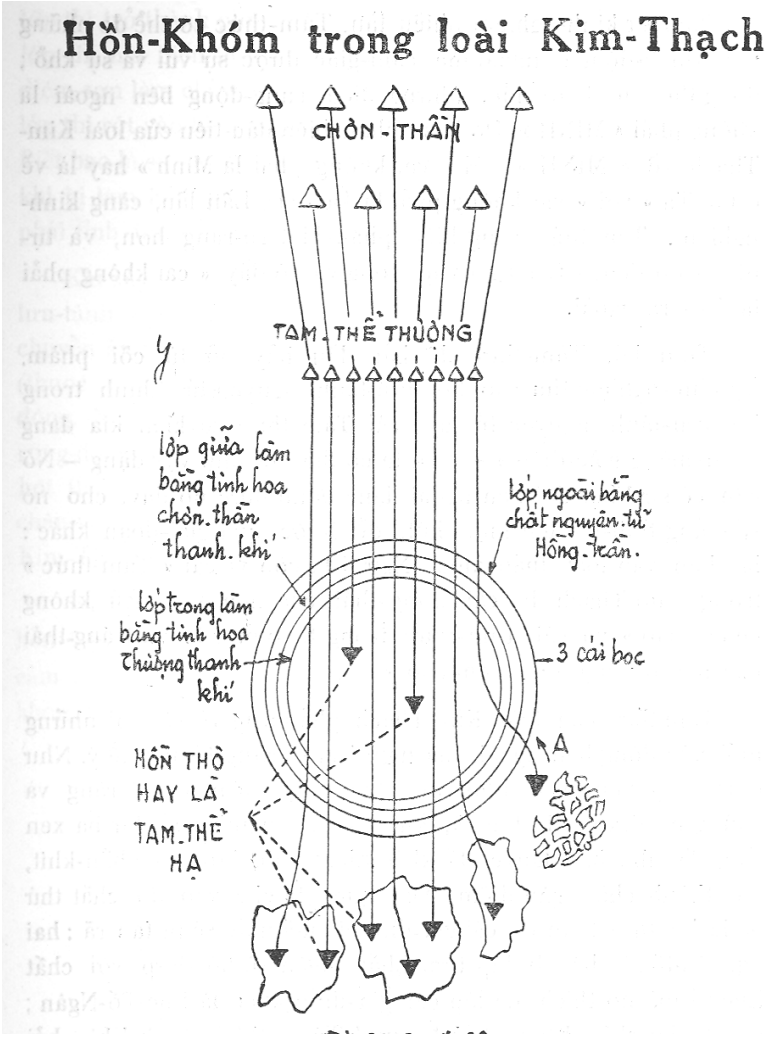
Hồn-Khóm trong loài Kim-Thạch
CHƠN-THẦN
TAM-THỂ THƯỜNG
lớp giữa làm bằng tinh hoa chơn-thần thanh-khí
lớp ngoài bằng chất nguyên-tử Hồng-trần.
lớp trong làm bằng tinh hoa thường thanh khí
3 cái bọc
A
HỒN THỌ HAY LÀ TAM-THỂ HẠ

Toát yếu: Trong đồ hình nơi điểm A, ta thấy khối đá tan vỡ. Hồn thơ kim thạch đi theo mũi tên sắp trở về bọc hồn khóm với sự thâu thập của nó do ngoại giới đưa đến. Nhờ những cảm giác và những kích thích bên ngoài mà tâm thức kim thạch, còn say ngủ kia, lần lần tỉnh dậy và tập rung động theo bên ngoài.

Kim thạch chưa có thể trí; thể vía mới vừa sanh.

Khi đã có đủ kinh nghiệm trong loài kim thạch rồi, hồn thơ mới nhận vào loài thảo mộc.

CHƯƠNG 46

HỒN KHÓM TRONG LOÀI THẢO MỘC

Đồ hình số 61 chỉ hồn khóm trong loài thảo mộc. Ta thấy cái bọc của nó có hai lớp.

1 – Lớp ngoài làm bằng chất tinh hoa chơn thần thanh khí nghĩa là tinh chất thể vía.

2 – Lớp trong làm bằng chất tinh hoa thượng thanh khí hay là chất thể trí ở cảnh thứ tư.

Còn lớp thứ ba làm bằng chất hồng trần của kim thạch lại bị rút vô hồn khóm để bổ túc thể phách của những phần tử nó.

Ở trong hồn khóm, ta thấy những Tam Thể Hạ (hay hồn thơ) dính vào Tam Thể Thượng và tất cả đều liên lạc với Chơn Thần thống trị chúng nó. Trong bọc có hai hồn thơ chưa nhập vào thảo mộc. Dưới cái bọc có nhiều hình dạng khác nhau tượng trưng những khóm thảo mộc. Trong mấy khóm thảo mộc ta thấy có những hồn thơ nối liền với hồn khóm. Bên phải cái hình, nơi điểm A, ta thấy một thân cây đã chết, hồn thơ ẩn nơi đó được tự do trở về hồn khóm theo đường mũi tên.

Bây giờ hồn khóm lo bồi đắp thể vía của hồn thơ.

Cũng như đối với hồn khóm kim thạch, hồn khóm thảo mộc là trường tiến hóa của những hột lưu tánh nguyên tử. Thiên thần dìu dắt những hồn thơ ấy từ hình dạng thảo mộc nầy, đến hình dạng thảo mộc khác, để bắt buộc chúng nó cảm giác những sự rung động khác nhau trong giới thảo mộc. Hễ chúng nó cảm giác được nhiều sự rung động khác nhau chừng nào, là chúng nó tiến hóa nhiều chừng nấy.

Cũng như đối với loài kim thạch, sự phân chia hồn thơ trong thảo mộc không đồng. Điều nầy ta chẳng rõ vì lý do nào? Người ta có thể thấy một hột lưu tánh nguyên tử trong một hột trân châu, bích ngọc, kim cương. Người ta cũng thấy thật nhiều hột lưu tánh nguyên tử trong mỏ kim thạch. Trái lại, trong nhiều loại kim khác, lại không có một hột lưu tánh nguyên tử nào. Đối với loại thảo mộc cũng thế: tỷ như những thảo mộc mau chết, thì lại không có một hồn thơ nào. Mà loài cây to sống lâu, lại có nhiều.

Lúc sinh sống trong loài thảo mộc, những hột lưu tánh nguyên tử hay là hồn thơ hoạt động mãnh liệt hơn lúc còn ở trong loài kim thạch. Thừa dịp khi chúng nó hoạt động rất hăng hái, các vị thiên thần mới đưa lại gần chúng nó chất thanh khí. Chúng nó bèn rút chất khí ấy để bồi bổ hồn khóm. Hễ cây càng sum sê cành lá và gốc càng to, thì thể vía càng lớn. Thể vía nầy rung động theo sự rung động bên ngoài, vì nó bị kích thích bởi ánh sáng mặt trời, hay dông gió, bão tố, hay sức ép cực lực của nóng lạnh bên ngoài. Những cảm xúc ấy được chuyển di một phần đến hột lưu tánh nguyên tử thanh khí của hồn thơ ẩn

trong cây. Nhưng khi cây chết, hồn thơ rút về hồn khóm, đem theo những kinh nghiệm đã thâu thập trong kiếp nầy chia cho các hồn thơ của nhóm.

Bao giờ thể vía của cây rung chuyển mạnh mẽ, thì cái tâm thức của hồn thơ truyền sự rung động xuống cõi trần, biến ra nhiều cảm giác. Người ta tưởng lầm rằng: cõi trần tạo ra cảm giác, nhưng thật sự cõi trung giới (cõi vía) sanh.

Sau khi ở trong thân cây một thời gian khá lâu, hột lưu tánh nguyên tử thể trí khởi hoạt động chút ít, và rút chất thượng thanh khí (mà thiên thần đã sắp sẵn chung quanh nó) làm thành một đám mây mờ bao phủ nó. Đám mây ấy là chất thể trí sau nầy của loài thảo mộc vậy. Bốn mùa thời tiết qua đi, trở lại chừng mực in trong trí nhớ của cây, nên cây có thể biết trước 4 mùa, 8 tiết.

Người ta thường cho rằng: mỗi hồn thơ của loài thảo mộc – trong kiếp chót – nhập vào cây đại thọ đặng sống lâu dưới trần, hầu kinh nghiệm thật nhiều, dọn đường cho kiếp thú cầm bò bay máy cựa trong tương lai. Nhưng đó không phải là một định luật.

Chơn Thần nhập vào vật chất từ loài tinh hoa đến loài kim thạch, là giai đoạn cuối cùng của con đường đi xuống, hay là nhập thế (involution). Từ đây, hồn khóm khởi sự bỏ vật chất đặng trở về tinh thần (évolution) để trở về nẻo đường đi lên.

Hồn-Khóm trong loài Thảo-Mộc

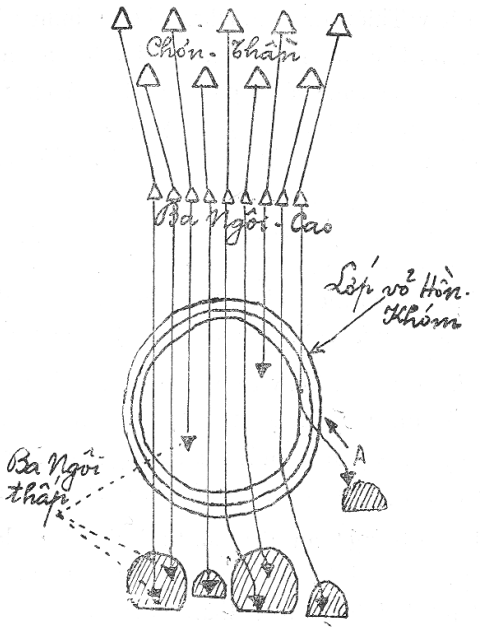

Hình số 61

Toát yếu : Trong đồ hình số 61, cái bọc của hồn khóm trong loài thảo mộc chỉ còn có hai lớp (lớp bằng chất thể vía, lớp bằng chất thể trí), lớp thứ ba bằng chất hồng trần lại bị rút vô hồn khóm.

Nơi điểm A, ta thấy một khúc cây rã, hồn thơ theo đường mũi tên rút vô hồn khóm, sau khi đã cảm giác được những sự rung động bên ngoài.

Thảo mộc càng có những cảm giác khác nhau nhiều chừng nào, thì càng tiến hoá cao chừng nấy.

Trong đồ hình, ta thấy hồn thơ thảo mộc nhập trong nhiều thứ cây khác nhau. Thứ thảo mộc mau chết, thì thường không có hồn thơ; còn những cây đại thọ lại có rất nhiều.

(XIN XEM TIẾP QUYỂN 3)

BA MỤC ĐÍCH CỦA HỘI THÔNG THIÊN HỌC:

1. Tạo tình huynh đệ đại đồng, không phân biệt chủng tộc, tín ngưỡng, nam nữ, giai cấp
2. Khuyến khích việc học hỏi, đối chiếu tôn giáo, triết lý và khoa học
3. Nghiên cứu những định luật thiên nhiên chưa giải thích được và những năng lực ẩn tàng trong con người.

***

Trụ sở hội Thông Thiên Học Quốc Tế:
Adya, Chennai (Madras)
600 020 India

***

Trụ sở Thông Thiên Học Hoa Kỳ
1926 North Main Street
P.O Box 270
Wheaton, IL 60187

***

**** Muốn gia nhập Hội, bạn chỉ cần thừa nhận mục đích 1 và liên lạc với hội nơi quốc gia bạn cư ngụ; hay với một bạn hội viên nào bạn biết.*

****

Quý vị muốn có sách biếu miễn phí xin liên lạc:

CHI BỘ PHỤNG SỰ CHÂN LÝ
Anh Hiệp, điện thoại: (714) 638-8758
Email: hiep6647@yahoo.com
Anh Nhựt, điện thoại : (714) 530-3853
Email : nhutnguyen12@gmail.com,
Houston, Texas:
Văn Lý, đt: 832-372-7802
Email: vanlienly2004@yahoo.com

Xin Xem Tiếp Quyển 3